

SỐ 1 - 2026

**CHỊU TRÁCH NHIỆM
XUẤT BẢN**

TS. Nguyễn Văn Phát
Chủ tịch Liên hiệp các Hội
Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa

**CHỊU TRÁCH NHIỆM
NỘI DUNG**

CN. Nguyễn Quốc Uy
Phó Chủ tịch Liên hiệp các Hội
Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa

BAN BIÊN TẬP

ThS. Phạm Kim Tân
PGS. TS. Hoàng Thanh Hải
ThS. Nguyễn Quốc Tuấn
KS. Lê Xuân Dũng
CN. Hà Sĩ Thắng
ThS. Lê Thị Linh Mai

**THƯ KÝ BIÊN TẬP
VÀ TRÌNH BÀY**

ThS. Lê Thị Linh Mai

**LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC
VÀ KỸ THUẬT THANH HÓA**

42 Lê Quý Đôn - Phường Hạc Thành
Tỉnh Thanh Hóa
Điện thoại: 02373.720.885
Fax: 02373.720.885
Website: www.tusta.org.vn
Email: khoahtocthanhhoa@gmail.com

Ảnh bìa: Lãnh đạo tỉnh, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam và Ban Tổ chức Hội thi trao thưởng cho các tác giả, nhóm tác giả đạt giải Nhất Hội thi Sáng tạo kỹ thuật Thanh Hóa lần thứ 14 (2024 - 2025)

- 2** 10 sự kiện Khoa học và Công nghệ nổi bật năm 2025
- 7** Tin hoạt động **Ban Biên tập**
- 10** Nâng cao chất lượng hoạt động thông tin, phổ biến kiến thức của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa
Nguyễn Quốc Uy
- 15** Một số kết quả hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa năm 2025
Phạm Kim Tân
- 20** Kết quả bước đầu thực hiện dự án tăng cường khả năng ứng phó thiên tai của đồng bào khu vực rừng đầu nguồn
Nguyễn Viết Nghị
- 23** Liên chi hội Khoa học lịch sử Lực lượng Vũ trang Thanh Hóa đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, góp phần tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh
Nguyễn Văn Lộc
- 26** Nâng cao ý thức pháp luật - Hành trình đồng hành của Hội Luật gia tỉnh Thanh Hóa cùng cộng đồng
Lê Đình Ty
- 30** Cộng sinh công nghiệp và đề xuất giải pháp quản lý các vấn đề về môi trường tại khu kinh tế và các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa
Lê Anh Trung
- 34** Những thách thức cốt lõi về thủy lợi và phòng chống thiên tai cần lời giải để phát triển bền vững
Phạm Xuân Quý
- 39** Nghiên cứu ảnh hưởng của liều lượng phân bón NPK đến sinh trưởng, phát triển cây Sa nhân tím (*Amomum longiligulare* t.l.wu) tại Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa
Lê Thị Huệ, Nguyễn Thị Hương
- 43** Nghiên cứu phân tích đồng thời một số hoạt chất nhóm NSAIDS trộn trái phép trong thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thuốc bằng kỹ thuật sắc ký lỏng
Nhóm tác giả
- 46** Lập hồ sơ quy hoạch theo hệ thống tin địa lý (GIS) **Nhóm tác giả**
- 48** Phát huy truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc có từ thời đại Hùng Vương
Nguyễn Văn Toàn
- 50** Ngày Quốc tế Lao động 1/5 trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở nước ta
Nguyễn Ngọc Khiếu
- 54** Những nét văn hóa truyền thống của người Mường Thanh Hóa với việc bảo tồn và phát huy trong thời kỳ phát triển của đất nước
Phạm Văn Độ
- 57** Nét đẹp truyền thống của người phụ nữ Việt Nam **Sông Côn**

10 SỰ KIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NỔI BẬT NĂM 2025

Ban Biên tập
(Sưu tầm)

Ngày 19/12, Câu lạc bộ Nhà báo Khoa học và Công nghệ Việt Nam tổ chức lễ công bố 10 sự kiện Khoa học và Công nghệ nổi bật năm 2025.

Cơ chế chính sách

1. Quyết liệt triển khai Nghị quyết 57 của Bộ Chính trị ở tất cả các cấp

Ngày 22/12/2024, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW (Nghị quyết 57) về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Nghị quyết được xem là “cuộc cách mạng” trong phát triển kinh tế - xã hội đất nước, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, và chuyển đổi số làm động lực tăng trưởng chính.

Trong năm 2025, cả hệ thống chính trị ở tất cả các cấp đều vào cuộc, quyết liệt triển khai Nghị quyết 57. Ngày 19/2, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 193 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Ngày 9/1, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 03 về Chương



Nghị quyết số 57-NQ/TW là động lực để các nhà khoa học cống hiến, dẫn thân đổi mới sáng tạo (Ảnh minh họa).

trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 57.

Hàng chục dự thảo luật, nghị định, thông tư liên quan được Quốc hội, Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ... thông qua, ban hành, triển khai thực hiện. Luật Khoa học, công nghệ và Đổi mới sáng tạo do Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng, Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 9 (tháng 6/2025) được xem là bước tiến quan trọng để hiện thực hóa những “đột phá” chiến lược của Nghị quyết 57.

Ngày 12/6, Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm

công nghệ chiến lược có 11 nhóm công nghệ chiến lược với 35 nhóm sản phẩm công nghệ chiến lược. Ngày 10/12, Quốc hội đã biểu quyết thông qua Luật Trí tuệ nhân tạo (AI). Việt Nam trở thành một trong số ít quốc gia có khung pháp lý toàn diện về AI...

2. Hệ thống quản lý trực tuyến các nhiệm vụ khoa học công nghệ theo thời gian thực

Ngày 27/11, Bộ Khoa học và Công nghệ đã khai trương hệ thống quản lý trực tuyến các nhiệm vụ khoa học công nghệ do Quỹ Phát triển Khoa học và công nghệ quốc gia (NAFOSTED) vận hành theo thời gian thực. Đây là một sản phẩm công nghệ mới, nền tảng mới cho đổi mới mô hình quản lý khoa học công nghệ, là bước tiến quan trọng để Việt Nam bước vào giai đoạn quản lý dựa trên dữ liệu, quy trình số và chuẩn mực quốc tế.

Hệ thống phần mềm mới sẽ giúp tăng chất lượng thẩm định, rút ngắn thời gian xét duyệt, hạn chế sai sót và rủi ro, đánh giá chính xác, đóng góp của từng nhiệm vụ và đặc biệt là tạo ra thị trường nhiệm vụ khoa học công nghệ chuyên nghiệp. Hệ thống được các nhà khoa học đánh giá cao, nhất là trong việc quản lý, thực hiện các đề tài, nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Nhà nước; giúp các nhà khoa học đơn giản hóa thủ tục hành chính, thuận tiện cho việc đánh giá, nghiệm thu, thanh toán tài chính, minh bạch hóa hoạt động quản lý, đầu tư, nghiên cứu phát triển khoa học công nghệ...

Tại buổi lễ, 309 đề tài khoa học công nghệ về nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng được NAFOSTED ký kết tài trợ. Đây là những đề tài đầu tiên theo tinh thần của Luật Khoa học, công nghệ và Đổi mới sáng tạo, chuyển từ quản lý đầu vào sang quản lý đầu ra, từ quản lý hóa đơn, chứng từ sang quản lý kết quả nghiên cứu, chuyển từ chi theo dự toán sang khoán chi, từ kết quả nghiên cứu trả lại

nhà nước sang kết quả nghiên cứu thuộc về tổ chức nghiên cứu để thương mại hóa; các nhóm nghiên cứu trực tiếp sẽ được hưởng ít nhất 30% kết quả thương mại hóa...

Khoa học xã hội và nhân văn

3. Nghề làm tranh dân gian Đông Hồ được UNESCO ghi danh

Ngày 9/12, nghề làm tranh dân gian Đông Hồ ở khu phố Đông Khê (phường Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh) được UNESCO chính thức ghi danh vào danh sách di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp. Nghề làm tranh dân gian Đông Hồ ra đời cách đây khoảng 500 năm.

Cộng đồng thực hành nghề đã tạo ra những bức tranh có đặc trưng riêng về chủ đề, kỹ thuật in, màu sắc và đồ họa bằng kỹ thuật in khắc gỗ. Các chủ đề của tranh thường gồm: tranh thờ, chúc tụng, tranh lịch sử, tranh sinh hoạt, tranh phong cảnh, gắn với tập tục treo tranh vào ngày Tết Nguyên đán, Tết Trung thu, thờ cúng tổ tiên và thờ thần linh.

Các công đoạn sáng tác mẫu, khắc ván in, làm màu, in tranh đều bằng tay. Mẫu tranh được vẽ bằng bút lông, mực nho trên giấy bản và khắc trên ván gỗ thị. Một số công đoạn như vẽ mẫu và khắc bản in đòi hỏi đào tạo chuyên sâu và tích lũy kinh nghiệm trong nhiều năm. Các bản khắc gỗ được xem như báu vật gia truyền, truyền lại qua nhiều thế hệ.

Tuy nhiên hiện nay, số nghệ nhân lành nghề đã giảm mạnh do thế hệ trẻ ít quan tâm, nghề khó bảo đảm sinh kế và nhu cầu sử dụng tranh in khắc gỗ trong các dịp lễ truyền thống giảm sút.

Trong khi số người có tay nghề cao và tâm huyết theo đuổi nghề không còn nhiều để duy trì việc truyền dạy và làm tranh, việc UNESCO ghi danh nghề làm tranh dân gian Đông Hồ vào danh sách di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp có ý nghĩa sâu sắc đối với cộng đồng thực hành và công chúng Việt Nam.

Khoa học ứng dụng

4. Viettel làm chủ công nghệ 5G, triển khai 30.000 trạm 5G toàn quốc

Giữa tháng 10, Gartner (Công ty Nghiên cứu và tư vấn hàng đầu thế giới về công nghệ thông tin và kinh doanh) công bố Tổng công ty Công nghiệp công nghệ cao Viettel (Viettel High Tech) là doanh nghiệp có thể mạnh chuyên biệt, thể hiện vai trò tiên phong trong thương mại hóa trạm gốc 5G Open RAN.

Đây là sự công nhận Việt Nam bước vào nhóm các quốc gia dẫn đầu công nghệ 5G. Ở khu vực Đông Nam Á, Viettel là doanh nghiệp duy nhất được Gartner ghi danh. Qua sự hợp tác giữa Viettel và Qualcomm, đến nay, hệ sinh thái 5G do người Việt Nam làm chủ 100% từ nghiên cứu, thiết kế, chế tạo. Viettel cũng là đơn vị tiên phong thương mại hóa công nghệ 5G Open RAN và hiệu quả đã được đánh giá thực tế.

Trong năm 2025, Viettel đã hoàn thành việc lắp đặt mới 23.500 trạm 5G trên toàn quốc, gấp gần 4 lần số trạm lắp đặt trong năm 2024. Với số lượng triển khai mới, Viettel sở hữu mạng lưới 5G lớn nhất tại Việt Nam với lũy kế 30.000 trạm, phủ sóng 5G đến 90% diện tích ngoài trời và 70% diện tích trong nhà trên toàn quốc, từ thành thị đến nông thôn. Không chỉ đạt vùng phủ lớn, mạng 5G Viettel có lợi thế vượt trội về công nghệ hiện đại.

5. Ca phẫu thuật đặc biệt, lấy thận ra ngoài “sửa chữa” rồi ghép lại

Đầu tháng 10, các bác sĩ Bệnh viện Trung ương quân đội 108 đã thực hiện ca phẫu thuật đầu tiên tại Việt Nam: lấy thận có khối phình mạch ra khỏi cơ thể để tái tạo mạch máu và ghép lại chính cho người bệnh - một kỹ thuật hiếm gặp ngay cả trên thế giới.

Bệnh nhân là người phụ nữ 37 tuổi, được chẩn đoán phình động mạch thận trái ở vị

trí nguy hiểm, từng được khuyến cáo cắt bỏ thận để tránh vỡ mạch. Tuy nhiên, sau quá trình chẩn đoán lâm sàng và hội chẩn, ê kíp bác sĩ Bệnh viện Trung ương quân đội 108 (TS. Ngô Vi Hải, TS. Nguyễn Việt Hải và các cộng sự) đã lựa chọn hướng điều trị táo bạo: cắt thận ra bằng nội soi, xử lý khối phình bên ngoài, rồi ghép trở lại vào cơ thể bệnh nhân.

Trong ca mổ kéo dài gần 4 giờ, các bác sĩ chỉ có khoảng 30 phút “vàng” để bảo vệ thận khi không được tưới máu. Kết quả, quả thận được tái tạo thành công, hoạt động bình thường ngay sau mổ, bệnh nhân hồi phục nhanh và không cần dùng thuốc chống thải ghép. Thành công này không chỉ đánh dấu bước tiến lớn của y học Việt Nam trong phẫu thuật tiết niệu - mạch máu, mà còn mở ra cơ hội bảo tồn thận cho nhiều người bệnh, thay vì phải cắt bỏ như trước đây.

Hiện nay, trên thế giới có rất ít trường hợp xử lý mạch máu phức tạp như trường hợp này. Ở Việt Nam, đây là trường hợp đầu tiên được ghi nhận và ca phẫu thuật này mở ra hướng điều trị trong tương lai cho những bệnh nhân tổn thương thận phức tạp.

6. Mô hình kinh tế tuần hoàn, xử lý rác thải của Miza được vinh danh

Ngày 27/6 tại Hà Nội, trong khuôn khổ Diễn đàn phát triển bền vững Việt Nam (ESG Vietnam Summit 2025), Công ty Cổ phần Miza được vinh danh và trao giải thưởng Top 10 doanh nghiệp ESG Việt Nam Xanh 2025. Đây là kết quả sau 15 năm của Miza trong xây dựng, phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn, quy trình, hệ thống xử lý rác thải ngành giấy.

Từ năm 2010 đến nay, Miza đã xây dựng mô hình sản xuất dựa trên tái chế giấy phế liệu (OCC) để tạo ra các sản phẩm giấy công nghiệp như kraftliner, testliner, medium... Mô hình này không chỉ giúp giảm thiểu chất

thải rắn và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, mà còn tạo ra lợi thế cạnh tranh rõ rệt về chi phí và khả năng mở rộng quy mô.

Ngày 16/12, Miza đã được vinh danh ở hạng mục cao nhất, Giải thưởng Hành động vì Cộng đồng năm 2025 (Human Act Prize 2025) cho mô hình kinh tế tuần hoàn ngành giấy này. Hai nhà máy chính của Miza tại Hà Nội và Thanh Hóa hiện đạt tổng công suất khoảng 200.000 tấn/năm, dự kiến sẽ tăng lên 350.000 tấn/năm sau khi hoàn thành giai đoạn 2 của nhà máy Miza Nghi Sơn vào cuối năm 2026.

Tại các nhà máy của Miza, ngoài việc áp dụng công nghệ cao, hiện đại, tự động hóa hoàn toàn, còn được thiết kế để không bỏ đi thứ gì. Theo đó, chất thải rắn của quá trình tái chế giấy đạt tỷ lệ tái sử dụng lên đến 95%; với nước thải, 50% lượng nước này được xử lý và đưa quay lại phục vụ sản xuất.

Những con số định lượng trong quá trình hoạt động của Miza: khoảng 200.000 tấn giấy phế liệu được tái chế thành công mỗi năm; tiết kiệm khoảng 5,2 tỷ lít nước mỗi năm so với sản xuất giấy bằng bột nguyên sinh; góp phần cứu sống hơn 3,4 triệu cây xanh trưởng thành hàng năm; tái sử dụng đến 50% lượng nước trong quá trình sản xuất; hơn 7.000 người tham gia chương trình tuyên truyền phân loại rác;...

Vinh danh nhà khoa học

7. GS. Trần Thanh Vân và GS. Nguyễn Kim Ngọc được Chính phủ Pháp tôn vinh

Ngày 3/10, tại Đại sứ quán Pháp tại Hà Nội đã diễn ra lễ trao Huân chương Bắc đẩu Bội tinh bậc Sĩ quan cho GS. Trần Thanh Vân và vợ ông, GS. Lê Kim Ngọc. Hồi tháng 7, Tổng thống Pháp đã ra sắc lệnh thăng hạng Huân chương Bắc đẩu Bội tinh bậc Sĩ quan cho vợ chồng GS. Trần Thanh Vân và GS. Lê Kim Ngọc. Năm nay, hai giáo sư cùng 91 tuổi và là cặp vợ chồng duy nhất được thăng hạng cùng đợt này. Huân chương

Bắc đẩu Bội tinh bậc Sĩ quan là một trong những Huân chương cao quý nhất của nước Pháp. Trước đó, hai giáo sư đã được tặng Huân chương Bắc đẩu Bội tinh bậc Hiệp sĩ vào năm 2000 và 2016.

GS. Trần Thanh Vân, quê ở Quảng Bình (nay là Quảng Trị), sang Pháp du học từ năm 1953, là chuyên gia hàng đầu về lý thuyết vật lý nguyên tử; năm 2012, ông được nhận Huy chương Tate của Hội Vật lý Mỹ.

GS. Lê Kim Ngọc, quê ở Vĩnh Long, sang Pháp học tại Đại học Sorbonne từ năm 1953, sau đó làm nghiên cứu tại Trung tâm quốc gia Nghiên cứu Khoa học của Pháp; nổi bật với công trình "Lát mỏng tế bào", được xem là bước mở đường cho công nghệ sinh học thực vật hiện đại.

Năm 1993, GS. Trần Thanh Vân sáng lập Hội khoa học Gặp gỡ Việt Nam nhằm hỗ trợ quê hương trong lĩnh vực khoa học và giáo dục. Năm 2013, Trung tâm khoa học quốc tế và giáo dục liên ngành (ICISE) ở Quy Nhơn do ông sáng lập, tài trợ được khánh thành, là cầu nối sinh viên và nhà khoa học trẻ châu Á với cộng đồng khoa học quốc tế.

Từ khi vận hành đến nay, trung tâm đã tổ chức gần 200 sự kiện khoa học quốc tế chất lượng cao và hơn 45 trường học khoa học chuyên đề, thu hút khoảng 12.000 nhà khoa học từ 40 quốc gia và vùng lãnh thổ. Với quan hệ cá nhân của GS. Trần Thanh Vân, 19 giáo sư đoạt giải Nobel, nhiều giáo sư đoạt các giải thưởng danh tiếng như Fields, Kavli, Shaw, Dirac... đã đến Quy Nhơn chia sẻ kiến thức với giới khoa học trong và ngoài nước.

Hợp tác quốc tế

9. Làm chủ và triển khai thành công công nghệ giám định ADN thế hệ mới

Trong năm 2025, thông qua nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ giao và trong khuôn khổ Dự án ODA: “Nâng cao năng lực giám định hài cốt trong chiến tranh thông qua

hợp tác phát triển, chuyển giao công nghệ và tiếp nhận trang thiết bị, hóa chất, vật tư tiêu hao” do Chính phủ Hoa Kỳ tài trợ (giai đoạn 2024 - 2026) và Ủy ban Quốc tế về Người mất tích (ICMP) là đơn vị phối hợp nghiên cứu, Trung tâm Giám định ADN (thuộc Viện Sinh học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam) lần đầu hợp tác nghiên cứu, phát triển, làm chủ và triển khai thành công công nghệ giám định ADN dựa trên chỉ thị đa hình nucleotide đơn (SNP) bằng giải trình tự gien thế hệ mới (Next Generation Sequencing - NGS); có thể xác định được mối quan hệ huyết thống theo cả dòng cha và dòng mẹ tới thế hệ thứ 4 và thứ 5.

Đây là công nghệ được đánh giá phù hợp với đặc điểm của rất nhiều mẫu hài cốt liệt sĩ tại Việt Nam, với tuổi đời chôn cất trung bình từ 50-70 năm, ADN bị phân hủy đứt gãy thành các đoạn khoảng 70bp không đủ chất lượng để phân tích mtDNA.

Quy trình công nghệ giám định mới được áp dụng tại Nghĩa trang Liệt sĩ Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) trên 58 mẫu hài cốt. Gần 90% trên tổng số mẫu đã thu được dữ liệu, các chỉ số, tiêu chuẩn để so sánh, đối khớp phục vụ định danh.

Trong đợt phân tích đối khớp đầu tiên đã xác định chính xác danh tính của hai liệt sĩ là Liệt sĩ Hoàng Văn Hòa và Liệt sĩ Trần Văn Can. Việc làm chủ và áp dụng thành công quy trình công nghệ mới giúp giải quyết các hạn chế của quy trình giám định nhận dạng hài cốt liệt sĩ bằng mtDNA, mở ra hướng giải quyết triệt để "các nút thắt kỹ thuật" tồn tại nhiều năm trong công tác xác định danh tính hài cốt liệt sĩ tại Việt Nam (các mẫu hài cốt phân hủy nặng, thiếu thông tin thực chứng, hoặc không còn thân nhân gần).

Công nghệ NGS-SNP là bước đột phá về công nghệ giám định của Việt Nam, mở ra

khả năng xây dựng hệ thống giám định ADN liệt sĩ hiện đại, đạt tiêu chuẩn quốc tế.

10. Công ước Hà Nội về chống tội phạm mạng của Liên hợp quốc

Lễ ký kết Công ước Liên hợp quốc về chống tội phạm mạng, được tổ chức vào ngày 25 và 26/10 tại Hà Nội. Đây là một công ước đa phương toàn cầu về tội phạm mạng được ký kết, đánh dấu bước ngoặt lớn trong nỗ lực xây dựng khuôn khổ pháp lý quốc tế nhằm bảo đảm an ninh mạng, công lý và nhân quyền trong kỷ nguyên số.

Sự kiện đã thu hút hơn 110 quốc gia tham gia, với sự chủ trì của Tổng Thư ký Liên hợp quốc António Guterres và Chủ tịch nước Việt Nam Lương Cường. Với chủ đề “Chống tội phạm mạng - Chia sẻ trách nhiệm - Bảo đảm tương lai của chúng ta”, sự kiện ghi dấu Việt Nam là quốc gia đầu tiên ở Đông Nam Á được chọn làm địa điểm đặt tên và mở ký một công ước toàn cầu của Liên hợp quốc.

Công ước Hà Nội ra đời trong bối cảnh thế giới đang chịu sức ép từ sự bùng nổ công nghệ và những mối đe dọa ngày càng tinh vi của tội phạm mạng. Các vụ tấn công dữ liệu, lừa đảo điện tử, tống tiền bằng mã độc hay lợi dụng tiền mã hóa để rửa tiền gây thiệt hại hàng nghìn tỷ USD mỗi năm. Không gian mạng từ chỗ là nền tảng phát triển, đang dần trở thành “mặt trận mới” của các cuộc xung đột phi truyền thống.

Chính vì vậy, việc Công ước Hà Nội được ký kết, không chỉ là bước tiến pháp lý, mà còn là biểu tượng cho tinh thần đoàn kết và hợp tác toàn cầu trong bảo vệ môi trường số an toàn, nhân văn. Không chỉ có ý nghĩa to lớn về chính trị, ngoại giao, an ninh - quốc phòng, việc mở Công ước Hà Nội còn khẳng định vị thế, khả năng, trình độ của Việt Nam trong lĩnh vực công nghệ thông tin nói chung và an ninh mạng, an toàn thông tin nói riêng.

TIN HOẠT ĐỘNG

UBND tỉnh Thanh Hóa giao nhiệm vụ hoạt động năm 2026 cho Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Thanh Hóa

Ngày 28/01/2026, UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quyết định số 332/QĐ-UBND về việc giao nhiệm vụ hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ năm 2026 cho Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Thanh Hóa (Liên hiệp hội).

Quyết định được ban hành trên cơ sở đề xuất của Liên hiệp hội tại Tờ trình số 302/TTr-LHH ngày 24/12/2025 và đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 86/TTr-SNV ngày 19/01/2026.

Theo đó, giao Liên hiệp hội thực hiện các nhiệm vụ hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ năm 2026, cụ thể như sau:

1. Xây dựng, phát triển tổ chức và hoạt động của Liên hiệp hội.
2. Thông tin, phổ biến kiến thức khoa học và công nghệ.
3. Thực hiện tư vấn, phản biện và giám định xã hội.
4. Tổ chức các hội thi, cuộc thi, giải thưởng sáng tạo khoa học và công nghệ.

5. Tổ chức tôn vinh trí thức khoa học và công nghệ tiêu biểu.

6. Tổ chức các diễn đàn trí thức khoa học và công nghệ; chuẩn bị dự án và huy động nguồn tài trợ của các tổ chức Chính phủ và phi Chính phủ.

UBND tỉnh giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị liên quan theo dõi, hướng dẫn Liên hiệp hội triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao, bảo đảm đúng quy định của pháp luật, đạt chất lượng và hiệu quả.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Đây là cơ sở để Liên hiệp hội tiếp tục phát huy vai trò tập hợp, đoàn kết đội ngũ trí thức khoa học và công nghệ, góp phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong năm 2026.

Liên hiệp hội đang xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện 6 nhiệm vụ trên, lấy ý kiến các sở, ngành, đơn vị có liên quan, trình UBND tỉnh phê duyệt để thực hiện.



Các hoạt động thông tin, phổ biến kiến thức khoa học và công nghệ của Liên hiệp hội trong năm 2025.

UBND tỉnh Thanh Hóa giao Liên hiệp hội thực hiện nhiệm vụ tư vấn, phản biện và giám định xã hội năm 2026

Ngày 05/3/2026, UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Công văn số 3823/UBND-CNX-DKH về việc giao Liên hiệp hội thực hiện nhiệm vụ tư vấn, phản biện và giám định xã hội đối với các nội dung thuộc Chương trình công tác năm 2026 của UBND tỉnh.

Công văn được ban hành trên cơ sở đề nghị của Liên hiệp hội tại Công văn số 41/CV-LHH ngày 26/02/2026 và tham mưu của Sở Tài chính tại Công văn số 978/STC-KTN ngày 28/01/2026.

Theo đó, giao Liên hiệp hội thực hiện nhiệm vụ tư vấn, phản biện và giám định xã hội đối với các nhiệm vụ thuộc Chương trình công tác năm 2026 của UBND tỉnh (ban hành kèm theo Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 07/01/2026), cụ thể như sau:

1. Chính sách hỗ trợ đầu tư mới hoặc đổi mới công nghệ - thiết bị sản xuất cát nhân tạo (cát nghiền) giai đoạn 2026-2030. Cơ quan chủ trì xây dựng: Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Quyết định của UBND tỉnh ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật đối với các dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Cơ quan chủ trì xây dựng: Sở Giáo dục và Đào tạo.

3. Đề án phát triển ngành Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035. Cơ quan chủ trì xây dựng: Sở Giáo dục và Đào tạo.

4. Đề án phát triển kinh tế nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026 - 2030. Cơ quan chủ trì xây dựng: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

5. Nghị quyết về tập trung phát triển dịch vụ Logistics tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Cơ quan chủ trì xây dựng: Sở Công Thương.

6. Chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2027 - 2031. Cơ quan chủ trì xây dựng: Sở Công Thương.

7. Đề án thành lập Khu Công nghiệp công nghệ cao tỉnh Thanh Hóa. Cơ quan chủ trì xây dựng: Ban Quản lý Khu Kinh tế Nghi Sơn và các KCN.

8. Đề án phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu đổi mới và tự chủ của Viện Nông nghiệp Thanh Hóa giai đoạn 2026 - 2030. Cơ quan chủ trì xây dựng: Viện Nông nghiệp Thanh Hóa.

9. Đề án nâng cao chất lượng giống cây trồng lâm nghiệp giai đoạn 2026 - 2030 nhằm thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Cơ quan chủ trì xây dựng: Viện Nông nghiệp Thanh Hóa.

UBND tỉnh giao các sở, ngành và đơn vị liên quan chủ động phối hợp với Liên hiệp hội trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ, bảo đảm chất lượng, hiệu quả và đúng quy định của pháp luật.

TIN HOẠT ĐỘNG

Liên hiệp hội kiểm tra tiến độ thực hiện Dự án “Tăng cường khả năng ứng phó với thiên tai của cộng đồng người dân khu vực rừng đầu nguồn”

Ngày 25/3/2026, đoàn công tác của Liên hiệp hội đi kiểm tra tiến độ thực hiện Dự án “Tăng cường khả năng ứng phó với thiên tai của cộng đồng người dân khu vực rừng đầu nguồn” tại các xã Luện Thành và Thăng Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Dự án được Tổ chức Bread for the World (BftW) tài trợ cùng với ngân sách đối ứng của UBND tỉnh Thanh Hóa và triển khai thực hiện bởi Trung tâm Nghiên cứu, Tư vấn quản lý tài nguyên thiên nhiên và Thích ứng Biến đổi khí hậu (CORENACCA) từ tháng 10/2024 đến tháng 9/2027.

Đoàn công tác đã có buổi làm việc trực tiếp tại hiện trường để đánh giá hiệu quả của hoạt động lắp đặt ống nước phục vụ cho diện tích lúa nước bị hạn hán và một số mô hình sinh kế đã triển khai thực hiện.

Tại khu vực canh tác nông nghiệp, đoàn tiến hành kiểm tra hệ thống ống dẫn nước và các giải pháp mà nhóm cán bộ thực hiện dự án với sự tham gia của cộng đồng đã triển khai để lắp đặt các ống dẫn nước từ các mố nước đến các khu vực canh tác thường xuyên bị hạn hán.

Đoàn công tác đã đến thăm và kiểm tra sự sinh trưởng và phát triển của cây dổi được trồng xen trong các diện tích rừng hiện có. Qua kiểm tra, đoàn đánh giá cao nỗ lực của chính quyền địa phương và người dân và nhóm triển khai dự án trong việc lựa chọn các loài cây bản địa phù hợp



Đoàn đến kiểm tra hệ thống đường ống dẫn nước đầu nguồn về ruộng lúa.

với điều kiện thổ nhưỡng, cũng như việc áp dụng kỹ thuật trồng xen canh hợp lý.

Bên cạnh đó, đoàn cũng đặc biệt chú trọng giám sát mô hình nuôi ong lấy mật - một hướng đi kinh tế mới giúp người dân tận dụng nguồn lợi tự nhiên, ít chịu rủi ro trực tiếp từ bão lũ so với trồng trọt truyền thống. Việc kiểm tra kỹ lưỡng từng khung cầu ong và trao đổi về kỹ thuật chăm sóc tại chỗ không chỉ giúp đảm bảo tiến độ dự án mà còn kịp thời tháo gỡ những khó khăn cho bà con, từ đó củng cố năng lực tự phục hồi và thích ứng của cộng đồng trước các kịch bản thiên tai cực đoan.

Sự hiện diện của các cán bộ chuyên môn cùng người dân địa phương trong buổi khảo sát cho thấy sự phối hợp chặt chẽ giữa công tác quản lý và triển khai thực tế.

Nâng cao chất lượng hoạt động thông tin, phổ biến kiến thức của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa

Nguyễn Quốc Uy

Phó Chủ tịch

Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa

Hoạt động thông tin, phổ biến kiến thức là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong hoạt động chung của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa (Liên hiệp hội), nhằm cung cấp các thông tin nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ (KH&CN), phổ biến các kiến thức về chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế, KH&CN đến đông đảo cán bộ, hội viên và các tầng lớp Nhân dân.

Xác định tầm quan trọng của hoạt động thông tin, phổ biến kiến thức, trong nhiều năm qua lãnh đạo Liên hiệp hội luôn chỉ đạo đổi mới nội dung và phương thức tuyên truyền, nâng cao hiệu quả, bám sát đời sống xã hội, tổ chức hoạt động theo hướng thiết thực và đáp ứng kịp thời những vấn đề thực tiễn đặt ra.

Một số kết quả cụ thể như sau:

(i) Về mặt tổ chức, Ban Thông tin và Phổ biến kiến thức được kiện toàn, bổ sung các cán bộ có nghiệp vụ chuyên môn, chuyên gia tin học, bổ sung các đồng chí ủy viên Ban Thường vụ Liên hiệp hội, gán trách nhiệm cá nhân trong tổ chức hoạt động, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, xây dựng kế hoạch cụ thể thông tin và phổ biến kiến thức hằng tháng, hằng quý và cả năm, trên cơ sở đó duy trì hoạt động đạt kết quả tích cực.

(ii) Thường xuyên duy trì, đổi mới và nâng cao chất lượng các ấn phẩm của Liên hiệp hội và các hội thành viên: Tập san Khoa học Thanh Hóa duy trì xuất bản định kỳ theo quý, luôn chú trọng nâng cao chất lượng bài viết, đổi mới về hình thức thể hiện. Ban Thông tin và Phổ biến kiến thức đã tham mưu cho lãnh đạo Liên hiệp hội lựa chọn chủ đề nội dung của từng số, đặt bài các chuyên gia, hoàn thiện đề cương và nội dung. Năm 2025 đã phát hành 4 số tập san với số lượng từ 500 cuốn đến 700 cuốn/số. Ngoài những bài viết do Thường trực Liên hiệp hội, các hội thành viên, cộng tác viên, trung tâm trực thuộc gửi đến, Liên hiệp hội đã đặt một số bài viết của lãnh đạo tỉnh, lãnh đạo Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, các sở, ban, ngành, trường đại học, viện nghiên cứu, các chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài tỉnh tham gia viết bài. Các ấn phẩm phát hành đã được chú trọng đổi mới về hình thức, nâng cao chất lượng các bài viết, tin, hình ảnh để phù hợp với nhu cầu, thị hiếu của độc giả. Tập san Khoa học Thanh Hóa đang thực sự trở thành diễn đàn chính trị, kinh tế, văn hóa, KH&CN của đội ngũ trí thức tỉnh nhà, nội dung và hình thức từng bước được đổi mới, trang trọng và hấp dẫn hơn.

Trang thông tin điện tử tusta.org.vn được duy trì và mang lại hiệu ứng tích cực

trong việc tập hợp, phát huy trí tuệ của đội ngũ trí thức đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội tỉnh nhà. Ban quản trị website tiếp tục cập nhật kịp thời các thông tin thay đổi về cơ cấu tổ chức, thông tin cơ bản về bộ máy nhân sự của cơ quan Liên hiệp hội và các đơn vị thành viên. Ngoài việc thường xuyên cập nhật các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhất là các chủ trương có liên quan đến đội ngũ trí thức, hoạt động của Liên hiệp hội, các chính sách về khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, website còn đăng tải các tin, bài, ảnh từ cộng tác viên; chọn lọc, biên tập và thực hiện các nghiệp vụ xử lý hình ảnh, cập nhật nội dung tuyên truyền phổ biến kiến thức về KH&CN, các ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới, các mô hình dự án điển hình tiên tiến trong và ngoài tỉnh; liên tục cập nhật các hoạt động của Liên hiệp hội và các hội thành viên, trung tâm trực thuộc như tổ chức tập huấn, hội nghị, hội thảo, đại hội, ra mắt chi hội cơ sở mới... Từ đầu năm đến nay, số lượng tin bài đã đăng tải trên trang web là gần 100 tin/bài. Số lượt truy cập website đến nay đã đạt một triệu lượt.

Thông tin về các hội thảo khoa học phân biện do Liên hiệp hội tổ chức theo nhiệm vụ được UBND tỉnh giao, đăng tải kết quả phân biện, các ý kiến sâu sắc, có chất lượng đóng góp cho tỉnh và các ngành, địa phương của các chuyên gia trên Trang thông tin điện tử, tạo thành diễn đàn khoa học bổ ích; đăng tải toàn bộ nội dung báo cáo tổng hợp phân biện trình UBND tỉnh sau khi hoàn thiện, như một kênh tra cứu



Liên hiệp hội tổ chức tập huấn "Bình dân học vụ số" cho cán bộ, hội viên.

để phục vụ các nhà nghiên cứu và lãnh đạo các đơn vị tham mưu xây dựng đề án, dự án, chính sách, chương trình, kế hoạch... Năm 2025 đã thông tin đầy đủ 10 nhiệm vụ phân biện theo kế hoạch được giao.

Thường xuyên thông tin về công tác tổ chức triển khai, các kế hoạch, thể lệ Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật tỉnh lần thứ XIV (2024 - 2025) và Giải thưởng Sáng tạo KH&CN Việt Nam, Cuộc thi Sáng tạo Thanh thiếu niên, nhi đồng năm 2025. Biên tập và xuất bản 250 cuốn Kỷ yếu Tôn vinh Sáng tạo Kỹ thuật nhằm tôn vinh những tài năng sáng tạo của tỉnh năm 2025, phục vụ Lễ Tổng kết, trao giải Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật lần thứ XIV được tổ chức trọng thể vào đầu tháng 12/2025.

Công tác phối hợp tuyên truyền với các cơ quan thông tin đại chúng như Báo và Phát thanh truyền hình Thanh Hóa, Báo Trí thức và Cuộc sống, cùng Trang thông tin điện tử của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam được đẩy mạnh và thực hiện thường xuyên, chặt chẽ hơn. Hoạt động này bao gồm việc mở các chuyên trang, chuyên mục về KH&CN,

KHOA HỌC THANH HÓA

đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đăng tải các phóng sự, tin bài tuyên truyền, phổ biến kiến thức KH&CN, giới thiệu những tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất và đời sống. Bên cạnh đó, còn có nội dung về các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, của tỉnh Thanh Hóa về KH&CN, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cũng như hoạt động của hội. Trang thông tin điện tử cung cấp thông tin về các hoạt động của Liên hiệp hội và các hội thành viên, các trung tâm trực thuộc; chân dung các tác giả có công trình, giải pháp đạt giải cao tại Hội thi, Cuộc thi, Giải thưởng do Liên hiệp hội phát động; hoạt động tôn vinh trí thức KH&CN của Liên hiệp hội và các Hội thành viên. Đặc biệt, đã phối hợp xây dựng nội dung phóng sự về các giải pháp, các tác giả đoạt giải Hội thi để phục vụ Lễ tổng kết và trao giải Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật cấp tỉnh lần thứ XIV (2024 - 2025).

(iii) Tham mưu triển khai các hoạt động kỷ niệm Ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam 18/5, trong đó: Phát hành tập san Khoa học Thanh Hóa số 02/2025 đúng dịp chào mừng Ngày Khoa học và Công nghệ; thông tin về Hội thảo khoa học "Chuyển đổi xanh: Cơ hội và thách thức cho các doanh nghiệp tỉnh Thanh Hóa" do Trung tâm Tư vấn và Phát triển KH&CN (THAGEN) trực thuộc Liên hiệp hội tổ chức; phối hợp với Câu lạc bộ Hàm Rồng tổ chức Hội nghị thông tin khoa học chuyên đề về đột phá phát triển KH&CN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia theo tinh thần Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, với sự tham gia diễn giảng của PGS.TS. Nguyễn Quân, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ KH&CN; chuyên đề "Văn hóa, Lịch sử, Đất và Người Thanh Hóa" với sự tham gia của PGS.TS. Trần Đức Cường, Chủ tịch Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, cho trên 600



Liên hiệp hội phối hợp với Câu lạc bộ Hàm Rồng tổ chức hội nghị thông tin chuyên đề cho cán bộ hội viên.

lượt hội viên Câu lạc bộ Hàm Rồng và cán bộ, hội viên thuộc hệ thống Liên hiệp hội.

Tổ chức các hoạt động tuyên truyền về Ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam 18/5, chào mừng Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX (nhiệm kỳ 2025 - 2030), kỷ niệm 31 năm thành lập Liên hiệp hội KH&KT Thanh Hóa (28/10/1994 - 28/10/2025); thông tin về các ngày lễ lớn của đất nước trên website của Liên hiệp hội như: Kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng miền Nam, Thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2025), Kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh nước CHXHCN Việt Nam (02/9/1945 - 02/9/2025).

(iv) Hoạt động phổ biến kiến thức luôn được chú trọng, thường xuyên cập nhật những kiến thức KH&CN, văn hóa - xã hội thông qua Trang thông tin điện tử, tập san Khoa học Thanh Hóa, cũng như qua các hội nghị, tập huấn, hội thảo, diễn đàn khoa học... để phổ biến các kiến thức mới về khoa học công nghệ, về nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học, công nghệ vào thực tiễn sản xuất và đời sống.

Trong các số tập san Khoa học Thanh Hóa, Ban Biên tập đã lựa chọn một số bài viết có nội dung phổ biến kiến thức về nông nghiệp, pháp luật, lịch sử, xã hội; các công trình, giải pháp xuất sắc đạt giải trong Hội thi Sáng tạo kỹ thuật của tỉnh và toàn quốc, Giải thưởng Sáng tạo KH&CN Việt Nam.

Liên hiệp hội đã chủ trì, phối hợp với Trường Đại học Hồng Đức, Hội Tin học Thanh Hóa tổ chức 02 hội nghị tập huấn về “Bình dân học vụ số” cho gần 500 lượt cán bộ, hội viên của Liên hiệp hội và các tổ chức, đơn vị có liên quan. Hoạt động này nhằm góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết của Chính phủ và các Kế hoạch hành động của Tỉnh ủy, UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW.

Liên hiệp hội đã phối hợp với Hội KHKT huyện Hoằng Hóa và Yên Định (cũ) tổ chức

3 hội nghị chuyển giao công nghệ về sản xuất lúa và rau hữu cơ, tự làm chế phẩm sinh học từ rơm rạ và rác thải hữu cơ cho gần 500 lượt bà con nông dân thuộc địa bàn, tạo hiệu ứng tích cực trong việc nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao KH&CN trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Liên hiệp hội đã phối hợp với Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, Hội Sinh vật cảnh Việt Nam tổ chức hội thảo khoa học với chủ đề “Giải pháp phát huy tiềm năng, giá trị của hoa cảnh, cây cảnh, thực hiện mục tiêu phát triển xanh, bền vững tại địa phương”.

Liên hiệp hội đã phối hợp với Báo và Phát thanh truyền hình tỉnh xây dựng và đăng tải các phóng sự, tin, bài tuyên truyền, phổ biến kiến thức KH&CN, chuyển giao những tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất và đời sống, đặc biệt là tuyên truyền kỷ niệm Ngày KH&CN Việt Nam 18/5, về các Hội thi, Cuộc thi, Giải thưởng sáng tạo kỹ thuật.

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động thông tin, phổ biến kiến thức vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, đó là: Chất lượng của tập san đã được nâng cao, tuy nhiên còn ít những bài viết mang tính thời sự, định hướng; số lượng bài viết về ứng dụng chuyển giao KH&CN còn hạn chế. Ngân hàng tin, bài còn nghèo nàn, chưa đáp ứng đủ số lượng và chất lượng cho các ấn phẩm. Trang thông tin điện tử tusta.org.vn chủ yếu đăng tải tin hoạt động của Liên hiệp hội, chưa có nhiều nội dung về hoạt động của các hội thành viên, trung tâm trực thuộc, đơn vị liên kết. Mặc dù đã có chuyên mục Phổ biến kiến thức, nhưng còn thiếu nội dung, tin, bài để đăng tải. Số lượng và nội dung hoạt động phổ biến kiến thức của Liên hiệp hội còn chưa nhiều; một số hoạt động triển khai còn chậm so với kế hoạch. Công tác tham mưu, đề xuất của Ban Thông tin và Phổ biến kiến thức đối với lãnh đạo Liên

KHOA HỌC THANH HÓA

hiệp hội để đổi mới nội dung và phương thức hoạt động còn chưa thực sự chủ động.

Năm 2026, tiếp tục thực hiện chủ trương sắp xếp bộ máy, tổ chức và hoạt động của Liên hiệp hội, dự kiến có nhiều thay đổi, cả về nội dung và cách thức triển khai. Điều này đòi hỏi công tác thông tin, phổ biến kiến thức KH&CN cần được thường xuyên đổi mới, nâng cao chất lượng, đáp ứng với yêu cầu thực tiễn đặt ra. Một số định hướng cụ thể như sau:

Một là, tham mưu cho Thường trực Liên hiệp hội nghiên cứu đổi mới, nâng cao chất lượng Tạp chí Khoa học Thanh Hóa và Trang Thông tin điện tử của Liên hiệp hội tusta.org.vn. Trong đó, xây dựng chủ đề và kế hoạch thực hiện 04 số tạp chí năm 2026, đảm bảo chất lượng về nội dung, hình thức và thời gian phát hành. Chủ động xây dựng ngân hàng bài cho từng số theo những chủ đề phù hợp, kết nối các chuyên gia, nhà khoa học có uy tín để có những bài viết, kết quả nghiên cứu chất lượng để đăng tải. Xây dựng chuyên mục, chuyên đề cho từng ấn phẩm, tiếp tục đổi mới nội dung và hình thức thể hiện, hấp dẫn người đọc.

Nâng cấp giao diện Trang thông tin điện tử, đổi mới thiết kế banner cho công tác tuyên truyền về các hội thi, cuộc thi, giải thưởng, các ngày lễ, kỷ niệm lớn. Tăng cường kết nối tương tác với bạn đọc để qua đó nâng cao chất lượng nội dung, phục vụ nhiệm vụ chính trị của Liên hiệp hội.

Hai là, tham mưu xây dựng kế hoạch thông tin, tuyên truyền về các hoạt động nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, của tỉnh và Liên hiệp hội; các cuộc thi, hội thi, giải thưởng sáng tạo kỹ thuật; các phong trào thi đua, điển hình tiên tiến, hoạt động tôn vinh trí thức... một cách cụ thể, thiết thực và hiệu quả, tập trung hướng về cơ sở, giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra.

Ba là, tăng cường phối hợp công tác thông tin, phổ biến kiến thức về KH&CN với các

cơ quan thông tin đại chúng, nhất là với Báo và Phát thanh Truyền hình tỉnh trong việc phối hợp tuyên truyền, tập hợp đội ngũ trí thức, phát huy trí tuệ, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, của tỉnh về đột phá phát triển KH&CN, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, về xây dựng đội ngũ trí thức, về đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Liên hiệp hội...

Bốn là, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức KH&CN trong và ngoài tỉnh, các trường đại học, cao đẳng, các hội thành viên, trung tâm trực thuộc, đơn vị liên kết; phối hợp với Trường Đại học Hồng Đức, Viện Nông nghiệp Thanh Hóa, Liên đoàn Lao động tỉnh, Hội Nông dân, Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa tổ chức các hội thảo, tập huấn phổ biến kiến thức theo chương trình đã ký kết.

Tổ chức các hội nghị tập huấn, diễn đàn thông tin và các hoạt động phổ biến kiến thức; chủ động lựa chọn chủ đề phù hợp, nhất là các vấn đề thực tiễn đặt ra, cần tập trung giải quyết. Xây dựng nội dung sát với nhu cầu sản xuất và đời sống, đảm bảo tính thời sự và thiết thực, có tính ứng dụng cao.

Đề xuất chủ đề, phối hợp với Câu lạc bộ Hàm Rồng tổ chức 02 buổi nói chuyện thông tin về các vấn đề chính trị, thời sự, kinh tế - xã hội, thành tựu, kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ cho cán bộ, hội viên hệ thống Liên hiệp hội và Câu lạc bộ Hàm Rồng.

Tiếp tục tuyên truyền về hoạt động đối ngoại, hợp tác quốc tế thông qua hoạt động của các trung tâm trực thuộc (CORENACCA, THAGEN, Trung tâm Nghiên cứu Phát triển vùng). Chủ động tìm kiếm các thông tin về các dự án phi chính phủ, lựa chọn những dự án khả thi để đề xuất với Liên hiệp hội tham gia; cung cấp thông tin các dự án/chương trình đến với các hội thành viên, trung tâm trực thuộc, đơn vị liên kết./.

MỘT SỐ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN, PHẢN BIỆN VÀ GIÁM ĐỊNH XÃ HỘI CỦA LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT THANH HOÁ NĂM 2025

ThS. Phạm Kim Tân

Tổng Thư ký

Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa

Tập hợp đội ngũ trí thức khoa học và công nghệ tham gia tư vấn, phản biện và giám định xã hội nhằm tham mưu cho tỉnh có thêm căn cứ, cơ sở khoa học để xem xét quyết định các vấn đề quan trọng phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội là một trong những nhiệm vụ trọng tâm được Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hoá (Liên hiệp hội) xác định trong thời gian qua.

Để thể chế hóa chủ trương của Đảng và Nhà nước về hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội, ngày 30/01/2002, Thủ

tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 22/2002/QĐ-TTg về hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam. Sau thời gian thực hiện, theo đề nghị của các bộ, ban, ngành Trung ương và Liên hiệp hội Việt Nam, ngày 14/02/2014, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 14/2014/QĐ-TTg về hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam. Sau khi có Quyết định số 14/2014/QĐ-TTg, với sự tích cực tham mưu của Liên hiệp

hội và các sở, ngành có liên quan, ngày 14/01/2016 UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 163/2016/QĐ-UBND quy định hoạt động tư vấn, phản biện, giám định xã hội của Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hoá theo Quyết định số 14/2014/QĐ-TTg ngày 14/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để Liên hiệp hội thực



Hội thảo khoa học phản biện “Nghị quyết ban hành chính sách thu hút bác sĩ trình độ cao và bác sĩ làm việc tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026 - 2030”

KHOA HỌC THANH HÓA

hiện tốt nhiệm vụ tư vấn, phản biện và giám định xã hội.

Xác định hoạt động tư vấn, phản biện, giám định xã hội là một trong những nhiệm vụ quan trọng và khẳng định vị thế, vai trò của Liên hiệp hội, vì vậy đã được Ban Thường vụ Liên hiệp hội quan tâm chỉ đạo thực hiện. Trong đó, hoạt động tư vấn, phản biện, giám định xã hội của Liên hiệp hội phải thể hiện rõ tính độc lập, khách quan, được lập luận trên cơ sở khoa học, thực tiễn nhất định, phù hợp với xu hướng chung, lợi ích chung của cộng đồng, xã hội. Đây là một yếu tố rất quan trọng liên quan trực tiếp đến hiệu quả, giá trị của nội dung báo cáo phản biện. Trên cơ sở đó, các cán bộ khoa học của Liên hiệp hội, các hội thành viên đã tham gia các hoạt động tư vấn và hội đồng khoa học chuyên ngành, đóng góp tốt cho các chương trình, dự án của các bộ, ngành và địa phương.

Trong giai đoạn 2016 - 2020, Liên hiệp hội đã đề xuất và được Chủ tịch UBND tỉnh giao nhiệm vụ thí điểm tư vấn, phản biện một số chương trình, quy hoạch, kế hoạch, đề án lớn của tỉnh (mỗi năm 05 nhiệm vụ). Qua hơn 5 năm thí điểm triển khai thực hiện các nhiệm vụ tư vấn, phản biện, Liên hiệp hội đã xây dựng và tập hợp được đội ngũ, chuyên gia, nhà khoa học giàu kinh nghiệm, đủ sức thực hiện các nhiệm vụ tư vấn, phản biện và giám định xã hội trên mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội của tỉnh. Giai đoạn 2021 - 2025, căn cứ vào Chương trình công tác hằng năm của UBND tỉnh, Liên hiệp hội đã nghiên cứu lựa chọn, có văn bản đề nghị

và được Chủ tịch UBND tỉnh tin tưởng giao phản biện 10 nhiệm vụ/năm.

Năm 2025, Chủ tịch UBND tỉnh đã giao Liên hiệp hội phản biện 10 nhiệm vụ, trong đó:

04 nhiệm vụ thuộc Chương trình công tác năm 2025 của UBND tỉnh gồm: (1) “Đề án nghiên cứu các giải pháp tiêu úng cho khu vực các huyện Yên Định, Thiệu Hóa, Thọ Xuân, Ngọc Lặc sau khi hệ thống kênh Bắc Sông Chu - Nam sông Mã đưa vào khai thác, sử dụng” do Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan chủ trì xây dựng; (2) “Đề án phát triển, củng cố nâng cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026 - 2030” do Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan chủ trì xây dựng; (3) “Nghị quyết ban hành chính sách thu hút bác sĩ trình độ cao và bác sĩ làm việc tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026 - 2030” do Sở Y tế là cơ quan chủ trì xây dựng; (4) “Đề án Phát triển Viện Nông nghiệp Thanh Hóa, giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045” do Viện Nông nghiệp Thanh Hóa là cơ quan chủ trì xây dựng.



Hội thảo khoa học phản biện “Chính sách khuyến khích khu vực kinh tế tư nhân tiếp cận, đầu tư, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026 - 2030”.

06 nhiệm vụ là các chương trình, đề án, cơ chế, chính sách nằm trong Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 25/5/2025 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 266-KH/TU ngày 26/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, gồm: (1) “Cơ chế, chính sách khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho khu vực tư nhân tiếp cận chính sách phát triển khoa học - công nghệ, đầu tư cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đẩy mạnh chuyển giao công nghệ, thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất, kinh doanh để nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ” do Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan chủ trì xây dựng; (2) “Chính sách đột phá hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo (phát triển doanh nghiệp KH&CN; phát triển nhóm nghiên cứu mạnh; các bài báo khoa học (Scopus/ISI); các công trình đạt giải thưởng KH&CN quốc gia/khu vực; các công bố khoa học quốc tế; các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; các sáng chế, giải pháp hữu ích; các bài báo khoa học ứng dụng liên quan ĐMST,...)” do Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan chủ trì xây dựng; (3) “Chương trình hành động thực hiện khâu đột phá về đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, giai đoạn 2026 - 2030” do Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan chủ trì xây dựng; (4) “Đề án mở ngành đào tạo nguồn nhân lực công nghiệp bán dẫn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, định hướng đến năm 2045” do Trường Đại học Hồng Đức là cơ quan chủ trì xây dựng; (5) “Đề án phát triển Trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo tại Trường Đại học Hồng Đức” do

Trường Đại học Hồng Đức là cơ quan chủ trì xây dựng; (6) “Đề án thành lập Trung tâm tư vấn, chuyển giao KH&CN và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của Trường Cao đẳng Nông nghiệp” do Trường Cao đẳng Nông nghiệp là cơ quan chủ trì xây dựng.

Thực hiện Thông báo số 488-TB/VPTU ngày 12/11/2024 của Văn phòng Tỉnh ủy về Kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại hội nghị “Tiếp xúc, gặp gỡ, tham vấn đối thoại giữa lãnh đạo tỉnh và đội ngũ trí thức năm 2024”, Liên hiệp hội đã chủ động và tích cực phối hợp với Sở KH&CN, Trường Đại học Hồng Đức, Viện Nông nghiệp, Ban quản lý Khu Kinh tế Nghi Sơn và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ tham vấn nêu trong Kết luận của Thường trực Tỉnh ủy, trong đó, đã tổ chức thành công 4 cuộc hội thảo khoa học được chuẩn bị công phu và có chất lượng để nghiên cứu, tìm các giải pháp phục vụ tham vấn cho lãnh đạo tỉnh giải quyết các vấn đề về: Thiếu hụt lao động chất lượng cao trong nông nghiệp; ô nhiễm môi trường trong sản xuất nông nghiệp và nông thôn; về việc không thực hiện cam kết giữa nông dân với các cơ sở chế biến nông sản, thực phẩm; về vấn đề ô nhiễm môi trường trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp, trực tiếp từ công nghiệp hoá lọc dầu, sản xuất thép, giày da và nhuộm.

Các hội thành viên và các đơn vị trực thuộc đã có nhiều hoạt động tư vấn dự án đầu tư, quy hoạch, xây dựng, thẩm định nhiều công trình và thiết kế dự toán xây dựng cơ bản, xây dựng nông thôn mới. Tiêu biểu như: Hội Quy hoạch phát triển đô thị tham gia hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường cho 16 đề án, dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới, dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, tuyến đường giao thông, khu đô thị, khu tái định cư, khu dân cư đô thị mới cấp tỉnh; tập trung hoàn thành các đề án, đề án quy hoạch trình

các cấp thẩm quyền xem xét phê duyệt; Hội Khoa học Thủy lợi tham gia Hội đồng thẩm định Dự án trọng điểm của tỉnh Hệ thống thủy lợi Sông Lèn, Hội đồng tư vấn, đánh giá an toàn đập, hồ chứa nước cấp tỉnh, báo cáo tình hình thực trạng về Danh mục dòng sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh, đề án lưu vực nguồn nước nội tỉnh; Hội Khoa học Lịch sử tham gia các hội đồng khoa học xét duyệt tên đường phố, tham gia phản biện kịch bản lễ hội Đền Gia Miêu, kịch bản lễ hội Đền thờ Lê Hoàn, kịch bản lễ hội Đền thờ Lê Văn Hưu, tham vấn cho lãnh đạo các địa phương trong việc sáp nhập và đặt tên gọi các xã mới trong tỉnh.; Hệ thống Hội Luật gia tỉnh đã tham gia đóng góp ý kiến vào 93 dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương và văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh; tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý và tham gia tư vấn giải quyết khiếu nại ở cơ sở hơn 3.600 vụ việc cho hàng ngàn lượt người, giúp Nhân dân giải quyết những vấn đề có liên quan đến pháp luật...

Ngoài ra, thực hiện vai trò thành viên của Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Thanh Hóa trong việc giám sát, phản biện xã hội, Liên hiệp hội, các hội thành viên đã tích cực phối hợp Ủy ban MTTQ tỉnh tổ chức nhiều hội nghị để lấy ý kiến đội ngũ trí thức KH&CN đóng góp vào các dự thảo văn bản pháp luật; phân công cán bộ, hội viên là những nhà khoa học, nhà quản lý tham gia tham gia giám sát, phản biện xã hội do Mặt trận Tổ quốc tỉnh chủ trì như: Tổ chức lấy ý kiến đóng góp vào dự thảo Nghị quyết của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Luật Mặt trận, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở... Các ý kiến góp ý của Liên hiệp hội được Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Thanh Hóa đánh giá cao. Liên hiệp hội còn tham gia góp ý vào một số dự thảo văn bản có tính quy phạm

pháp luật, các Nghị quyết của HĐND tỉnh và Đề án của UBND tỉnh do Ủy ban MTTQ tỉnh tổ chức.

Năm 2025, Liên hiệp hội đã tập trung nâng cao chất lượng phản biện thông qua các hoạt động: tăng số lượng các cuộc khảo sát thực tế nhằm nâng cao tính thực tiễn trong công tác phản biện đối với các chương trình, đề án; duy trì tỷ lệ số lượng chuyên gia công tác tại các cơ quan trung ương trong hội đồng; tăng số lượng thành viên phản biện là các đồng chí nguyên lãnh đạo tỉnh, nguyên lãnh đạo sở, ngành trong hội đồng; tăng số lượng đại biểu là các nhà quản lý ngành cấp tỉnh, cấp huyện, các ban giúp việc của HĐND tỉnh tham gia các hội thảo về nội dung báo cáo phản biện; duy trì, thực hiện các bước quy trình chuẩn bị và lấy ý kiến xây dựng báo cáo phản biện. Nhờ các hoạt động trên mà chất lượng các báo cáo phản biện của Liên hiệp hội trong năm 2025 được Tỉnh uỷ, UBND tỉnh, các cơ quan soạn thảo chương trình, kế hoạch, đề án đánh giá cao. Nhờ tham dự các công việc được Liên hiệp hội tổ chức trong quá trình phản biện mà các cơ quan được giao chủ trì xây dựng các chương trình, kế hoạch, đề án đã có nhận thức đầy đủ hơn về ý nghĩa và lợi ích của công tác phản biện; nâng cao được ý thức, trách nhiệm trong việc cung cấp hồ sơ tài liệu ngày càng đầy đủ hơn, chủ động và lắng nghe ý kiến của hội đồng phản biện, tiếp thu nội dung nêu trong báo cáo phản biện nghiêm túc hoàn chỉnh chương trình, kế hoạch, đề án được giao. Cơ bản chương trình, kế hoạch, đề án sau khi tiếp thu, hoàn theo nội dung báo cáo phản biện đều đã sớm được cấp có thẩm quyền thông qua và phê duyệt. Bên cạnh đó, thông tin về công tác phản biện cũng đã kịp thời được đăng tải trên Báo và Phát thanh truyền hình Thanh Hoá, trang web và tập san của Liên hiệp hội để các cấp, các ngành và đội ngũ trí thức có thể nắm thông tin, phục vụ công tác.

Có thể khẳng định, hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội năm 2025 của Liên hiệp hội và các hội thành viên đã đóng góp tích cực vào việc cụ thể hóa đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trên địa bàn tỉnh; đồng thời góp phần thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội. Hoạt động tư vấn, phản biện của Liên hiệp hội đã trở thành một kênh thông tin đáng tin cậy giúp lãnh đạo tỉnh khi xem xét quyết định các vấn đề quan trọng.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội còn một số tồn tại, hạn chế, đó là: (1) Nhận thức của một số ban, ngành, địa phương về hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội chưa được đầy đủ, chưa thấy rõ vai trò của hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội, ngại việc phản biện độc lập nên việc cung cấp thông tin, tài liệu cho Liên hiệp hội chưa kịp thời, gây ảnh hưởng đến chất lượng tư vấn, phản biện và giám định xã hội; (2) Chưa thực hiện được các nhiệm vụ về giám định xã hội; (3) Sự phối hợp của các cấp, các ngành còn thiếu chặt chẽ, chưa đảm bảo qui trình phản biện; (4) Nhân lực cán bộ quản lý, chuyên trách đối với công tác tư vấn, phản biện và giám định xã hội của Liên hiệp hội còn kiêm nhiệm nên tính chủ động chưa cao; năng lực trong công tác tư vấn, phản biện và giám định xã hội còn hạn chế...

Để hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội của Liên hiệp hội đạt hiệu quả trong thời gian tới, cần tập trung vào các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm chủ yếu sau:

Một là, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy định hiện hành của Nhà nước về hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội, làm cho các cấp, các ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan hiểu và thống nhất cao về mục đích, hiệu quả, sự cần thiết phải tư vấn, phản biện và giám định

xã hội đối với các chương trình, dự án, quy hoạch, chính sách có ảnh hưởng lớn trước khi trình cấp có thẩm quyền quyết định.

Hai là, hoàn thành phản biện với chất lượng cao nhất đối với các nhiệm vụ được Chủ tịch UBND tỉnh giao thực hiện trong năm 2026.

Ba là, tập hợp, xây dựng hệ thống mạng lưới chuyên gia tư vấn, phản biện và giám định xã hội trong và ngoài tỉnh, đảm bảo đủ năng lực để thực hiện tốt nhiệm vụ, đặc biệt là các chuyên gia đầu ngành có trình độ chuyên môn cao, uy tín về khoa học và có nhiều kinh nghiệm trong tư vấn, phản biện và giám định xã hội.

Bốn là, kiện toàn Ban Tư vấn, phản biện và giám định xã hội của Liên hiệp hội; có kế hoạch đào tạo chuyên sâu cán bộ làm công tác tư vấn, phản biện và giám định xã hội; tăng cường kỹ năng tư vấn, phản biện và giám định xã hội và vận động chính sách cho đội ngũ chuyên gia thông qua các buổi tập huấn, hội thảo chuyên đề, các cuộc hội thảo khoa học, diễn đàn trí thức,...

Năm là, nâng cao tính chủ động của Liên hiệp hội và đội ngũ trí thức trong việc đề xuất các nhiệm vụ tư vấn, phản biện và giám định xã hội đối với các chương trình, quy hoạch, kế hoạch, dự án lớn về phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh; nâng cao năng lực thực hiện các nhiệm vụ tư vấn, phản biện và giám định xã hội; tạo mối liên kết, phối hợp chặt chẽ giữa Liên hiệp hội với các sở, ban ngành, đơn vị, địa phương để đẩy mạnh hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội.

Sáu là, tổ chức biên soạn và phổ biến các tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ tư vấn, phản biện và giám định xã hội, xây dựng sổ tay tư vấn, phản biện và giám định xã hội, tổ chức thường xuyên các khóa tập huấn nghiệp vụ nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm về công tác tư vấn, phản biện và giám định xã hội của Liên hiệp hội và các hội thành viên để ngày càng trở nên chuyên nghiệp, hiệu quả, thiết thực hơn./.

KẾT QUẢ BƯỚC ĐẦU THỰC HIỆN DỰ ÁN TĂNG CƯỜNG KHẢ NĂNG ỨNG PHÓ THIÊN TAI CỦA ĐỒNG BÀO KHU VỰC RỪNG ĐẦU NGUỒN

ThS. Nguyễn Việt Nghị

Giám đốc

Trung tâm nghiên cứu, tư vấn tài nguyên và biến đổi khí hậu*

Từ tháng 10/2024 đến tháng 3/2026, Trung tâm Nghiên cứu, Tư vấn Tài nguyên và Biến đổi Khí hậu (CORENACCA) là tổ chức khoa học công nghệ trực thuộc Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa (Liên hiệp hội) đã triển khai thực hiện dự án tài trợ bởi Tổ chức Bánh mì cho Thế giới (BftW), dưới sự chỉ đạo và giám sát trực tiếp của Liên hiệp hội. Trong 2 năm đầu thực hiện, dự án đã đạt được một số kết quả như mục tiêu, kế hoạch đã đề ra. Nhằm tăng cường khả năng ứng phó thiên tai cho đồng bào dân tộc thiểu số ở khu vực rừng đầu nguồn của 3 xã Xuân Thắng, Xuân Lộc (nay là xã Thắng Lộc) và xã Luận Thành, tỉnh Thanh Hóa, thông qua các hoạt động trồng, chăm



Hỗ trợ xây dựng đường ống dẫn nước đầu nguồn về các ruộng lúa thường bị khô hạn.

sóc, làm giàu rừng và các mô hình sinh kế gắn với bảo vệ rừng đầu nguồn và thích ứng biến đổi khí hậu.

Trong 2 năm qua, vượt qua những khó khăn, thách thức trong các hoạt động trồng cây bản địa và làm giàu rừng đầu nguồn, khôi phục lại hệ sinh thái rừng, thay thế dần trồng keo độc canh gây sạt lở đất, gây thiệt hại về tính mạng và tài sản của người dân trong mùa mưa lũ. Dự án đã phát huy những thuận

(*) Trung tâm trực thuộc Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa

lợi, sự ủng hộ của chính quyền địa phương, đặc biệt là sự nhiệt tình hưởng ứng của người dân để triển khai các hoạt động, đảm bảo đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Những kết quả bước đầu đáng được ghi nhận, tạo lòng tin và sự tham gia tích cực của đồng bào dân tộc thiểu số 3 xã dự án đối với việc trồng rừng đầu nguồn cũng như các hoạt động cải thiện sinh kế cho người dân.

Kết quả các hoạt động và những bài học kinh nghiệm từ một số mô hình được trình bày trong bài viết này như sau:

Hoạt động trồng cây bản địa, cây chuối rừng đầu nguồn tăng cường hệ sinh thái rừng tự nhiên:

Để thực hiện hoạt động này có hiệu quả, đúng với mục tiêu dự án đề ra, nhóm dự án đã phối hợp với chính quyền địa phương, Ban quản lý rừng phòng hộ Thường Xuân và sự tham gia của người dân địa phương tiến hành khảo sát diện tích có thể trồng cây bản địa và cây chuối rừng đầu nguồn. Qua khảo sát đã xác định 2 loài cây bản địa trồng phù hợp đó là cây quế và cây dổi. Cây quế ngọc Thường Xuân nổi tiếng từ lâu đời, được người dân ưa chuộng để trồng thay thế cây keo. Dự án đã hỗ trợ 354 hộ dân trồng 72.827/64.000 (kế hoạch dự án) cây giống, vượt 113,7%, trong đó có: 41.450 cây quế, 31.377 cây dổi, thay thế dần độc canh cây keo ngăn ngừa gây mất rừng, suy giảm hệ sinh thái và sạt lở đất. Được sự nhiệt tình ủng hộ của người dân, dự án cung cấp cây giống kịp thời, đúng mùa vụ, gặp mưa, độ ẩm cao nên tỷ lệ cây sống trên 98%. Đây là kết quả bước đầu đáng ghi nhận nhất trong các hoạt động của dự án vì nó có ý nghĩa lâu dài cho cộng đồng dân cư đầu nguồn.

Bên cạnh trồng cây bản địa, dự án đã tích cực hỗ trợ người dân trồng cây chuối rừng để khôi phục nguồn sinh thủy đầu nguồn

do mất rừng tự nhiên. Dự án đã được người dân tích cực hưởng ứng, trồng được 5.000 cây chuối rừng ở ngay đầu các ngọn suối đang bị khô cạn.

Hỗ trợ xây dựng đường ống dẫn nước đầu nguồn về các ruộng lúa thường bị khô hạn:

Trên cơ sở khảo sát thực địa tại các thôn có sự tham gia của chính quyền địa phương và đối chiếu các tiêu chí của dự án, các bên đã thống nhất lựa chọn 05 thôn gồm: Pà Cầu, Xương, Ёn, Tân Thắng và Tân Thọ để hỗ trợ xây dựng đường ống dẫn nước. Các tuyến ống đã được xác định cụ thể với tổng chiều dài 1.830 mét, cấp nước cho 41,4 ha ruộng bậc thang với 207 hộ/70 hộ (theo thiết kế dự án) hưởng lợi từ hệ thống dẫn nước này.

Người dân hăng hái tham gia đóng góp ngày công để lắp đặt hệ thống đường ống dưới sự giám sát của cán bộ dự án và chính quyền xã, thôn, bản.

Hỗ trợ mô hình nuôi ong lấy mật và mô hình gà bán chẵn thả:

Mô hình nuôi ong là mô hình mới, vì lâu nay người dân chỉ có tập quán lấy mật từ ong rừng tự nhiên. Ban dự án đã họp dân lấy ý kiến và lựa chọn thành lập các nhóm nuôi ong và nuôi gà. Đã thành lập 13 nhóm nuôi gà và 2 nhóm nuôi ong.

Sau các cuộc tập huấn kỹ thuật với hình thức “cầm tay chỉ việc”, “lớp học hiện trường”, người dân dễ hiểu, dễ áp dụng vào thực tế. Dự án đã cấp 100 thùng ong cho 50 hộ gia đình; hỗ trợ 11.000 con gà giống lai ri cho 146 hộ gia đình.

Qua khảo sát, thu thập thông tin, mô hình nuôi gà có tỷ lệ sống trên 90%, doanh thu đạt 606.285.000 đồng; đối với mô hình nuôi ong, hộ nhiều nhất đạt 20 kg mật/đàn ong.

Hỗ trợ xây dựng năng lực cho cán bộ và người dân địa phương:

Dự án đã tổ chức 3 cuộc đánh giá tình trạng để bị tổn thương, 3 cuộc hội thảo về

KHOA HỌC THANH HÓA

kế hoạch giảm nhẹ thiên tai. Tổ chức 13 cuộc truyền thông về phòng chống thiên tai cho cán bộ và nhân dân ở 13 thôn.

Tổ chức các lớp tập huấn cho tập huấn viên là những cán bộ nông cốt địa phương, hỗ trợ dự án tập huấn và tuyên truyền cho người dân địa phương. Tổ chức 3 cuộc hội thảo về chia sẻ kinh nghiệm về phòng chống thiên tai và phát triển sinh kế. Tổ chức 13 cuộc truyền thông về nông nghiệp hữu cơ, 13 cuộc tập huấn về canh tác lúa thuần cải tiến, 16 cuộc tập huấn về phát triển kinh tế hộ gia đình cho cán bộ và nhân dân 13 thôn, 3 cuộc tập huấn làm giàu rừng cho 3 thôn.

Không chỉ tham gia các cuộc hội thảo trong nước mà còn tham gia các hội thảo quốc tế ở Lào và Indonesia để chia sẻ các bài học kinh nghiệm thành công từ dự án.

Bài học kinh nghiệm từ thực tiễn

Trong quá trình triển khai các hoạt động của dự án cần khảo sát, lấy ý kiến của cán bộ và nhân dân địa phương; lắng nghe và

tôn trọng kiến thức bản địa. Chú trọng xây dựng nhóm nông cốt là những người có nhiều kinh nghiệm và kỹ năng làm việc với cộng đồng, nhằm tạo ra lực lượng tại chỗ hỗ trợ hộ gia đình và dự án hiệu quả trong suốt chu trình của dự án.

Để xây dựng thành công các mô hình sinh kế, cần tổ chức lớp học hiện trường, mô hình cụ thể, “cầm tay chỉ việc”, nhất là mô hình nuôi ong và nuôi gà bản địa. Cần tổ chức các buổi hội thảo để nông dân chia sẻ kinh nghiệm thực tế, những khó khăn và kết quả của mô hình.

Xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá có sự tham gia của các nhóm nông dân và chính quyền địa phương tham gia dự án, giúp các bên hiểu rõ và tổ chức thực hiện, quản lý các hoạt động dự án một cách hiệu quả hơn.

Sự giám sát và quan tâm, chỉ đạo kịp thời của Liên hiệp hội giúp giải quyết các vấn đề về ngân sách đối ứng cho dự án cũng như các vướng mắc, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện dự án./.



Mô hình sinh kế nuôi ong lấy mật.

LIÊN CHI HỘI KHOA HỌC LỊCH SỬ LỰC LƯỢNG VŨ TRANG THANH HÓA ĐẨY MẠNH PHONG TRÀO THI ĐUA YÊU NƯỚC, GÓP PHẦN TÍCH CỰC VÀO PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA TỈNH

Nguyễn Văn Lộc

Phó Chánh Văn phòng

Liên chi hội Khoa học Lịch sử

lực lượng Vũ trang Thanh Hóa

Liên chi hội Khoa học Lịch sử Lực lượng Vũ trang Thanh Hóa là tổ chức xã hội - nghề nghiệp được thành lập vào ngày 15/9/2015, theo Quyết định số 16/QĐ-HSH của Chủ tịch Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam. Hiện nay, Liên chi hội có 80 hội viên, trong đó có: 01 phó giáo sư - tiến sĩ, 04 thạc sĩ; 63 đại học, cao đẳng và 12 trung cấp. Các hội viên của Liên chi hội chủ yếu là những cán bộ, sĩ quan đang tại ngũ hoặc đã nghỉ hưu trong các lực lượng Quân đội, Biên phòng, Công an, Cựu Chiến binh, Cựu Thanh niên xung phong, Cựu Quân tình nguyện Việt Nam giúp Lào - Campuchia. Bên cạnh đó, còn có các nhà sử học, lãnh đạo, quản lý, nghiên cứu, nhà giáo, nhà báo, nhà văn, nhà thơ, nghệ sĩ, họa sĩ,... có niềm đam mê sử học, tâm huyết, tinh thần trách nhiệm cao và phẩm chất đạo đức tốt.

Thực hiện phong trào thi đua của tỉnh và Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh, trong những năm qua, Liên chi hội đã đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, uơm mầm sáng tạo, tôn vinh trí thức khoa học và công nghệ tiêu biểu, gắn với học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh để phát huy tiềm năng, trí tuệ của đội ngũ cán bộ, hội viên, hoàn thành tốt các nhiệm vụ, kế hoạch đề ra. Với truyền thống

đoàn kết, năng động, sáng tạo, được sự giúp đỡ của các cấp, các ngành, Liên chi hội đã đạt được các thành tích đáng khích lệ, đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nổi bật là đã nghiên cứu, biên soạn và xuất bản 03 cuốn sách "Khoa học Lịch sử Quốc phòng - An ninh Thanh Hóa xưa và nay" tập I, II, III. Các cuốn sách này được đánh giá là công trình tài liệu lịch sử quý hiếm, có giá trị cao, phục vụ tốt công tác tuyên truyền, giáo dục truyền thống cách mạng cho đông đảo cán bộ và nhân dân trong tỉnh. Đặc biệt cuốn sách "Khoa học Lịch sử Quốc phòng - An ninh Thanh Hóa xưa và nay" tập III (dày 820 trang khổ 21x29,7cm) do Nhà Xuất bản Quân đội nhân dân ấn hành, được Thượng tướng - Nguyên Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu viết lời đề tựa; đồng chí Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh, Bí thư Đảng ủy Quân sự tỉnh viết lời giới thiệu; PGS.TS. Trần Đức Cường - Chủ tịch Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam gửi thư chúc mừng, thể hiện sự đánh giá cao của các nhà lãnh đạo, nhà khoa học đối với cuốn sách và sự cống hiến của Liên chi hội.

Liên chi hội đã làm tốt công tác tuyên truyền, quảng bá về khoa học lịch sử; tích cực tham gia viết bài trong các sự kiện của tỉnh như: 990 năm Danh xưng Thanh Hóa,

KHOA HỌC THANH HÓA

các điển hình tiên tiến lực lượng vũ trang trên các tạp chí, các báo: Quân đội nhân dân, Giáo dục và Thời đại, Kinh doanh và Pháp luật, Thanh Hóa, Văn hóa nghệ thuật...; tham gia các cuộc thi tìm hiểu về quan hệ đặc biệt Việt - Lào, về sự kiện 92 năm ngày thành lập Đảng bộ tỉnh, 130 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng trong cuộc sống của tôi,... luôn đạt giải cao. Một số hội viên của Liên chi hội là tác giả nhiều đầu sách có giá trị, được mời viết bài, mời tham gia Ban Chỉ đạo, Ban Biên soạn các công trình Địa chí của tỉnh, huyện, thị xã, thành phố và các xã, phường.

Liên chi hội đã tích cực tham gia góp ý kiến vào “Đề án xây dựng và phát triển Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”, “Đề án Ngân hàng tên đường phố và các công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”, “Đề án xây dựng hình ảnh đẹp con người xứ Thanh trong con mắt bạn bè”. Tham gia 2 hội đồng tư vấn, đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ: “Nghiên cứu Bộ từ điển Thái - Việt trên địa bàn Thanh Hóa”

của UBND huyện Thường Xuân, “Bộ từ điển tiếng Thái cổ đưa vào phần mềm vi tính” của ông Hà Văn Thương,...

Năm 2023, Liên chi hội đã chủ trì phối hợp với UBND huyện Quảng Xương và UBND thị xã Nghi Sơn tổ chức thành công Hội thảo Khoa học “Bến phà Ghép anh hùng thời kỳ chống Mỹ, cứu nước và việc phát huy truyền thống trong thời kỳ hội nhập, phát triển hiện nay”. Sau hội thảo, Liên chi hội đã đề nghị viết cuốn sách “Bến phà Ghép anh hùng” chuẩn bị cho Kỷ niệm 60 năm chiến thắng Bến phà Ghép anh hùng (03,04/4/1965 - 03,04/4/2025); đồng thời, trình Thường trực Tỉnh ủy đề nghị cho đầu tư xây dựng khu di tích lịch sử cách mạng Địa điểm Bến phà Ghép, thuộc địa phận xã Quảng Trung, huyện Quảng Xương với các hạng mục công trình cơ bản như: Tượng đài chiến thắng; nhà truyền thống lưu giữ các hình ảnh, tư liệu, tài liệu, kỷ vật chiến tranh; nhà quản lý, điều hành, đón tiếp,...

Thực hiện quyết định của Thường trực Tỉnh ủy, Liên chi hội được giao nhiệm vụ viết cuốn sách: “Bến phà Ghép anh hùng”.



Các hội viên được tặng Giấy khen vì đã có thành xuất sắc trong công tác Liên chi hội năm 2025.

Trong 2 năm: 2024 - 2025, Liên chi hội đã triển khai khảo sát thực địa, gặp gỡ nhân chứng, tập hợp bài viết, đối chiếu tài liệu, tổ chức biên soạn,... bản thảo cuốn sách đã hoàn thành, dung lượng 600 trang (khổ 19x27cm), trong đó có 54 trang tư liệu (trên 100 ảnh). Bản thảo sách đã được Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy thẩm định. Được sự đồng ý của UBND tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao cho Nhà Xuất bản Thanh Hóa in ấn.

Liên chi hội đặc biệt quan tâm đến công tác đền ơn đáp nghĩa, tri ân đồng đội thông qua nhiều hoạt động như: Năm 2017, phối hợp với Câu lạc bộ Doanh nhân Thanh Hóa tại thành phố Hồ Chí Minh, in và phát hành cuốn sách “Văn quan - Võ tướng xứ Thanh” đủ số tiền tặng 3 nhà tình nghĩa cho hộ chính sách nghèo, gặp khó khăn tại xã Đông Quang (huyện Đông Sơn), xã Vĩnh Hùng (huyện Vĩnh Lộc) và xã Yên Phú (huyện Yên Định), mỗi căn nhà trị giá 50 triệu đồng. Phối hợp với Trung tâm Hỗ trợ phát triển Dân tộc các tỉnh phía Nam (TP. Hồ Chí Minh) tặng quà cho các hộ gia đình chính sách nghèo tại các huyện: Triệu Sơn, Bá Thước, Vĩnh Lộc; trao quà cứu trợ các gia đình bị thiệt hại do bão lụt năm 2019 tại xã Trung Thành (Quan Hóa) bằng nguồn kinh phí vận động trên 100 triệu đồng,...

Năm 2023, đã tổ chức cho 32 cán bộ, hội viên đi thăm và giao lưu tại tỉnh Hòa Phăn (Lào) 03 ngày (ngày 04 - 06/5/2023) nhân dịp Tết cổ truyền Bumpimay của Lào và Kỷ niệm 70 năm ngày giải phóng Sầm Nưa trong chiến dịch Thượng Lào chiến thắng thực dân Pháp (ngày 05/5/1953 - 05/5/2023), có sự đóng góp đặc biệt quan trọng của tỉnh Sầm Nưa (nay là tỉnh Hòa Phăn) và Quân tình nguyện Việt Nam. Năm 2025, Liên chi hội tiếp tục tổ chức đoàn 26 cán bộ, hội viên đi thăm, tặng quà cho các cháu tỉnh Hòa Phăn (Lào) trong 03 ngày (15

- 17/11/2025) đạt kết quả tốt đẹp, thể hiện tinh đoàn kết, hữu nghị đặc biệt của nhân dân hai tỉnh Thanh Hóa - Hòa Phăn, Việt Nam - Lào.

Cùng với thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên môn và các hoạt động xã hội, các cán bộ, hội đều gương mẫu chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam và Quy chế làm việc của Liên chi hội.

Với thành tích tích đạt được, Liên chi hội đã được tôn vinh, khen thưởng: 01 cá nhân được tôn vinh Trí thức Khoa học và Công nghệ tiêu biểu Việt Nam và là một trong 06 cá nhân được tặng Bằng khen Thủ tướng Chính phủ; 01 cá nhân được tham gia Đại hội Thi đua yêu nước của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam năm 2020; 01 cá nhân được tôn vinh Trí thức Khoa học và Công nghệ tiêu biểu tỉnh Thanh Hóa và được tặng Bằng khen Chủ tịch UBND tỉnh; 03 cá nhân được tôn vinh Trí thức Khoa học và Công nghệ xuất sắc tỉnh Thanh Hóa và được tặng Giấy khen Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh. Tập thể Liên chi hội được tặng 01 Bằng khen và 05 cá nhân được tặng Bằng khen Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam.

Trong thời gian tới, Liên chi hội phát huy các thành tích đạt được, tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, ươm mầm sáng tạo, tôn vinh trí thức khoa học và công nghệ tiêu biểu, gắn với học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, xây dựng tổ chức Liên chi hội ngày càng vững mạnh; tập hợp, phát huy tốt tiềm năng, trí tuệ của đội ngũ cán bộ, hội viên; thực hiện tốt các chương trình, kế hoạch đề ra, góp phần tích cực vào nhiệm vụ khoa học lịch sử và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh./.

NÂNG CAO Ý THỨC PHÁP LUẬT - HÀNH TRÌNH ĐỒNG HÀNH CỦA HỘI LUẬT GIA TỈNH THANH HÓA CÙNG CỘNG ĐỒNG

Luật gia Lê Đình Ty

Ủy viên Ban Thường vụ, Phó Giám đốc Trung tâm Tư vấn pháp luật Hội Luật gia tỉnh Thanh Hóa

Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là chủ trương lớn, xuyên suốt của Đảng và Nhà nước ta. Trong tiến trình đó, pháp luật giữ vai trò trung tâm trong tổ chức, vận hành xã hội, bảo đảm quyền con người, quyền công dân, duy trì trật tự, kỷ cương và thúc đẩy phát triển bền vững. Tuy nhiên, pháp luật chỉ thực sự phát huy hiệu lực, hiệu quả khi được Nhân dân hiểu đúng, tin tưởng và tự giác chấp hành.

Từ thực tiễn đó có thể khẳng định: hiểu biết pháp luật là quyền cơ bản của mỗi công dân; còn việc không ngừng nâng cao nhận thức pháp luật vừa là nhu cầu tự thân, vừa là trách nhiệm xã hội của mỗi cá nhân. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, chuyển đổi số mạnh mẽ và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội ngày càng cao, yêu cầu nâng cao nhận thức pháp luật cho Nhân dân càng trở nên cấp thiết.

Đối với tỉnh Thanh Hóa - một địa phương có diện tích lớn, dân số đông, gồm cả miền núi, trung du, đồng bằng và ven biển - công tác phổ biến, giáo dục pháp luật càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Sự chênh lệch về điều kiện kinh tế - xã hội, trình độ dân trí giữa các vùng miền đặt ra yêu cầu phải có những giải pháp linh hoạt, sát thực tiễn, phát huy vai trò của các tổ

chức chính trị - xã hội, trong đó có Hội Luật gia tỉnh Thanh Hóa.

Hiểu biết pháp luật - quyền cơ bản của công dân

Hiến pháp năm 2013 khẳng định: “Nhà nước quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật; mọi người sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật”. Đồng thời, Hiến pháp và nhiều đạo luật liên quan cũng ghi nhận quyền được thông tin, quyền tiếp cận pháp luật của công dân. Điều đó cho thấy, hiểu biết pháp luật không phải là đặc quyền của một nhóm người có trình độ chuyên môn, mà là quyền chính đáng, phổ quát của mọi tầng lớp Nhân dân.

Trong đời sống hàng ngày, mỗi cá nhân đều thường xuyên chịu sự điều chỉnh của pháp luật: từ các quan hệ nhân thân như khai sinh, kết hôn, ly hôn, thừa kế, đến các quan hệ tài sản, lao động, kinh doanh, đất đai, khiếu nại, tố cáo, khởi kiện. Nếu không hiểu biết pháp luật, người dân rất dễ bị xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp mà không biết cách tự bảo vệ, hoặc vô tình vi phạm pháp luật do thiếu thông tin, thiếu kiến thức.

Thực tiễn tại Thanh Hóa cho thấy, nhiều vụ tranh chấp đất đai, hợp đồng dân sự, khiếu kiện hành chính kéo dài... bắt nguồn từ việc người dân không nắm rõ quy định pháp luật hoặc thiếu sự tư vấn kịp thời. Ở một số vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa,

đồng bào dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận thông tin pháp luật, dẫn đến hạn chế trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân.

Do đó, quyền được phổ biến, giáo dục pháp luật, tư vấn pháp luật và trợ giúp pháp lý là những quyền thiết thực, gắn trực tiếp với đời sống của công dân. Việc Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, trong đó có Hội Luật gia tỉnh Thanh Hóa, bảo đảm cho Nhân dân thực hiện tốt quyền này chính là một trong những thước đo quan trọng về mức độ dân chủ, văn minh và tiến bộ của xã hội.

Nâng cao nhận thức pháp luật - trách nhiệm xã hội của mỗi người

Nếu hiểu biết pháp luật là quyền thì việc chủ động học tập, tìm hiểu và tuân thủ pháp luật lại là trách nhiệm của mỗi cá nhân đối với bản thân, gia đình và cộng đồng. Một xã hội chỉ có thể ổn định, phát triển bền vững khi đa số người dân có ý thức pháp luật cao, biết tôn trọng kỷ cương, đề cao giá trị thượng tôn pháp luật trong suy nghĩ và hành động.

Thực tiễn cho thấy, không ít vụ việc vi phạm pháp luật, tranh chấp dân sự, hành chính, khiếu kiện kéo dài, phức tạp, mâu thuẫn trong cộng đồng... bắt nguồn từ sự thiếu hiểu biết hoặc coi nhẹ pháp luật. Có trường hợp người dân ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà không kiểm tra đầy đủ hồ sơ pháp lý, dẫn đến tranh chấp; có người tham gia giao thông không chấp hành quy định, gây tai nạn đáng tiếc; có người bị lôi kéo vào các hoạt động tín dụng đen, lừa đảo qua mạng vì thiếu kiến thức pháp lý cơ bản.

Nhận thức pháp luật không chỉ dừng lại ở việc “biết luật”, mà còn bao hàm thái độ tôn trọng pháp luật, niềm tin vào công lý và sự sẵn sàng hành động theo khuôn khổ pháp luật. Khi mỗi người tự giác tuân thủ pháp luật, xã hội sẽ giảm bớt chi phí cho cưỡng chế, xử lý vi phạm; các quan hệ xã hội trở nên minh bạch, ổn định; môi trường đầu tư, kinh doanh lành mạnh hơn; niềm tin của Nhân dân đối với Nhà nước và pháp luật được củng cố.



Hội Luật gia tỉnh Thanh Hóa phối hợp Ủy ban nhân dân xã Nguyệt Án tổ chức Hội nghị phổ biến, tư vấn pháp luật về đất đai, tiếp cận dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Đối với Thanh Hóa - địa phương đang đẩy mạnh thu hút đầu tư, phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp, hạ tầng giao thông, đô thị - yêu cầu nâng cao nhận thức pháp luật cho người dân và doanh nghiệp càng trở nên bức thiết. Một cộng đồng có ý thức pháp luật cao chính là nền tảng quan trọng để xây dựng môi trường đầu tư an toàn, minh bạch, hấp dẫn.

Vai trò của Hội Luật gia trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tại Thanh Hóa

Hội Luật gia Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp của những người làm công tác pháp luật. Tại Thanh Hóa, Hội Luật gia tỉnh và các chi hội trực thuộc đã và đang đóng vai trò tích cực trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, tư vấn pháp luật và trợ giúp pháp lý cho Nhân dân.

Những năm qua, các cấp Hội Luật gia trong tỉnh đã tổ chức nhiều buổi tuyên truyền pháp luật tại cơ sở; phối hợp với chính quyền địa phương tham gia hòa giải tranh chấp trong cộng đồng; tư vấn, trợ giúp pháp lý miễn phí cho người nghèo, người yếu thế; tham gia góp ý xây dựng các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; tham gia với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh trong việc giám sát việc thi hành pháp luật trong một số lĩnh vực như tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Nhiều vụ việc phức tạp đã được giải quyết ngay từ cơ sở, góp phần giảm bớt đơn thư khiếu kiện vượt cấp, giữ gìn ổn định an ninh, trật tự.

Một trong những điểm sáng tiêu biểu trong hoạt động của Hội Luật gia tỉnh Thanh Hóa là vai trò nòng cốt của Trung tâm Tư vấn pháp luật trực thuộc Hội. Riêng trong năm 2025, Trung tâm đã tích cực tham gia các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; hướng dẫn thi hành pháp luật; đưa pháp luật đến gần hơn với đời sống Nhân dân.

Theo đó, Trung tâm đã tham gia tổ chức hàng chục cuộc tuyên truyền pháp luật tại

các xã, phường trên địa bàn tỉnh, thu hút hơn một nghìn lượt người dân tham dự. Nội dung tuyên truyền tập trung vào những đạo luật thiết thân, gắn trực tiếp với quyền và nghĩa vụ của người dân như: Luật Đất đai, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, Luật Hòa giải ở cơ sở, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo. Hình thức tuyên truyền được đổi mới theo hướng đối thoại, hỏi - đáp, giải đáp tình huống cụ thể, giúp người dân dễ hiểu, dễ nhớ, dễ vận dụng vào thực tiễn. Ví dụ, trong các buổi tuyên truyền về Luật Đất đai, báo cáo viên dành khoảng 30 phút để trả lời những vướng mắc của bà con liên quan đến đất đai; có thể giải đáp trực tiếp hoặc hướng dẫn người dân đến Trung tâm Tư vấn pháp luật Hội Luật gia tỉnh để được tư vấn tại Văn phòng số 32, Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành.

Đặc biệt, Trung tâm đã cử báo cáo viên pháp luật tham gia 08 cuộc phổ biến pháp luật, hỗ trợ tâm lý, hỗ trợ pháp lý tái hòa nhập cộng đồng cho 1.004 phạm nhân được đề nghị giảm án, tha tù trước thời hạn và đặc xá dịp 30/4 và 02/9 tại các trại giam, trại tạm giam trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Đây là hoạt động mang đậm tính nhân văn, thể hiện rõ vai trò đồng hành của người làm công tác pháp luật đối với những đối tượng yếu thế, giúp họ củng cố niềm tin vào pháp luật, chuẩn bị hành trang pháp lý và tâm lý để tái hòa nhập cộng đồng, hạn chế nguy cơ tái phạm.

Thực tiễn này cho thấy, phổ biến, giáo dục pháp luật không chỉ dừng lại ở việc “tuyên truyền đạt quy định”, mà còn phải gắn với giải quyết các vấn đề xã hội cụ thể, với hỗ trợ tâm lý - pháp lý, với mục tiêu cuối cùng là giúp con người sống tốt hơn, có trách nhiệm hơn trong khuôn khổ pháp luật.

Mỗi hội viên Hội Luật gia - “cầu nối” pháp luật với Nhân dân

Mỗi hội viên Hội Luật gia, dù công tác ở lĩnh vực nào, đều mang trong mình sứ mệnh xã hội đặc biệt: làm cầu nối giữa pháp luật

và cuộc sống, giữa Nhà nước và Nhân dân. Trách nhiệm ấy không chỉ thể hiện trong các hoạt động tuyên truyền, tư vấn chính thức, mà còn trong từng hành vi, lời nói, thái độ ứng xử hằng ngày.

Trước hết, mỗi hội viên cần gương mẫu trong việc chấp hành pháp luật, chuẩn mực trong đạo đức nghề nghiệp, trung thực, khách quan trong hoạt động chuyên môn. Uy tín của người làm công tác pháp luật có tác động rất lớn đến niềm tin của Nhân dân đối với pháp luật và công lý.

Thứ hai, mỗi hội viên cần chủ động học tập, cập nhật kịp thời các quy định pháp luật mới, nâng cao kỹ năng tuyên truyền, tư vấn, hòa giải, trợ giúp pháp lý. Pháp luật luôn thay đổi; nếu không tự bồi dưỡng thường xuyên, người hội viên sẽ khó đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội.

Thứ ba, mỗi hội viên cần tích cực tham gia các hoạt động vì cộng đồng: phổ biến pháp luật ở cơ sở, hỗ trợ pháp lý cho người yếu thế, tham gia giải quyết mâu thuẫn trong dân cư, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân. Đặc biệt, tại Thanh Hóa, cần quan tâm nhiều hơn đến các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, nơi người dân còn gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận dịch vụ pháp lý.

Từ thực tiễn hoạt động của Trung tâm Tư vấn pháp luật năm 2025, có thể thấy rõ vai trò và trách nhiệm của mỗi hội viên Hội Luật gia trong việc đưa pháp luật vào đời sống. Những cuộc tuyên truyền pháp luật tại cơ sở, những buổi tư vấn trực tiếp cho người dân, hay những chuyến đi đến trại giam, trại tạm giam để hỗ trợ pháp lý cho phạm nhân trước ngày tái hòa nhập cộng đồng đều là minh chứng sinh động cho tinh thần “đồng hành cùng Nhân dân” của đội ngũ luật gia Thanh Hóa.

Việc tham gia hỗ trợ pháp lý cho 1.004 phạm nhân được đề nghị giảm án, tha tù trước thời hạn, đặc xá trong năm 2025 đã thể hiện rõ chiều sâu nhân văn của công tác pháp luật: coi trọng giáo dục, cảm hóa,

phòng ngừa tái phạm, hơn là chỉ xử lý và trừng phạt.

Đồng hành cùng Nhân dân vì một xã hội thượng tôn pháp luật

Thượng tôn pháp luật không chỉ là khẩu hiệu, mà phải trở thành giá trị cốt lõi trong đời sống xã hội. Một xã hội thượng tôn pháp luật là xã hội trong đó mọi người đều bình đẳng trước pháp luật; pháp luật được tôn trọng, thực thi nghiêm minh; quyền con người, quyền công dân được bảo vệ hiệu quả.

Để đạt được mục tiêu đó, không thể chỉ trông chờ vào nỗ lực của Nhà nước hay một vài tổ chức, mà cần sự chung tay của toàn xã hội. Trong đó, Hội Luật gia và mỗi hội viên giữ vai trò nòng cốt trong việc dẫn dắt, hỗ trợ, truyền cảm hứng cho Nhân dân sống và làm việc theo pháp luật.

Đồng hành cùng Nhân dân không chỉ là giải quyết các vụ việc phát sinh, mà còn là phòng ngừa vi phạm, phòng ngừa xung đột bằng cách nâng cao nhận thức pháp luật ngay từ đầu. Khi người dân hiểu rõ quyền và nghĩa vụ của mình, họ sẽ tự tin hơn trong giao tiếp xã hội, chủ động hơn trong bảo vệ quyền lợi, và có trách nhiệm hơn với cộng đồng.

Hiểu biết pháp luật là quyền cơ bản của mỗi công dân; nâng cao nhận thức pháp luật là trách nhiệm không thể né tránh của mỗi người trong xã hội. Trong hành trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Hội Luật gia Việt Nam nói chung và Hội Luật gia tỉnh Thanh Hóa nói riêng giữ vai trò quan trọng trong việc đưa pháp luật đến gần hơn với Nhân dân, biến những quy định pháp luật thành chuẩn mực sống trong đời sống hằng ngày.

Mỗi hội viên Hội Luật gia tỉnh Thanh Hóa cần luôn khắc ghi sứ mệnh của mình: đồng hành cùng Nhân dân, vì một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, nơi pháp luật thực sự được thượng tôn, công lý được bảo vệ, và mọi người đều có cơ hội sống trong an toàn, tôn trọng và nhân ái./.

CỘNG SINH CÔNG NGHIỆP VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP QUẢN LÝ CÁC VẤN ĐỀ VỀ MÔI TRƯỜNG TẠI KHU KINH TẾ VÀ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA

TS. Lê Anh Trung

Phân hiệu Trường Đại học

Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tại tỉnh Thanh Hóa

Trong những năm qua, việc bảo vệ môi trường tại các khu công nghiệp (KCN) vẫn là một vấn đề nóng được xã hội quan tâm. Với tốc độ phát triển kinh tế nhanh, số lượng các KCN được thành lập để thu hút dự án đầu tư và số lượng dự án tại các KCN ngày càng gia tăng. Điều này tạo thêm áp lực lên môi trường, xuất phát từ các nguồn như: nước thải, khí thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại và các nguồn khác do doanh nghiệp tạo ra. Hiện nay, các quy định về bảo vệ môi trường đã góp phần cải thiện đáng kể tình hình tại các KCN.

Kinh tế tuần hoàn (KTTH) đang trở thành xu hướng tất yếu ở Việt Nam và trên thế giới. Đối với KCN, mô hình KCN sinh thái (KCNST) dựa trên sinh thái công nghiệp, hướng tới sản xuất tuần hoàn thay vì tuyến tính, giúp tối ưu hóa tài nguyên, giảm chi phí, nâng cao hiệu quả môi trường và kinh tế, đồng thời tăng cường khả năng cạnh tranh và khả năng chống chịu rủi ro cho doanh nghiệp.

Sinh thái công nghiệp ra đời từ sự thay đổi quan niệm quản lý môi trường, dựa trên sự tương đồng giữa hệ sinh thái tự nhiên và quá trình sản xuất công nghiệp, với mục tiêu phát triển bền vững. Theo Nghị định số 35/2022/NĐ-CP, KCNST là KCN mà trong đó doanh nghiệp tham gia vào hoạt động sản xuất sạch hơn, sử dụng hiệu quả tài nguyên, có liên kết, hợp tác trong sản xuất để thực hiện cộng sinh công nghiệp

(CSCN); đáp ứng các tiêu chí quy định tại Nghị định.

Như vậy, KCNST là cộng đồng doanh nghiệp liên kết với nhau để hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. Đây là mô hình phát triển hài hòa, thân thiện với môi trường và cộng đồng dân cư xung quanh. Doanh nghiệp trong KCN không chỉ chia sẻ nguồn tài nguyên như nguyên vật liệu đầu vào, nước, chất thải, thông tin, nguồn lao động với nhau mà còn chia sẻ với cộng đồng và các doanh nghiệp bên ngoài KCN.

Hiện nay, Việt Nam đang thu hút các nhà đầu tư phát triển mô hình KCNST nhằm đảm bảo phát triển bền vững, đáp ứng xu hướng xanh hóa nền kinh tế và mục tiêu đưa mức phát thải ròng về “0” (Net zero) vào năm 2050 - cam kết được đưa ra tại Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (COP26).

Thực trạng và công tác quản lý môi trường tại Khu kinh tế (KKT) và các KCN trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Trong những năm gần đây, các ngành công nghiệp như nhiệt điện, xi măng, thép, hóa chất, dệt nhuộm được đánh giá là có lượng phát thải cao. Nguyên nhân chủ yếu đến từ quy trình sản xuất và loại nguyên liệu, nhiên liệu tiêu thụ. Ngành nhiệt điện, với lượng than sử dụng hàng triệu tấn mỗi năm, thải ra lượng lớn CO₂, SO₂, NO_x và bụi. Ngành hóa dầu cũng phát sinh CO₂, NO_x, H₂S và bụi PM10 trong quá trình lọc dầu. Lĩnh vực

luyện kim, đặc biệt là sản xuất thép, tạo ra hàng chục nghìn mét khối khí thải chứa bụi và các chất độc hại cho mỗi tấn thép sản xuất. Dù đã có các biện pháp giảm thiểu, tốc độ phát triển công nghiệp hiện nay khiến việc kiểm soát chất thải từ các nhà máy vẫn là thách thức lớn.

Theo Báo cáo công tác bảo vệ môi trường tỉnh Thanh Hóa năm 2024, trên địa bàn tỉnh hiện có 01 KKT Nghi Sơn và 08 KCN, bao gồm: KCN Lễ Môn, KCN Đình Hương - Tây Bắc Ga, KCN Bỉm Sơn, KCN Hoàng Long, KCN Lam Sơn - Sao Vàng, KCN Thạch Quảng, KCN Bãi Trành và KCN Ngọc Lặc. Trong đó, KKT Nghi Sơn và 04/08 KCN đang đi vào hoạt động.

Kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí tại khu dân cư gần các nhà máy, KCN cho thấy hầu hết các thông số đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 05:2023/BTNMT, ngoại trừ bụi lơ lửng có nồng độ vượt quy chuẩn. Đối với tiếng ồn, mức độ dao động tại các khu dân cư cạnh nhà máy và KCN từ 61,8 đến 79,2 dBA. Trong 78 lần quan trắc, có 35 lần ghi nhận vượt QCVN 26:2010/BTNMT (70 dBA). Những vị trí có

độ ồn cao chủ yếu nằm tại KCN Lễ Môn, Nhà máy Nhiệt điện Nghi Sơn, Nhà máy xi măng Nghi Sơn và khu liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn.

Về xử lý nước thải, hiện có 02 KCN đã xây dựng và vận hành trạm xử lý nước thải tập trung: KCN Lễ Môn (công suất 1.300 m³/ngày đêm) và KCN Bỉm Sơn (khu A) với tổng công suất thiết kế 6.000 m³/ngày đêm, thực tế đang vận hành 1.500 m³/ngày đêm. Các KCN khác đang ở các trạng thái đầu tư khác nhau: KCN Bỉm Sơn (khu B) có trạm xử lý 490 m³/ngày đêm; KCN Hoàng Long, các dự án thứ cấp đã vận hành trạm xử lý, nước thải đạt quy chuẩn trước khi xả ra môi trường; KCN Đình Hương - Tây Bắc Ga, doanh nghiệp tự đầu nối và xử lý nước thải nội bộ, xả ra sông Cầu Hạc, trong khi giai đoạn 2 đầu nối vào hệ thống tập trung của giai đoạn 1. KCN Lam Sơn - Sao Vàng đang trong quá trình giải phóng mặt bằng và thủ tục đầu tư. Ba KCN Thạch Quảng, Bãi Trành và Ngọc Lặc chưa có chủ đầu tư hạ tầng.

Qua kết quả đo đạc, phân tích chất lượng nước mặt trong những năm qua, chất lượng nước ở khu vực thượng lưu các con sông lớn



Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn thuộc Khu Kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

vấn tương đối tốt. Tuy nhiên, ở vùng trung lưu và hạ lưu, trong một số đợt quan trắc, một số thông số như TSS (Total Suspended Solids - tổng chất rắn lơ lửng), Amoni, Fe (sắt), Clorua có nồng độ cao hơn giá trị giới hạn cho phép, phản ánh áp lực ô nhiễm từ các hoạt động công nghiệp, sinh hoạt và nông nghiệp.

Để quản lý và bảo vệ môi trường (BVMT) tại KKT Nghi Sơn và các KCN, UBND tỉnh Thanh Hóa đã ban hành Quyết định số 42/2022/QĐ-UBND về Quy chế phối hợp bảo vệ môi trường trong KKT và các KCN trên địa bàn tỉnh. Nội dung phối hợp giữa Ban Quản lý KKT, KCN và các cơ quan chuyên môn bao gồm nhiều hoạt động trọng tâm. Trước hết là tổ chức tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật về BVMT, đồng thời hướng dẫn, kiểm tra chủ đầu tư hạ tầng KCN và các doanh nghiệp trong KKT, KCN thực hiện đúng các quy định về BVMT.

Công tác quản lý còn bao gồm giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính về BVMT theo thẩm quyền hoặc theo ủy quyền đối với các dự án trong KKT, KCN; kiểm tra, thanh tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất việc chấp hành pháp luật BVMT của doanh nghiệp; xử lý vi phạm; phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường xảy ra trong phạm vi KKT, KCN. Ngoài ra, cơ chế còn quy định giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp về môi trường giữa các doanh nghiệp trong KKT, KCN hoặc với các tổ chức, cá nhân ngoài phạm vi KKT, KCN theo quy định của Luật BVMT. Trong trường hợp có ý kiến khác nhau về việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp hoặc xử lý vi phạm pháp luật về BVMT, các cơ quan liên quan phải báo cáo lãnh đạo cùng cấp ngành mình để xem xét, giải quyết. Những vấn đề chưa thống nhất sẽ được cơ quan thụ lý tổng hợp, đề xuất hướng giải quyết và báo cáo UBND tỉnh Thanh Hóa. Quy chế cũng quy định chế độ báo cáo công tác BVMT, công khai, trao đổi thông tin và thực hiện các nhiệm vụ

khác theo pháp luật về bảo vệ môi trường tại KKT, KCN.

Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thanh Hóa định kỳ hàng năm xây dựng và triển khai kế hoạch kiểm tra công tác BVMT tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh. Nội dung và biện pháp thực hiện được đổi mới, có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào nhóm cơ sở sản xuất có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao. Trong quá trình kiểm tra, Sở hướng dẫn và yêu cầu các cơ sở thực hiện đầy đủ các quy định của Luật Bảo vệ môi trường, đồng thời xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vi phạm. Các cơ sở đang hoạt động được đôn đốc, hướng dẫn cải tạo, bổ sung các công trình xử lý môi trường còn thiếu hoặc xuống cấp nhằm nâng cao hiệu quả xử lý chất thải, đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép trước khi xả ra môi trường.

Song song với đó, Sở triển khai các nhiệm vụ kiểm soát chất lượng môi trường nước mặt sông, hồ; xây dựng kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt tỉnh Thanh Hóa giai đoạn đến năm 2030; kiểm soát chất lượng môi trường không khí; quản lý và kiểm soát nguồn thải; áp dụng các biện pháp sản xuất sạch hơn, thu hồi năng lượng và nguyên liệu cho các ngành sản xuất khác; triển khai các dự án giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; bước đầu kiểm soát nguồn phát thải khí nhà kính và xây dựng cơ sở dữ liệu về tín chỉ carbon. Chương trình quan trắc chất lượng môi trường trên địa bàn tỉnh với tần suất 6 lần/năm trong giai đoạn 2021 - 2025 được thực hiện thường xuyên, đảm bảo tiến độ và phản ánh kịp thời hiện trạng chất lượng môi trường. Các kết quả quan trắc giúp đánh giá, dự báo xu hướng biến đổi chất lượng môi trường, từ đó làm cơ sở cảnh báo, phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm, suy thoái môi trường. Theo đó, chất lượng môi trường không khí tại các KCN đã có nhiều chuyển biến tích cực. Các dự án đầu tư thuộc đối tượng lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) đều được UBND tỉnh Thanh Hóa, Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các

KCN thẩm định và ban hành quyết định phê duyệt kết quả thẩm định. Hiện có 26 cơ sở đã truyền dữ liệu quan trắc chất thải tự động về Sở với tổng cộng 112 trạm (27 trạm quan trắc nước thải và 85 trạm quan trắc khí thải), góp phần nâng cao hiệu quả giám sát chất lượng chất thải trước khi xả ra môi trường.

Như vậy, công tác bảo vệ môi trường tỉnh Thanh Hóa hiện nay nói chung, và công tác BVMT tại KKT, KCN nói riêng, đã đạt được những kết quả quan trọng. Nhận thức và trách nhiệm về bảo vệ môi trường của doanh nghiệp đã có chuyển biến tích cực, đầu tư cho sự nghiệp môi trường ngày càng cao hơn. Các nỗ lực này góp phần tạo môi trường phát triển bền vững, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

Đề xuất giải pháp quản lý các vấn đề về môi trường tại KKT, KCN trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Tại Việt Nam, việc thúc đẩy KTTH, tái sử dụng chất thải tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh đã được quy định rõ trong các văn bản pháp luật. Cụ thể, tại Khoản 3, Điều 142, Luật BVMT năm 2020, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có trách nhiệm thiết lập hệ thống quản lý và thực hiện biện pháp nhằm giảm khai thác tài nguyên, giảm chất thải, nâng cao mức độ tái sử dụng và tái chế chất thải ngay từ giai đoạn xây dựng dự án, thiết kế sản phẩm, hàng hóa đến giai đoạn sản xuất, phân phối.

Tương tự, Khoản 3, Điều 47, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP cũng khuyến khích các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung áp dụng các biện pháp tái sử dụng chất thải, công nghệ sản xuất sạch hơn, tiết kiệm năng lượng, cộng sinh công nghiệp (CSCN) và KTTH. Mô hình Khu công nghiệp sinh thái KCNST được Chính phủ nêu rõ tại Nghị định số 35/2022/NĐ-CP và được hướng dẫn cụ thể tại Thông tư 05/2025/TT-BKHĐT ngày 24/01/2025, nhằm tạo cơ sở pháp lý và kỹ thuật cho việc xây dựng KCN thân thiện môi trường. CSCN là hoạt động hợp tác giữa các doanh

niệp trong một KCN hoặc giữa các KCN nhằm tối ưu hóa việc sử dụng và tái sử dụng các yếu tố đầu vào - đầu ra như nguyên liệu, vật liệu, nước, năng lượng, chất thải, phế liệu, và các yếu tố khác trong quá trình sản xuất, kinh doanh. CSCN có thể được triển khai thông qua ba nhóm hoạt động chính:

Trao đổi yếu tố đầu vào - đầu ra: Doanh nghiệp trong KCN chia sẻ nguyên liệu, vật liệu, nước, năng lượng, chất thải, phế liệu và các yếu tố khác phù hợp với quy định pháp luật về BVMT, nhằm giảm lãng phí, giảm ô nhiễm và tăng hiệu quả sử dụng tài nguyên.

Sử dụng chung hạ tầng phục vụ sản xuất: Các doanh nghiệp có thể sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất do chính các bên thực hiện CSCN hoặc bên thứ ba cung cấp, không bao gồm hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội do nhà đầu tư phát triển hạ tầng KCN cung cấp.

Sử dụng chung dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất - kinh doanh: Bao gồm các dịch vụ kỹ thuật, vận hành, xử lý chất thải, cung cấp năng lượng hoặc dịch vụ khác được thực hiện chung giữa các doanh nghiệp trong KCN hoặc từ bên thứ ba trong hoặc ngoài KCN.

Để quản lý hiệu quả môi trường tại các KCN ở Thanh Hóa, cần phân tích và thúc đẩy CSCN, trong đó chất thải của doanh nghiệp này trở thành nguyên liệu cho doanh nghiệp khác, hình thành vòng tuần hoàn. Ví dụ, xỉ lò thép tái sử dụng trong xi măng, khí thải được thu hồi làm năng lượng. CSCN giảm chi phí, tạo giá trị kinh tế mới và hạn chế tác động môi trường, là tiêu chí quan trọng của KCN sinh thái (KCNST).

Mô hình KCNST chuyển từ sản xuất tuyến tính “nhập - sản xuất - xả thải” sang tuần hoàn “nhập - sản xuất - tái sử dụng - hồi nguyên liệu”, với hạ tầng kỹ thuật và kết nối chuỗi giá trị chia sẻ giữa các doanh nghiệp.

Việc phát triển KCNST giúp tăng trưởng kinh tế bền vững, giảm ô nhiễm môi trường, bảo vệ sức khỏe con người và hướng tới kinh tế tuần hoàn theo chiến lược phát triển xanh của Việt Nam./.

Những thách thức cốt lõi về thủy lợi và phòng chống thiên tai cần lời giải để phát triển bền vững

Phạm Xuân Quý

Hội Khoa học Thủy lợi Thanh Hóa

Chính quyền địa phương 2 cấp tỉnh Thanh Hóa chính thức đi vào hoạt động đã được 9 tháng (từ 01/7/2025). Từ một tỉnh lớn với hơn 547 xã, phường, thị trấn thuộc 26 huyện, thị xã, thành phố, đến nay chỉ còn lại 166 xã, phường trực thuộc tỉnh (không còn cấp huyện). Lợi ích trước mắt ai cũng thấy: số lượng cán bộ, công chức dôi dư lên tới 3.602 người, kết thúc hoạt động của 5.350 người không chuyên trách thuộc các xã, phường cũ và dôi dư 407 công sở xã, phường trên địa bàn toàn tỉnh. Đây là cuộc cách mạng về thể chế và tinh gọn bộ máy lớn nhất từ trước đến nay. Thuận lợi về nhiều mặt trong đời sống xã hội là rõ ràng, nhưng khó khăn cũng không phải ít. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi chỉ muốn nêu lên một số bài toán khó về lĩnh vực thủy lợi và phòng chống thiên tai (PCTT), cần có giải pháp tháo gỡ để phát huy hiệu quả thực hiện chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước.

Bài toán khó về nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực phục vụ công tác quản lý nhà nước về PCTT và thủy lợi, từ giai đoạn quy hoạch, lập kế hoạch, đầu tư xây dựng

đến quản lý, khai thác công trình thủy lợi, còn nhiều bất cập, rất mất cân đối và thiếu hụt ở cấp cơ sở. Trình độ và năng lực không đồng đều, phân tầng rất mạnh ở cả bốn cấp trước đây và nay là ba cấp: cấp trung ương, cấp tỉnh và cấp cơ sở (xã, phường).

Trước đây, khi vận hành bộ máy chính quyền địa phương ba cấp, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa có 26 đơn vị cấp huyện (gồm 2 thành phố, 2 thị xã và 22 huyện với 547 xã, phường). Nguồn nhân lực phục vụ công tác quản lý nhà nước về thủy lợi và PCTT của tỉnh rất thiếu, đặc biệt là ở cấp huyện. Cả tỉnh chỉ có 2 tiến sĩ thủy lợi (một người ở Đại học Hồng Đức, một người là Phó Giám đốc Sở Ngoại vụ) và 49 thạc sĩ thủy lợi, phần lớn làm việc tại các doanh nghiệp. Ở cấp huyện, mỗi phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chỉ có biên chế một kỹ sư thủy lợi, thay vì phòng Thủy lợi hoặc Giao thông thủy lợi có từ 5-7 cán bộ gồm kỹ sư và trung cấp. Thực tế, ở nhiều huyện không có kỹ sư thủy lợi. Ở cấp xã, phường hầu như không có biên chế ủy viên thủy lợi.

Từ thực trạng trên, khi chuyển sang chính quyền địa phương hai cấp (không còn cấp huyện), nguồn nhân lực phục vụ công tác

quản lý nhà nước về thủy lợi và PCTT càng trở nên bất cập. Bài toán về nhân lực đối với 166 xã, phường mới (trung ương cấp huyện thu nhỏ) sẽ được giải quyết ra sao?

Khó khăn trong công tác quy hoạch PCTT và thủy lợi

Quy hoạch PCTT và thủy lợi đã được tích hợp vào quy hoạch vùng huyện và quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2045, được phê duyệt tại Quyết định 153/QĐ-TTg ngày 27/02/2023, và Quy hoạch PCTT và thủy lợi giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050, tại Quyết định 847/QĐ-TTg ngày 14/07/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

Các quy hoạch này đã phân kỳ đầu tư thực hiện và xác định các dự án ưu tiên đầu tư công theo từng giai đoạn, theo Kế hoạch thực hiện số 72/KH-UBND ngày 26/03/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Tuy nhiên, đến nay vẫn còn nhiều bất cập xảy ra do các nguyên nhân khác nhau, nên việc thực hiện những nội dung trong Quy hoạch 153/QĐ-TTg và Kế hoạch 72/KH-UBND chưa đạt được như kỳ vọng. Ví dụ: Dự án nâng cấp hệ thống kênh Bái Thượng chưa thực hiện được giai đoạn 1. Hệ thống thủy lợi đập Cẩm Hoàng trên sông Mã chưa có cơ quan nào thực hiện theo quyết định giao vốn chuẩn bị đầu tư của Chính phủ. Tiêu úng vùng III huyện Nông Cống (giai đoạn II) và tăng cường khả năng tiêu thoát lũ vùng Bắc Thanh Hóa vướng về công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng do thay đổi đơn vị từ cấp huyện sang cấp xã, phường mới, làm chậm tiến độ thực hiện.

Ngoài ra, còn một số dự án tiềm năng đã bị loại khỏi Quy hoạch 847/QĐ-TTg và dự án KEXIM1, như: Hồ Làng Giẻ trên sông Âm; Trạm bơm tiêu Lưu Phong Châu (Bắc sông Mã).

Tình hình thực hiện một số chương trình dự án ưu tiên trong quy hoạch

Tại buổi tiếp xúc, gặp gỡ, tham vấn và đối thoại giữa Lãnh đạo tỉnh với đội ngũ trí thức trên địa bàn ngày 11/10/2024, Hội Khoa học Thủy lợi Thanh Hóa đã đề xuất, kiến nghị một số nội dung. Những nội dung này đã được Thường trực Tỉnh ủy kết luận, giao Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành chức năng nghiên cứu, xem xét theo quy định. Xin được dẫn ra dưới đây:

a. Đối với hệ thống thủy lợi đập Cẩm Hoàng

Đây là công trình thủy lợi đa mục tiêu với các nhiệm vụ chủ yếu: (i) Điều tiết dòng chảy tạo đầu nước để cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp (tưới cho diện tích 30.287ha) vùng trung du và đồng bằng Bắc sông Mã, tỉnh Thanh Hóa, bao gồm các huyện, thị, thành phố: Bim Sơn, Hà Trung, Hoàng Hóa, Hậu Lộc, Nga Sơn, Vĩnh Lộc, một phần của thành phố Thanh Hóa và của huyện Thạch Thành; (ii) Cấp nước cho công nghiệp và dân sinh với nhu cầu 5,25m³/s; (iii) Đảm bảo dòng chảy môi trường hạ du sông Mã (tại ngã ba Giàng): 50m³/s; (iv) Kết hợp phát điện với công suất lắp máy N_{lm}=16,0MW; (v) Kết nối cơ sở hạ tầng theo quy hoạch của tỉnh và tạo ra một mạng lưới giao thông thủy - bộ gắn kết với mạng lưới giao thông trong vùng đã có; (vi) Bậc thang cuối cùng trên dòng chính sông Mã để kiểm soát dòng chảy kiệt, dòng chảy lũ, quản lý hiệu quả nguồn nước trước các tác động xấu của thiên tai và biến đổi khí hậu.

Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã trình Thủ tướng Chính phủ về danh mục và mức vốn đầu tư công từ NSNN giai đoạn 2021 - 2025 cho Đập Cẩm Hoàng. Thủ tướng Chính phủ

cũng đã ghi vốn cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường để chuẩn bị dự án tại Quyết định số 1515/QĐ-TTg ngày 15/09/2021. Tuy nhiên, đến tháng 11/2023, công việc chuẩn bị dự án vẫn chưa có kết quả. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo kết luận số 504/TB-VPCP ngày 05/12/2023, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã có Văn bản số 9518/BNN-KH ngày 27/12/2023 gửi Văn phòng Chính phủ, cam kết sẽ cân đối bố trí vốn để thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư dự án trong giai đoạn 2024 - 2025; trường hợp đủ điều kiện, Bộ sẽ báo cáo cấp thẩm quyền xem xét quyết định đầu tư dự án theo quy định của pháp luật đầu tư công. Văn bản này cũng được Văn phòng Chính phủ chuyển đến UBND tỉnh Thanh Hóa để phối hợp thực hiện. Ngày 08/01/2024, Văn phòng UBND tỉnh có Thông báo số 331/UBND-NN về ý kiến chỉ đạo của Phó Chủ tịch UBND tỉnh: giao Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Công Thương, UBND các huyện: Vĩnh Lộc, Cẩm Thủy và các đơn vị liên quan, tiếp tục đấu nối, phối hợp chặt chẽ với các đơn vị liên quan của Bộ Nông nghiệp và Môi trường để sớm hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục đầu tư dự án theo đúng quy định hiện hành của pháp luật; báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh những nội dung vượt thẩm quyền.

Trong buổi làm việc với lãnh đạo Chi cục Thủy lợi thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh ngày 19/08/2025, Hội Khoa học Thủy lợi nêu vấn đề trên thì được đồng chí Phó Chi cục trả lời là chưa nắm được. Như vậy, việc chủ trì phối hợp thực hiện nhiệm vụ được phân công tại văn bản 331/UBND-NN ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh đã chưa được thực hiện, vì đã gần 2 năm trôi qua, dự án đề xuất vẫn không thấy có sự tiến triển,

cũng không thực hiện được yêu cầu nêu tại mục 2.17 Kế hoạch số 176-KL/TU ngày 15/01/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 504/TB-VPCP ngày 05/12/2023 của Văn phòng Chính phủ.

b. Về việc xây dựng hoàn chỉnh hệ thống tiêu úng Đông Sơn

Dự án hệ thống tiêu úng Đông Sơn, trước đây gọi là hệ thống tiêu thủy Đông - Thiệu - Thị, được UBHC tỉnh Thanh Hóa tổ chức khởi công ngày 05/03/1976, với mục đích chính là tiêu úng, chống ngập cho 13.356 ha diện tích tự nhiên của Thị xã Thanh Hóa, một phần diện tích của các huyện Đông Sơn, Thiệu Hóa và Quảng Xương (trong đó đất nông nghiệp chiếm khoảng 80%). Tần suất thiết kế tiêu P = 20%; hệ số tiêu thiết kế 5,4l/s/ha; lưu lượng tiêu thiết kế $Q_{tk}=80,14m^3/s$; với các hạng mục công trình chủ yếu: (i) Cống Quảng Châu - cống đầu mối tiêu trên đê hữu sông Mã, tại xã Quảng Châu, gồm 4 cửa rộng 8m, cao 4,5m; (ii) Nạo vét các trục tiêu chính: sông Thọ Hạc, kênh Vinh, sông Nhà Lê, đào mới kênh Thống Nhất từ Lai Thành về cống Quảng Châu; (iii) Xây dựng mới âu thuyền Đông Hưng, cầu máng qua kênh Cầu Ê - Trường Tuế và 5 cầu ô tô: cầu Hạc, cầu Sâng, cầu Bó, cầu Cốc, cầu Lai Thành. Đây là đại công trường thủ công đầu tiên sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, mở đầu cho hàng loạt đại công trường thủ công: Sông Lý, sông Hoàng, Tam Điệp, Yên Mỹ, Lạch Bạng... của tỉnh.

Dự án được Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt đầu tư tại các quyết định phê duyệt lần đầu với tổng mức đầu tư (TMĐT) 363 tỷ đồng và phê duyệt điều chỉnh bổ sung. Sau 3 lần điều chỉnh, TMĐT được phê duyệt sau điều chỉnh lần cuối là

hơn 978,8 tỷ đồng, trong đó: chi phí xây lắp hơn 389,2 tỷ đồng; chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng gần 534,1 tỷ đồng (với 3.724 hộ dân bị ảnh hưởng).

Thông số kỹ thuật: tần suất thiết kế tiêu $P=10\%$; hệ số thiết kế tiêu cho đất nông nghiệp $q=7,051/s/ha$; cho đất đô thị $q=18,06\ l/s/ha$; lưu lượng tiêu thiết kế (2007) $Q_{tk} = 104,79m^3/s$ và tương lai $Q_{tk} = 127m^3/s$; mực nước không chế tiêu trên hệ thống kênh, tại cầu Cốc +2,12m.

Các hạng mục chủ yếu: (i) Nạo vét và gia cố 41,43 km hệ thống sông Quảng Châu, sông Thọ Hạc, sông Bến Ngự và sông Kênh Vinh; (ii) Đầu tư 9 cầu qua sông Thọ Hạc và sông Nhà Lê; (iii) Xây mới thêm 2 cửa cống Quảng Châu và sửa chữa, cải tạo nhà quản lý cống.

Dự án được triển khai thành 2 giai đoạn và hoàn thành trong 4 năm kể từ ngày khởi công. Tuy nhiên, sau 13 năm triển khai, dự án vẫn còn nhiều tồn tại; một số gói thầu thi công dở dang như: gói thầu số 21 nạo vét, gia cố sông Thọ Hạc từ K2+623,2 (cầu Hạc) đến K4+270,2 (cầu 4 Voi) và xây mới cầu bê tông cốt thép qua sông Thọ Hạc (cách hạ lưu cầu Hạc khoảng 800m); chưa thi công các gói thầu số 27 (xây dựng mới cống Quảng Châu thêm 2 cửa) và số 29 (xây dựng cầu Nấp trên tuyến đường sắt Bắc - Nam).

Ngày 28/02/2022, Thứ trưởng Nguyễn Hoàng Hiệp, Trưởng đoàn công tác của Bộ Nông nghiệp và Môi trường đi kiểm tra và làm việc với UBND tỉnh về dự án. Quan điểm của Bộ là phải tìm cách giải quyết dứt điểm những tồn tại, vướng mắc cho dự án. Thứ trưởng cũng đồng ý cho phép kéo dài thời gian thực hiện dự án đến hết 31/12/2022, yêu cầu Chủ đầu tư và tỉnh Thanh Hóa hoàn chỉnh các văn bản pháp lý trình Bộ điều chỉnh nguồn vốn cho dự án.

Tuy nhiên, đến nay dự án vẫn chưa hoàn thành, đặc biệt là các gói thầu số 27 và 29; nếu không thực hiện, dự án sẽ không đạt hiệu quả như mục tiêu đề ra.

Hiện tại, hầu hết hệ thống thoát nước mưa của các đô thị trong vùng dự án tiêu úng Đông Sơn chưa được đầu tư hoàn thiện theo quy hoạch, chưa kết nối các lưu vực thoát nước ra nguồn tiếp nhận. Do vậy, tình trạng ngập úng cục bộ trong mùa mưa vẫn xảy ra, gây ô nhiễm môi trường và ách tắc giao thông. Các trục tiêu thoát chính của hệ thống tiêu Đông Sơn hiện đang xuống cấp nặng. Tình trạng xả trực tiếp chất thải, nước thải sinh hoạt ra lòng dẫn và lấn chiếm bờ bãi xảy ra thường xuyên, làm các trục tiêu chính trong vùng dự án bị thu hẹp, gây ách tắc dòng chảy và ngập úng vào mùa mưa. Vào mùa khô, khi thủy triều xuống, hầu hết dòng chảy trên các trục tiêu trong khu vực nội thị đều bị cạn, tro đáy, bốc mùi hôi thối, ảnh hưởng nghiêm trọng đến các khu dân cư ven sông.

Đề xuất và kiến nghị

Đối với hệ thống thủy lợi đập Cẩm Hoàng
Một là, đề nghị UBND tỉnh giao trách nhiệm cho Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng các công trình NN&PTNT Thanh Hóa đấu thầu trực tiếp, cụ thể và chi tiết với các đơn vị chức năng của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện, xem vấn đề khó khăn, vướng mắc ra sao để báo cáo với Chủ tịch UBND tỉnh và đề xuất phương hướng giải quyết.

Hai là, đề nghị UBND tỉnh tổ chức một buổi làm việc với Bộ Nông nghiệp và Môi trường tại Thanh Hóa, với sự tham gia của Lãnh đạo Bộ, đại diện lãnh đạo các cục, vụ, viện và các đơn vị có liên quan của Bộ; lãnh đạo tỉnh Thanh Hóa và thủ trưởng các sở, ngành, cùng các đơn vị có liên quan

KHOA HỌC THANH HÓA

của tỉnh, nhằm đạt sự đồng thuận, báo cáo và thống nhất một tiếng nói chung về việc đầu tư dự án thủy lợi kết hợp thủy điện Cẩm Hoàng.

Đối với hệ thống tiêu úng Đông Sơn

Một là, về xây dựng hoàn chỉnh hệ thống tiêu úng, cần quán triệt thực hiện theo quan điểm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường là phải tìm cách giải quyết dứt điểm những tồn tại, vướng mắc của dự án. Vì vậy, đề nghị UBND tỉnh báo cáo và đề nghị Bộ tiếp tục thực hiện đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu úng Đông Sơn (vốn NSNN Trung ương trước đây do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý). Tuy nhiên, kể từ ngày 01/07/2025, UBND thành phố Thanh Hóa đã kết thúc hoạt động; do đó, Bộ và UBND tỉnh cần sớm thống nhất chủ trương giải quyết để phát huy hiệu quả dự án, đặc biệt là mở rộng cống Quảng Châu thêm 2 cửa nhằm đảm bảo tiêu thoát lượng mưa (X) và lưu lượng xả lũ tương ứng với tần suất thiết kế ($p = 10\%$), lượng mưa tại trạm Thanh Hóa (X_1 ngày $\max = 667,80\text{mm}$; $Q_{\text{xả}} = 127\text{m}^3/\text{s}$).

Hai là, theo đề nghị của TP Thanh Hóa (cũ) tại Công văn số 1268/UBND-QLĐT ngày 07/03/2024 và Văn bản của Sở Xây dựng số 2640/SXD-HT ngày 15/04/2024 về việc giải quyết tình trạng úng ngập nặng tại 11 vị trí trên địa bàn TP Thanh Hóa (cũ), trong đó có đề xuất xây dựng 3 trạm bơm, gồm: trạm bơm tại vị trí âu thuyền Bến Ngự, công suất 20 m^3/s ; trạm bơm tại vị trí cống Quảng Châu, công suất 40 m^3/s ; và trạm bơm tại Mật Sơn, công suất 8 m^3/s , tiêu cho khu vực phường Tân Sơn và một phần phường Ngọc Trạo cũ, với tổng mức đầu tư khoảng gần 500 tỷ đồng. Đề nghị xem xét lại giải pháp trên, bởi dự án tiêu úng Đông Sơn có hạng mục mở rộng cống Quảng Châu thêm 2 cửa tiêu thoát $\approx 47,0\text{m}^3/\text{s}$ chưa được thực hiện.

Ba là, cần nghiên cứu ứng dụng giải pháp thoát nước bền vững cho toàn vùng dự án. Giải pháp này bao gồm: giải pháp kỹ thuật cứng, như tạo bề mặt phủ có khả năng thấm, lưu giữ và chứa nước tốt (vía hè thấm nước, bể chứa nước mưa cho hộ gia đình và công trình) nhằm giảm tải lưu lượng mưa ra hệ thống thoát nước chung của thành phố; và giải pháp kỹ thuật mềm, như các giải pháp sinh thái tạo cảnh quan đô thị (mái nhà xanh, mương thấm, hồ điều hòa...), với các ưu điểm: bổ cập nguồn nước ngầm, loại bỏ chất ô nhiễm từ dòng chảy mặt, cải thiện cảnh quan đô thị, thích nghi với biến đổi khí hậu, dễ quản lý và bảo trì. Đồng thời, nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ, lắp đặt các thiết bị đo lường, giám sát và điều khiển (SCADA) để phát hiện các ách tắc trong hệ thống thoát nước và xử lý nước thải chưa đạt tiêu chuẩn, từ đó có biện pháp xử lý kịp thời.

Bốn là, về quy hoạch và phát triển khu đô thị (KĐT), đề nghị không nên chia quá nhỏ các KĐT mới trong quy hoạch xây dựng. Mỗi KĐT mới cần tuân thủ các quy định về mật độ xây dựng, tỷ lệ công trình hạ tầng và phúc lợi công cộng, cây xanh, công viên, hồ điều hòa theo pháp luật xây dựng; đồng thời, từng bước áp dụng công nghệ thoát nước mặt đô thị bền vững. Bên cạnh đó, cần giải quyết việc tái định cư cho các hộ thuyền chài và dứt điểm tình trạng định cư trên thuyền trong các lòng dẫn.

Năm là, về tổ chức quản lý hệ thống thoát nước mưa và nước thải trong vùng dự án đề nghị phân giao rõ chức năng nhiệm vụ của hai công ty: Công ty TNHH một thành viên sông Chu và Công ty TNHH một thành viên môi trường và đô thị Thanh Hóa. Hai công ty nói trên cần phải phối kết hợp chặt chẽ với nhau và với các phường, xã mới trong vùng dự án của tỉnh./.

NGHIÊN CỨU ẢNH HƯỞNG CỦA LIỀU LƯỢNG PHÂN BÓN NPK ĐẾN SINH TRƯỞNG, PHÁT TRIỂN CÂY SA NHÂN TÍM (*AMOMUM LONGILIGULARE* T.L. WU) TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG NÔNG NGHIỆP THANH HÓA

ThS. Lê Thị Huệ, ThS. Nguyễn Thị Hương
Khoa Nông Lâm nghiệp
Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa

Cây Sa nhân tím (*Amomum longiligulare* T.L. Wu) là một loại dược liệu và gia vị quý, có giá trị kinh tế, y học và sinh thái, thích hợp trồng dưới tán rừng và cây lâu năm. Tại Thanh Hóa, cây Sa nhân tím chủ yếu được khai thác tự nhiên, kỹ thuật trồng và chăm sóc còn nhiều hạn chế, đặc biệt là kỹ thuật bón phân. Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá ảnh hưởng của liều lượng phân bón NPK đến sinh trưởng và phát triển của cây Sa nhân tím trồng dưới tán cây tại Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa. Thí nghiệm được bố trí theo kiểu khối ngẫu nhiên hoàn chỉnh (RCBD) với ba công thức phân bón khác nhau. Các chỉ tiêu sinh trưởng được theo dõi định kỳ trong 12 tháng. Kết quả cho thấy phân bón NPK ảnh hưởng rõ rệt đến sinh trưởng của cây Sa nhân tím, trong đó công thức bón lót với liều lượng 20 tấn phân chuồng/ha kết hợp bón thúc 2 tấn NPK/ha/năm cho hiệu quả cao nhất.

Cây Sa nhân tím (*Amomum longiligulare* T.L. Wu) thuộc họ gừng, là loài cây thân thảo lâu năm, mọc thành khóm, cao 1,5-2m. Lá màu xanh đậm, dài 25-35cm, rộng 5-6cm, mặt lá nhẵn. Sa nhân là cây nhiệt đới, sinh trưởng tốt ở nhiệt độ bình quân 22-28°C; ở 16-18°C cây phát triển chậm, nhưng khả năng chịu lạnh tốt hơn nhiều cây nhiệt đới khác, có thể chịu nhiệt độ 1-3°C trong thời

gian ngắn. Cây không đòi hỏi đất tốt, có thể trồng trên đất cát hoặc đất thịt; đất cát pha thoát nước tốt, giàu mùn, tơi xốp, dưới lớp đất này là đất thịt là thích hợp nhất.

Tại Thanh Hóa, cây Sa nhân tím đã được Trung tâm Nghiên cứu Dược liệu Bắc Trung Bộ trồng thăm dò từ năm 2004. Cây thường mọc vào vụ Xuân và vụ Thu - Đông, sinh trưởng tốt dưới tán cây hòe (xã Quảng Thắng) và vườn tạp (xã Cẩm Bình, Cẩm Thủy). Tuy nhiên, các biện pháp kỹ thuật trồng cây như thời vụ, mật độ trồng, liều lượng phân bón vẫn chưa được xác định. Các nghiên cứu trước đây cho thấy, cây gieo ươm từ hạt sau 5 tháng đạt chiều cao trung bình 36,5cm, có 11,5 lá, 2,5 cây/bầu; cây giâm thân ngầm sau 5 tháng đạt 63 cm, có 13 lá, 2,4 chồi/bầu, tỷ lệ sống 86,7%. Cây con từ gieo ươm và giâm thân ngầm sau 5 tháng là đủ điều kiện xuất trồng.

Một dự án khoa học tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu từ 2017 - 2020 nhằm bảo tồn và phát triển nguồn gen cây Sa nhân tím đã khảo sát điều kiện tự nhiên, các yếu tố ảnh hưởng đến sự tồn tại của loài và cộng đồng dân cư vùng đệm, nâng cao nhận thức về bảo tồn. Tuy nhiên, các nghiên cứu này chủ yếu tập trung vào khảo sát phân bố, điều kiện sinh thái và bảo tồn, chưa có nghiên cứu chuyên sâu về kỹ thuật trồng, chăm sóc hay

KHOA HỌC THANH HÓA

ảnh hưởng của phân bón khoáng NPK đối với sinh trưởng và phát triển cây Sa nhân tím tại Thanh Hóa.

Để nâng cao chất lượng của các giờ thực hành các môn học của chuyên ngành trồng trọt - bảo vệ thực vật trình độ trung cấp, khoa học cây trồng trình độ cao đẳng đang đào tạo tại Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa thì việc nghiên cứu ảnh hưởng của liều lượng phân bón NPK đến sinh trưởng và phát triển của cây Sa nhân tím là cần thiết nhằm hoàn thiện quy trình kỹ thuật và nâng cao chất lượng các giờ thực hành trong nhà trường. Nghiên cứu này giúp học sinh, sinh viên được tiếp cận trực tiếp với quy trình trồng, chăm sóc và quản lý dinh dưỡng cây dược liệu theo hướng khoa học, qua đó tăng cường năng lực thực hành, khả năng vận dụng kiến thức chuyên môn vào thực tiễn sản xuất. Đồng thời là cơ sở để nhà trường tổ chức giảng dạy theo hướng “học đi đôi với hành”, nâng cao chất lượng đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng gắn đào tạo với nghiên cứu và sản xuất, đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực nông nghiệp có tay nghề, đáp ứng được nhu cầu thị trường lao động hiện nay

Các nghiên cứu về cây Sa nhân tại tỉnh Thanh Hóa trước đây đều nhấn mạnh tầm quan trọng của phân bón và môi trường đất đối với sinh trưởng cây dược liệu, nhưng chủ yếu ở phạm vi khảo sát sinh thái, đặc điểm ruột bầu ươm giống hay các kỹ thuật gây trồng tổng thể ở các vùng khác, chứ chưa tập trung vào nghiên cứu ảnh hưởng chính thức của phân bón NPK tại Thanh Hóa. Do vậy, việc thực hiện các nghiên cứu thử nghiệm đánh giá liều lượng NPK trên cây Sa nhân tím trong điều kiện cụ thể của Thanh Hóa là cần thiết và còn thiếu hụt tài liệu khoa học để phục vụ sản xuất.

Đối tượng nghiên cứu: Sa nhân tím (*Amomum longiligulare*) là một loài thuộc chi Sa nhân (*Amomum*), họ Gừng (*Zingiberaceae*). Chi Sa nhân có khoảng 250 loài, phân bố chủ

yếu ở vùng nhiệt đới, đặc biệt là khu vực nhiệt đới Đông Nam và Nam Á. Ở Việt Nam, đã thống kê được trên 30 loài thuộc chi Sa nhân, tập trung ở các tỉnh Tây Nguyên (Đắk Lắk, Gia Lai) và khu vực Trung du miền núi phía Bắc (Yên Bái, Phú Thọ, Hòa Bình...).

Sa nhân tím còn gọi là Sa nhân lưỡi dài, là loài thân thảo sống nhiều năm, cao 1,5-2,5m, ưa ẩm, chịu bóng nên có thể trồng dưới tán rừng, vừa giúp tăng độ che phủ đất rừng, giữ nước, chống xói mòn, vừa tăng thu nhập cho người dân. Loài Sa nhân tím cũng có thể trồng ở những nơi trồng nắng (trên đất sau nương rẫy) tạo thành các quần thể lớn thuần loài. Sa nhân tím là cây dễ trồng, thích nghi tốt với nhiều loại đất, có khả năng tái sinh vô tính khỏe và tái sinh tự nhiên từ hạt lớn.

Giống cây Sa nhân tím (*Amomum longiligulare* T.L.Wu) được đưa vào trồng trong mô hình thử nghiệm là giống cây nuôi cấy mô, lấy từ Trạm giống cây lâm sản ngoài gỗ Hoàn Bò thuộc Trung tâm Lâm sản ngoài gỗ Việt Nam.

Thời gian nghiên cứu: 12 tháng (từ tháng 09/2023 đến tháng 09/2024).

Địa điểm nghiên cứu: Mô hình thí nghiệm thực hiện tại khu đất bên hông cổng chính (dưới tán cây lâu năm) tại Cơ sở 1, Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa.

Phương pháp nghiên cứu:

Bố trí thí nghiệm: Thí nghiệm được bố trí theo kiểu khối ngẫu nhiên hoàn chỉnh (RCBD) với 3 công thức phân bón và 3 lần nhắc lại. Các công thức gồm: (P1) Bón lót 20 tấn phân chuồng/ha kết hợp bón thúc 2 tấn NPK/ha/năm. (P2) Bón lót 20 tấn phân chuồng/ha kết hợp bón thúc 1 tấn NPK/ha/năm. (P3) đối chứng, bón lót 20 tấn phân chuồng/ha, không bón NPK.

Chỉ tiêu và phương pháp theo dõi: Các chỉ tiêu về sinh trưởng, phát triển của cây Sa nhân tím gồm: chiều cao cây (cm), đường kính gốc (cm), số lá/cây (lá) và số nhánh/khóm (nhánh). Số liệu được thu thập định kỳ 3 tháng/lần. Điều tra sâu bệnh hại chính trên cây Sa nhân

tính theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương pháp điều tra phát hiện dịch hại cây trồng QCVN 0138:2010/BNNPTNT của Cục Bảo vệ Thực vật.

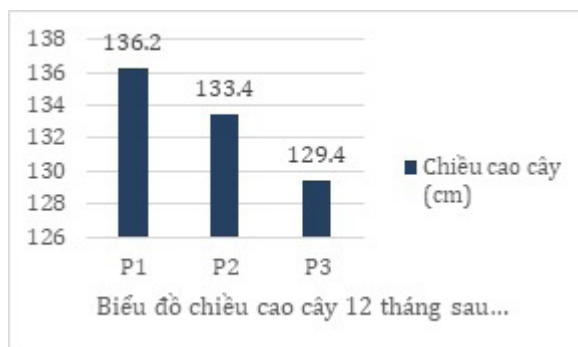
Phương pháp xử lý số liệu: Số liệu được xử lý bằng phương pháp phân tích phương sai (ANOVA). So sánh trung bình giữa các công thức ở mức ý nghĩa 5% (độ tin cậy 95%).

Kết quả nghiên cứu:

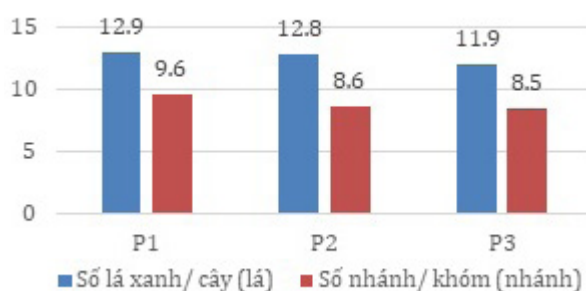
Ảnh hưởng của phân bón đến chiều cao cây sa nhân tím 12 tháng sau trồng: Kết quả theo dõi về sinh trưởng của cây sa nhân 12 tháng sau trồng cho thấy sự khác biệt về chiều cao cây giữa các công thức bón phân là có ý nghĩa thống kê. Trong đó, công thức P1 cho chiều cao cây trung bình cao nhất, đạt 136,2cm; cao hơn công thức P2 là 2,8cm và cao hơn công thức P3 là 6,8cm. Đồng thời, chiều cao cây ở công thức P2 cũng cao hơn công thức P3 là 4,0cm. Các mức chênh lệch này đều vượt ngưỡng sai khác nhỏ nhất có ý nghĩa ($LSD_{0.05}$), chứng tỏ ảnh hưởng rõ rệt của các công thức bón phân đến sinh trưởng chiều cao của cây sa nhân tím.

Ảnh hưởng của phân bón đến đường kính gốc sa nhân tím 12 tháng sau trồng: Kết quả theo dõi cho thấy các công thức bón phân có ảnh hưởng đến đường kính gốc cây sa nhân tím sau 12 tháng trồng. Đường kính gốc đạt giá trị cao nhất ở công thức P1 (0,9cm), tiếp đến là P2 (0,8cm) và thấp nhất ở P3 (0,7cm). Sự sai khác giữa các công thức được ghi nhận là có ý nghĩa thống kê khi so sánh với giá trị $LSD_{0.05} = 0,2$. Hệ số biến động thấp ($CV = 3,0\%$) phản ánh mức độ đồng đều cao của số liệu và độ tin cậy của thí nghiệm. Kết quả này cho thấy việc áp dụng công thức bón phân P1 có hiệu quả hơn trong việc thúc đẩy sinh trưởng về đường kính gốc của cây sa nhân tím ở giai đoạn 12 tháng sau trồng.

Ảnh hưởng của phân bón đến số lá sa nhân tím 12 tháng sau trồng: Kết quả theo dõi cho thấy các công thức bón phân có ảnh hưởng đến số lá xanh trên cây sa nhân tím sau 12 tháng trồng. Công thức P1 cho số lá



Biểu đồ chiều cao cây Sa nhân tím sau 12 tháng trồng ở các công thức bón phân.



Biểu đồ số lá và số nhánh Sa nhân tím sau 12 tháng trồng ở các công thức bón phân.

xanh/cây cao nhất (12,9 lá), xấp xỉ với công thức P2 (12,8 lá), trong khi công thức P3 đạt giá trị thấp hơn (11,9 lá). Sự sai khác giữa các công thức P1, P2 so với P3 vượt giá trị $LSD_{0.05} = 0,3$, chứng tỏ sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở mức tin cậy 95%. Hệ số biến động thấp ($CV = 1,3\%$) cho thấy số liệu ổn định và độ chính xác cao của thí nghiệm. Kết quả khẳng định các công thức bón phân P1 và P2 có tác động tích cực hơn đến khả năng hình thành và duy trì số lá xanh của cây sa nhân tím trong giai đoạn 12 tháng sau trồng.

Ảnh hưởng của phân bón đến đường kính gốc sa nhân tím 12 tháng sau trồng: Kết quả theo dõi cho thấy phân bón có ảnh hưởng rõ rệt đến số nhánh của cây sa nhân tím sau 12 tháng trồng. Công thức P1 đạt số nhánh/cây cao nhất (9,6 nhánh), vượt trội so với hai công thức P2 (8,6 nhánh) và P3 (8,5 nhánh). Sự sai khác giữa công thức P1 với P2 và P3 đều lớn hơn giá trị $LSD_{0.05} = 0,3$, chứng tỏ các khác biệt này có ý nghĩa thống kê ở mức

tin cây 95%. Trong khi đó, sự chênh lệch giữa P2 và P3 không đáng kể. Hệ số biến động thấp ($CV = 1,3\%$) phản ánh độ đồng đều cao của số liệu và độ tin cậy của kết quả thí nghiệm. Kết quả cho thấy công thức bón phân P1 có hiệu quả rõ rệt trong việc thúc đẩy khả năng phân nhánh của cây sa nhân tím ở giai đoạn 12 tháng sau trồng.

Kết luận

Kết quả nghiên cứu trong điều kiện thí nghiệm tại Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa cho thấy phân bón NPK có ảnh hưởng rõ rệt đến sinh trưởng và phát triển của cây Sa nhân tím sau 12 tháng trồng:

- Phân bón có ảnh hưởng rõ rệt đến chiều cao cây sa nhân tím sau 12 tháng trồng. Trên nền phân hữu cơ vi sinh 20 tấn/ha cho kết quả công thức P1 (2 tấn NPK/ha) cho chiều cao cây cao nhất và sai khác có ý nghĩa thống kê so với P2 (1 tấn NPK/ha) và P3 (không bón NPK), trong khi P3 đạt giá trị thấp nhất.

- Về chỉ tiêu đường kính gốc cây sa nhân tím chịu tác động đáng kể của các công thức bón phân. Công thức P1 (2 tấn NPK/ha) đạt đường kính gốc lớn nhất, thể hiện ưu thế rõ rệt so với các công thức còn lại; P2 (1 tấn NPK/ha) cho kết quả trung gian và P3 (không bón NPK) thấp nhất.

- Số lá xanh trên cây sa nhân tím tăng lên rõ rệt khi áp dụng các công thức bón phân phù hợp. Công thức P1 (2 tấn NPK/ha) và P2 (1 tấn NPK/ha) cho số lá xanh cao hơn và khác biệt có ý nghĩa thống kê so với công thức P3 (không bón NPK).

- Phân bón ảnh hưởng rõ rệt đến khả năng phân nhánh của cây sa nhân tím. Công thức P1 cho số nhánh/cây cao nhất và sai khác có ý nghĩa thống kê so với P2 và P3, trong khi sự khác biệt giữa P2 và P3 không đáng kể.

- Kết quả nghiên cứu trên chỉ thực hiện trong 12 tháng chưa đánh giá hết được ảnh hưởng của phân bón đến năng suất và hiệu quả kinh tế của cây sa nhân tím tại trường cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa.

Tài liệu tham khảo

[1] Nguyễn Quốc Bình, Nghiên cứu phân loại họ Gừng (Zingiberaceae Lindl.) ở Việt Nam, Hà Nội: Luận án Tiến sĩ Sinh học, 2011.

[2] Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Quyết định số 89/QĐ-BNN-TCLN ngày 1/01/2018 công bố Quy trình sản xuất và cho phép phổ biến gây trồng cây Sa nhân tím tại những nơi có điều kiện sinh thái tương tự nơi khảo nghiệm, 2018.

[3] Tạ M.Q., et al. (2025). Kết quả chọn cây trội Sa nhân tím (*Amomum longiligulare*) tại vùng Đông Bắc Bộ, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp. vjfs.vafs.gov.vn

[4] Trung tâm Nghiên cứu Lâm sản ngoài gỗ Việt Nam và Trung tâm Cây giống cây nguyên liệu Tam Đảo, Quy trình nhân giống, trồng và thu hái Sa nhân tím, 2017.

[5] Lê D., Đào T.M.C., Nguyễn T.H. (2021). Nghiên cứu gây trồng cây Sa nhân tím dưới tán rừng tự nhiên. Tạp chí Khoa học Trường ĐH Vinh. VJOL

[6] Nguyễn T.B.N., et al. (2024). Kết quả nghiên cứu nhân giống Sa nhân tím từ hạt tại Sơn La. Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp. vjfs.vafs.gov.vn



Hình ảnh cây sa nhân tím 12 tháng sau trồng ở một số công thức thí nghiệm.

Các giải pháp đạt giải Hội thi Sáng tạo kỹ thuật:

NGHIÊN CỨU PHÂN TÍCH ĐỒNG THỜI MỘT SỐ HOẠT CHẤT NHÓM NSAIDS TRỘN TRÁI PHÉP TRONG THỰC PHẨM BẢO VỆ SỨC KHỎE, THUỐC BẰNG KỸ THUẬT SẮC KÝ LỎNG

Nhóm tác giả: **Trịnh Lê Anh, Nguyễn Trọng Thủy, Nguyễn Thị Hợp**
Đơn vị công tác: **Trung tâm Kiểm nghiệm Thanh Hóa**

**Giải pháp đạt giải Nhất Hội thi Sáng tạo kỹ thuật Thanh Hóa lần thứ 14 (2024 - 2025)
và giải Ba Hội thi Sáng tạo kỹ thuật toàn quốc lần thứ 18 (2024 - 2025).**

Thuốc gồm có dược chất và các tá dược được bào chế theo các quy trình công nghệ khác nhau. Các phương pháp phân tích thuốc thường quy hiện nay chủ yếu vẫn chỉ tập trung vào kiểm tra dược chất - thành phần chính quyết định hiệu quả điều trị của thuốc. Tá dược, dù không có tác dụng điều trị, nhưng vẫn đóng vai trò rất quan trọng trong việc bảo quản và điều phối quá trình đưa thuốc vào cơ thể, do đó các tá dược vẫn là các thành phần quan trọng giúp bảo quản thuốc, đảm bảo và nâng cao hiệu quả điều trị của dược chất. Như vậy, việc kiểm soát chất lượng thuốc, phát hiện thuốc giả vẫn chủ yếu tập trung vào việc phát hiện các thuốc giả về dược chất, còn thuốc bị làm giả về tá dược, về quy trình công nghệ bào chế thì hầu hết vẫn chưa được quan tâm.

Để nâng cao hiệu quả của công tác kiểm tra, giám sát chất lượng thuốc, cần phải nâng cao số lượng mẫu thuốc được lấy để

tầm soát lên. Muốn vậy, cần phải có những phương pháp mới giúp phân tích nhanh, tiết kiệm chi phí, thuận tiện, đơn giản để có thể ứng dụng rộng rãi cho những quốc gia có điều kiện còn khó khăn, mở rộng cho nhiều lực lượng tham gia cùng phòng, chống thuốc giả, thuốc kém chất lượng.

Trung tâm Kiểm Nghiệm Thanh Hóa đã được trang bị thiết bị phân tích sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC) là thiết bị vừa tách các chất phân tích trong một hỗn hợp vừa xác định nhận diện đồng thời các chất phân tích dựa vào thông số sắc ký như: thời gian lưu, phổ hấp thụ phân tử của chất phân tích; vừa có thể định lượng đồng thời được các chất phân tích.

Các thông số của phương pháp phân tích không có được thiết lập sẵn, người phân tích phải tiến hành nghiên cứu để xác định các điều kiện sắc ký phục vụ cho ý đồ phân tích của mình.

Việc thực hiện giải pháp kỹ thuật "Nghiên cứu phân tích đồng thời một số hoạt chất nhóm NSAIDs trộn trái phép trong thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thuốc bằng kỹ thuật sắc ký lỏng tại Trung tâm Kiểm nghiệm Thanh Hóa" là việc nghiên cứu thiết lập các thông số của phương pháp phân tích đồng thời 9 hoạt chất nhóm Nsaids thường hay được trộn trái phép trong các chế phẩm thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thuốc dược liệu, thuốc y học cổ truyền... đã rút ngắn thời gian phân tích, giảm chi phí mẫu kiểm nghiệm. Đặc biệt, quy trình phân tích thẩm định theo đúng hướng dẫn của Hiệp hội các nhà phân tích Mỹ (AOAC) đủ điều kiện để công nhận ISO/IEC 17025:2017 và xin chỉ định để phục vụ quản lý Nhà nước về an toàn thực phẩm, đã tạo ra công cụ giúp cho việc kiểm soát chất lượng, đấu tranh phòng chống các sản phẩm giả tốt hơn.

Mẫu thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm bổ sung, thuốc từ dược liệu, thuốc cổ truyền sau khi thu thập ở thị trường được bảo quản theo quy định ghi trên nhãn sản phẩm, chuyển đến phòng kiểm nghiệm để phân tích tìm các hoạt chất nhóm Nsaids trộn trái phép.

Nguyên lý của giải pháp: Dựa trên kỹ thuật sắc ký lỏng hiệu năng cao, là một kỹ thuật cho hỗn hợp chất phân tích hấp phụ trên một chất mang (pha tĩnh) sau đó cho pha động (chất lỏng) chuyển động qua. Dựa trên ái lực khác nhau giữa các chất phân tích với pha tĩnh, pha động mà chất phân tích được rửa giải, tách ra khỏi nhau, được phát hiện và định lượng bởi một thiết bị (detector). Quá trình được thực hiện trong một hệ kín, áp suất cao.

Tính mới:

Quy trình kỹ thuật để phân tích đồng thời chín hoạt chất nhóm Nsaids (Aceclofenac, Aspirin, Celecoxib, Diclofenac, Etoricoxib, Ibuprofen, Naproxen, Parac-

etamol, Piroxicam) trong các sản phẩm thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm bổ sung, thuốc dược liệu, thuốc y học cổ truyền (YHCT)... bằng kỹ thuật sắc ký lỏng (HPLC), là một quy trình hoàn toàn mới do nhóm tác giả nghiên cứu xây dựng tại Trung tâm Kiểm Nghiệm Thanh Hóa. Quy trình đã được thẩm định đầy đủ theo hướng dẫn thẩm định quy trình phân tích của Hiệp hội các nhà phân tích chính thống (AOAC) và Cơ quan Quản lý Thực phẩm Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA). Được đánh giá và công nhận ISO/IEC 17025 : 2017; Cục An toàn Thực phẩm - Bộ Y tế chỉ định để kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

Lần đầu tiên tại Thanh Hóa nói riêng và cũng là lần đầu tiên tại Việt Nam nói chung một phương pháp phân tích dựa trên kỹ thuật sắc ký lỏng hiệu năng cao được xây dựng, thẩm định, đưa vào áp dụng, triển khai để kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước về chất lượng thuốc dược liệu, thuốc y học cổ truyền, thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm bổ sung...

Kỹ thuật xử lý mẫu thử đơn giản, nhanh chóng, không sử dụng các dung môi gây ô nhiễm, độc hại với môi trường, cũng như ảnh hưởng xấu đến sức khỏe người phân tích, phù hợp để áp dụng tại các phòng thí nghiệm tại Việt Nam.

Phương pháp đã được thẩm định đầy đủ theo hướng dẫn cho thấy: độ đặc hiệu cao; ổn định trong các điều kiện thông thường của phòng thí nghiệm; nồng độ các chất phân tích và tín hiệu phân tích tuyến tính trong một khoảng rộng; giới hạn phát hiện (LOD), giới hạn định lượng (LOQ) thấp phù hợp với các quy định để phát hiện và định lượng các chất cấm theo quy định của Việt Nam và trên thế giới; độ chính xác đảm bảo theo các yêu cầu của một phương

pháp phân tích định tính, định lượng. Thời gian phân tích mẫu ngắn, chi phí để phân tích một mẫu thấp, đáp ứng yêu cầu cho công tác quản lý Nhà nước về thuốc và thực phẩm; dễ dàng triển khai phân tích sàng lọc mẫu hàng loạt phục vụ cho các đợt kiểm tra, thanh tra, góp phần bảo vệ quyền lợi, sức khỏe người tiêu dùng.

Khả năng áp dụng:

Giải pháp kỹ thuật đã được triển khai áp dụng thành công tại Trung tâm Kiểm Nghiệm Thanh Hóa. Với phương pháp thử được nghiên cứu, xây dựng, thẩm định đầy đủ theo hướng dẫn của Hiệp hội các nhà hóa phân tích chính thống (AOAC), được đánh giá phù hợp theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 có thể chuyển giao để triển khai, áp dụng rộng rãi tại các phòng thí nghiệm tương tự (các trung tâm kiểm nghiệm tuyến tỉnh tại Việt Nam, các Viện Kiểm Nghiệm) phục vụ quản lý Nhà nước về chất lượng an toàn thực phẩm.

Đã chuyển giao kỹ thuật quy trình phân tích các hoạt chất nhóm Nsaids (Aceclofenac, Aspirin, Celecoxib, Diclofenac, Etoricoxib, Ibuprofen, Naproxen, Paracetamol, Piroxicam) trong thuốc dược liệu, thuốc YHCT, thực phẩm bảo vệ sức khỏe bằng kỹ thuật HPLC cho các đơn vị kiểm nghiệm tỉnh bạn như: Nghệ An, Ninh Bình, Hà Nam, Quảng Bình, Sơn La, Huế...

Hiệu quả kinh tế - kỹ thuật - xã hội:

Giải pháp sáng tạo kỹ thuật đã giải quyết được vấn đề phân tích cùng một lúc đồng thời 9 hoạt chất nhóm Nsaids trộn trái phép trong thuốc dược liệu, thuốc y học cổ truyền, thực phẩm bảo vệ sức khỏe, tiết kiệm thời gian phân tích, sàng lọc mẫu một cách nhanh chóng. Trước khi áp dụng giải pháp kỹ thuật nếu muốn phân tích 9 thành phần hoạt chất nhóm Nsaids trong một mẫu thử nghiệm phải thực hiện 9 lần (phân tích

từng chất một) với chi phí tiền dung môi, chất chuẩn khoảng 10.350.000 đồng/mẫu, thời gian phân tích 4,5 ngày mới hoàn thành công việc; khi áp dụng giải pháp khoa học kỹ thuật chi phí dung môi, hóa chất giảm xuống còn 1.200.000 đồng/mẫu, thời gian rút xuống còn 0,5 ngày như vậy chi phí về dung môi, chất chuẩn, vật tư tiêu hao giảm 9.150.000 đồng/mẫu. Theo tính toán khi thực hiện phân tích hàng loạt mẫu chi phí phân tích có thể giảm xuống đến 1.000.000 đồng/mẫu, tiết kiệm 9.350.000 đồng/mẫu đáp ứng yêu cầu để phục vụ quản lý nhà nước về thời gian trả lời kết quả và chi phí phân tích, đặc biệt trong các đợt thanh kiểm tra theo chuyên đề an toàn thực phẩm.

Giải pháp sáng tạo kỹ thuật sử dụng các dung môi ít độc hại với môi trường và sức khỏe người phân tích. Các vật tư tiêu hao thông thường trong phòng thí nghiệm (cột sắc ký, pha động...). Kỹ thuật thực hành đơn giản, chính xác. Giải pháp sáng tạo kỹ thuật đã tạo ra công cụ để phân tích xác định 9 hoạt chất nhóm Nsaids bị trộn trái phép vào các sản phẩm từ dược liệu (thuốc, thực phẩm) để nguy tạo công dụng sản phẩm, góp phần đấu tranh phòng chống thuốc, thực phẩm bảo vệ sức khỏe giả.

Giải pháp kỹ thuật phân tích đồng thời 9 hoạt chất nhóm Nsaids trong thuốc dược liệu, thuốc YHCT, thực phẩm bảo vệ sức khỏe bằng kỹ thuật HPLC tại Trung tâm Kiểm Nghiệm Thanh Hóa là công cụ để kiểm nghiệm, khẳng định, xử lý các mặt hàng, nhãn hàng, cơ sở sản xuất, kinh doanh vi phạm tạo hiệu lực, hiệu quả cho công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực chất lượng. Trong năm 2025, đã áp dụng hiệu quả giải pháp kỹ thuật góp phần giúp Công an tỉnh Thanh Hóa triệt phá đường dây sản xuất, buôn bán thuốc giả rất lớn tồn tại nhiều năm nay, có cơ sở trên khắp cả nước.

LẬP HỒ SƠ QUY HOẠCH THEO HỆ THÔNG TIN ĐỊA LÝ (GIS)

Nhóm tác giả: Nguyễn Hữu Huy, Nguyễn Văn Tùng, Lê Thị Nga
Đơn vị công tác: Viện Quy hoạch - Kiến trúc Thanh Hoá

Giải pháp đạt giải Nhì Hội thi Sáng tạo kỹ thuật Thanh Hóa lần thứ 14 (2024 - 2025).

Tại Thanh Hóa, việc lập hồ sơ quy hoạch theo hệ thống tin địa lý (GIS) hiện chưa có đơn vị thực hiện. Viện Quy hoạch - Kiến trúc Thanh Hoá là đơn vị đầu tiên nghiên cứu và triển khai thực hiện, đảm bảo tuân theo quy định tại Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị và các văn bản quy định kỹ thuật khác về hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu.

Mục đích của giải pháp là nghiên cứu triển khai thực hiện Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị. Để từ đó hình thành thêm nhánh thành phần công việc trong hoạt động tư vấn lập quy hoạch, tạo giá trị gia tăng về sản lượng thực hiện, tạo thêm việc làm cũng như nâng cao thu nhập cho người lao động. Sản phẩm của giải pháp là bộ Cơ sở dữ liệu quy hoạch sẽ đóng vai trò là dữ liệu nền tảng để phục vụ cho các ngành, lĩnh vực khác thông qua việc chia sẻ khi các hệ thống thông tin được liên kết, tích hợp với nhau qua môi trường mạng.

Nguyên lý của giải pháp: Nghiên cứu xây dựng khung cơ sở dữ liệu hồ sơ quy hoạch để thực hiện chuyển đổi hồ sơ quy hoạch từ dạng bản giấy và dữ liệu số gốc sang dữ liệu và bản đồ địa lý GIS, từ đó cho phép công khai thông tin và chia sẻ dữ liệu trên môi trường mạng.

Nội dung của giải pháp:

- Nghiên cứu, phân tích, xác định rõ khái niệm về lập hồ sơ quy hoạch theo hệ thống tin địa lý (GIS).
- Nghiên cứu xây dựng quy định kỹ thuật cơ bản đối với cơ sở dữ liệu địa lý quy hoạch.
- Nghiên cứu xây dựng nội dung dữ liệu của cơ sở dữ liệu hồ sơ quy hoạch.
- Nghiên cứu xây dựng được quy trình lập hồ sơ quy hoạch theo hệ thống tin địa lý.

Trong quá trình thực hiện từ khi nghiên cứu đến nay, nhóm tác giả luôn tiếp thu các ý kiến chuyên gia và nghiên cứu cập nhật các quy định từ văn bản pháp luật mới ban hành có liên quan để cập nhật, hoàn thiện giải pháp.

Kết quả của giải pháp: Thực hiện được yêu cầu “Lập hồ sơ quy hoạch theo hệ thống thông tin địa lý (GIS)” thông qua việc xác định được thành phần của cơ sở dữ liệu hồ sơ quy hoạch và xây dựng bộ mẫu khung dữ liệu địa lý quy hoạch.

Tính mới:

Đây là giải pháp thực hiện lần đầu tiên tại tỉnh Thanh Hóa. Để hiểu và thực hiện được việc lập hồ sơ quy hoạch theo hệ thống tin địa lý, nhóm tác giả đã vận dụng, nghiên cứu các thông tư, quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định kỹ thuật và mô hình cấu trúc, nội dung cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia và các thông tư của Bộ Xây dựng quy định về nội dung hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù.

Khả năng áp dụng:

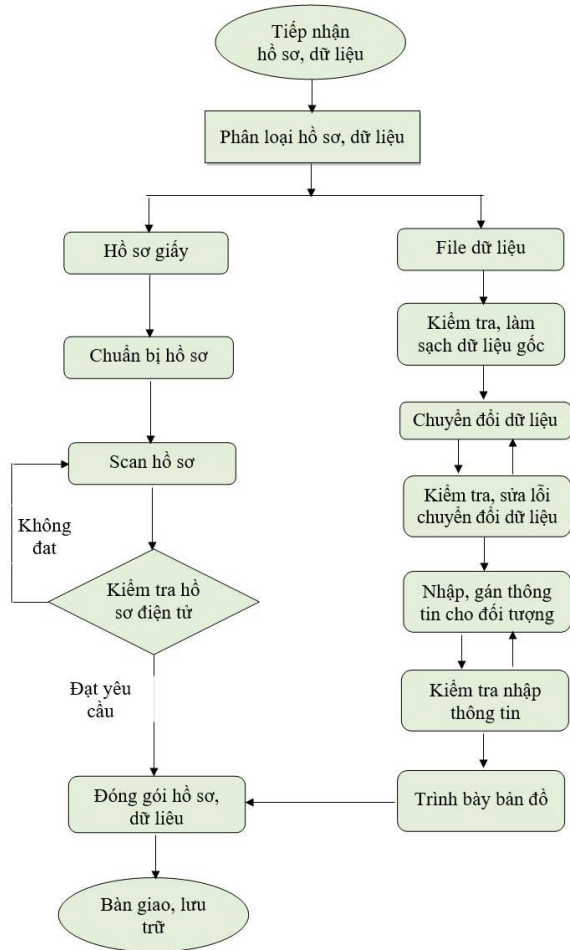
Giải pháp này có thể triển khai cho các cán bộ kỹ thuật, kiến trúc sư, kỹ sư đang hoạt động trong lĩnh vực quy hoạch xây dựng ở tỉnh Thanh Hóa thông qua các buổi hướng dẫn cơ bản về phần mềm GIS. Giải pháp có tính ứng dụng cao, có thể áp dụng đơn chiếc đối với các kỹ sư, kiến trúc sư hoạt động độc lập, hoặc có thể áp dụng trong các đơn vị tư vấn thiết kế lập quy hoạch để làm tăng hiệu quả công việc cũng như gia tăng thêm nhánh công việc, tạo thêm việc làm cho người lao động.

Hiện nay, Viện Quy hoạch - Kiến trúc Thanh Hóa đã chủ động ứng dụng GIS trong quy trình thực hiện lập quy hoạch. Với sự hỗ trợ của GIS và cơ sở dữ liệu đã góp phần làm tăng năng suất lao động, sản phẩm được nâng cao về chất lượng, sản phẩm bản đồ được trình bày đẹp, rõ và trực quan.

Hiệu quả kinh tế - kỹ thuật - xã hội:

Việc lập hồ sơ quy hoạch theo hệ thống tin địa lý (GIS) giúp hỗ trợ quản lý được số liệu chính xác, cho phép kiểm tra được các số liệu đã thống kê trong quá trình lập quy hoạch. Kiểm tra được sự chồng chéo giữa các đối tượng quy hoạch.

Trong công tác lập quy hoạch, khi ứng dụng GIS sẽ giúp hỗ trợ ra quyết định chính xác dựa trên các kết quả phân tích, đánh giá từ cơ sở dữ liệu. Với giá trị gia tăng thêm 10% chi phí lập đồ án quy hoạch khi lập hồ



Sơ đồ quy trình thực hiện lập hồ sơ quy hoạch theo hệ thống tin địa lý

sơ quy hoạch theo hệ thống tin địa lý (GIS) đã làm gia tăng thêm giá trị hợp đồng. Bên cạnh đó, việc sử dụng phần mềm GIS trong lập quy hoạch sẽ giúp tạo hiệu quả và tăng năng suất lao động, giảm thời gian và nhân công thực hiện, từ đó nâng cao thu nhập cho người lao động.

Sản phẩm của việc lập hồ sơ quy hoạch theo hệ thống tin địa lý (GIS) được công khai trên hệ thống thông tin, giúp cho việc công khai thông tin quy hoạch một cách nhanh chóng, minh bạch. Người dân có thể tra xuất thông tin mọi lúc, mọi nơi thông qua các thiết bị có kết nối Internet. CSDL địa lý quy hoạch là dữ liệu mở nên cho phép tích hợp vào các hệ thống thông tin, làm dữ liệu nền tảng cho các cơ sở dữ liệu khác.

Phát huy truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc có từ thời đại Hùng Vương

Nguyễn Văn Toàn

Khi giặc Ân đến xâm lược, Nhà nước Văn Lang đứng đầu là Hùng Vương thứ sáu đã cho sứ giả đến từng làng để truyền đạt lời hiệu triệu toàn dân đánh giặc. Hình ảnh Thánh Gióng từ một cậu bé bỗng vụt lớn như thổi nhờ cơm áo của dân làng đóng góp rồi háo hức lên đường ra trận chính là hình tượng toàn dân ta đoàn kết đánh giặc theo lời hiệu triệu của non sông đất nước.

Sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc

Ngày nay, Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương, đỉnh cao của việc thờ cúng tổ tiên của người Việt, được công nhận là di sản văn hóa tâm linh tiêu biểu của nhân loại vào năm 2012. Trước đó, Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ghi danh vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia (đợt 1). Đến nay, trên địa bàn tỉnh Phú Thọ có 326 di tích thờ Hùng Vương và các nhân vật liên quan đến thời đại Hùng Vương. Có thể nói, Tín ngưỡng thờ cúng các Vua Hùng được phủ rộng với mật độ dày đặc ở tất cả các làng xã, song Đền Hùng là trung tâm thực hành tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương lớn nhất và lâu đời nhất trong tiến trình phát triển lịch sử của dân tộc Việt Nam. Di sản tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương không chỉ riêng ở tỉnh Phú Thọ mà trải khắp đất nước Việt Nam với 1.417

di tích thờ cúng trong cả nước. Ngoài ra, nhiều người Việt Nam ở nước ngoài xác định “con cháu ở đâu thì tổ tiên ông bà ở đó” nên cũng thờ cúng Hùng Vương.

Trong tác phẩm “Lịch sử nước ta” (1943), Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: “Kể năm hơn bốn ngàn năm/ Tổ tiên rực rỡ, anh em thuận hoà/ Hồng Bàng là tổ nước ta/ Nước ta lúc ấy gọi là Văn Lang”. Người kêu gọi toàn dân tham gia Mặt trận Việt Minh do Đảng ta sáng lập và lãnh đạo để khôi phục độc lập dân tộc và xây dựng cuộc đời tự do, hạnh phúc: “Hỡi ai con cháu Rồng Tiên/ Mau mau đoàn kết vững bền cùng nhau”.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công đã chứng minh sự đúng đắn của chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng. Ngày 2/9/1945, thay mặt Chính phủ cách mạng lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam) trước đồng bào cả nước và bạn bè quốc tế.

Ngay sau khi nước nhà giành lại được độc lập, vào dịp Giỗ Tổ Hùng Vương năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đứng làm chủ lễ tại Thủ đô Hà Nội và một đoàn đại diện Nhà nước do Bộ trưởng Nội vụ Huỳnh Thúc Kháng dẫn đầu đã lên Đền Thượng ở Phú Thọ dâng lễ.

Trong cuộc gặp các cán bộ và chiến sĩ Đại đoàn 308 (Đại đoàn Quân Tiên Phong)

tại Đền Giếng (thuộc Khu Di tích lịch sử Đền Hùng - Phú Thọ) vào ngày 19/9/1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn: “Các Vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”.

Tại lễ mừng Quốc khánh vào ngày 2/9/1955, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Đoàn kết là một lực lượng vô địch. Lực lượng đoàn kết đã giúp Cách mạng Tháng Tám thành công. Lực lượng đoàn kết đã giúp kháng chiến thắng lợi. Lực lượng đoàn kết sẽ động viên nhân dân từ Bắc đến Nam đấu tranh thực hiện hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ trong cả nước” .

Ngày 25/4/1961, kết thúc bài phát biểu tại Đại hội Đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần thứ II, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhắc lại câu khẩu hiệu mà lần đầu đã phát biểu cách đó 10 năm (1951) tại Đại hội hợp nhất Mặt trận Việt Minh-Liên Việt: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; Thành công, thành công, đại thành công” .

Thấm nhuần lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng, Nhà nước, Mặt trận dân tộc thống nhất đã phát huy vai trò quy tụ sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, giúp nhân dân ta giành được những thắng lợi vĩ đại trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954); cuộc kháng chiến chống chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975), hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước.

Phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc

Ngày nay, sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc được Đảng, Nhà nước, Mặt trận dân tộc thống nhất đề cao và phát huy trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Ngày 24/11/2023, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành Nghị quyết số 43-NQ/TW Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết

toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc (Nghị quyết 43). Nghị quyết 43 khẳng định đại đoàn kết toàn dân tộc là truyền thống quý báu và là đường lối, chiến lược, xuyên suốt của Đảng, đây là nguồn sức mạnh to lớn và nhân tố có ý nghĩa quyết định thắng lợi.

Sau 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới và 35 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, vào mùa xuân năm 2026, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng đã mở đầu cho kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam. Trong Diễn văn bế mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Tổng Bí thư Tô Lâm nhấn mạnh: “Thành công rất tốt đẹp của Đại hội XIV thể hiện niềm tin, ý chí, quyết tâm và tầm nhìn phát triển mới của đất nước ta. Với sự đoàn kết và khí thế quyết tâm của Đại hội; với những quyết sách lớn đã được thông qua; với sự thống nhất ý chí và hành động của toàn Đảng; với sức mạnh của Nhân dân và khối đại đoàn kết toàn dân tộc, chúng ta nhất định sẽ thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIV, xây dựng nước Việt Nam hoà bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội”.

Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử và toàn diện của đất nước đã khẳng định việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng đã trở thành đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, là động lực và nguồn lực to lớn để xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc.

Tài liệu tham khảo:

Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 10, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.

NGÀY QUỐC TẾ LAO ĐỘNG 1/5 TRONG CUỘC ĐẤU TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC Ở NƯỚC TA

NNC. Nguyễn Ngọc Khiếu

Hội Khoa học Lịch sử Thanh Hóa

Ngày Quốc tế Lao động 1/5 được bắt nguồn từ thành phố công nghiệp lớn Chicago, Mỹ. Ngày 1/5/1886, do yêu cầu của công nhân không được đáp ứng một cách đầy đủ, công nhân trên toàn nước Mỹ đã tham gia bãi công nhằm gây áp lực buộc giới chủ thực hiện yêu sách của mình. Đầu tiên là cuộc bãi công tại thành phố Chicago. Khoảng 40 nghìn người không đến nhà máy. Họ tổ chức mít-tinh, biểu tình trên thành phố với biểu ngữ: “Từ hôm nay không người thợ nào làm việc quá 8 giờ một ngày! Phải thực hiện 8 giờ làm việc, 8 giờ nghỉ ngơi, 8 giờ vui chơi!”. Cuộc đấu tranh lôi cuốn ngày càng đông người tham gia.

Ngày 20/6/1889, Đại hội lần thứ nhất của Quốc tế Cộng sản II đã quyết định lấy ngày 1/5 hằng năm làm ngày biểu dương lực lượng và đấu tranh chung của tầng lớp vô sản. Vào ngày 1/5/1890, lần đầu tiên, ngày Quốc tế Lao động 1/5 được tổ chức trên quy mô thế giới.

Loài hoa biểu tượng của ngày này là hoa Linh lan. Ngày 1/5/1891, một cuộc biểu tình của công nhân xảy ra ở miền Bắc nước Pháp, 10 người bị bắn chết, trong đó có Marie Blindeau, mang trên mình bộ quần áo trắng tinh khiết. Để tưởng nhớ, người Pháp lấy hoa Linh lan, loài hoa nhỏ màu trắng, thơm dịu, nở vào ngày đầu tiên của tháng 5 làm biểu tượng của ngày này.

Sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918), phong trào công nhân ở các nước tư bản phối hợp với cuộc vận động giải phóng ở các xứ thuộc địa, ngày 1/5 cũng vượt ra khỏi phạm vi đấu tranh của người lao động, mà trở nên ngày hội chung của công nhân và các dân tộc nhược tiểu toàn thế giới.

Năm 1920, theo sự phê chuẩn của Lenin, Liên Xô (cũ) là nước đầu tiên cho phép người dân được nghỉ làm việc vào Ngày Quốc tế Lao động 1/5.

Tại Việt Nam, kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động 1/5 gắn liền với cả một quá trình đấu tranh cách mạng ở trong nước cũng như ở ngoài nước. Tháng 6/1925, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên được thành lập. Từ năm 1926, giai cấp công nhân Việt Nam dần dần trưởng thành, ảnh hưởng của ngày 1/5 cũng bắt đầu đến với giai cấp tiên tiến nhất trong xã hội. Những tài liệu lịch sử 1/5 cùng với những tài liệu về công xã Paris, về Cách mạng Tháng Mười và Chủ nghĩa Cộng sản... được truyền bá vào nước ta ngày càng nhiều.

Giai cấp công nhân Việt Nam ngày càng lớn mạnh, bước lên trường đấu tranh cách mạng từ năm 1928 - 1929, đã nhận thấy mình có cả một giai cấp anh em toàn thế giới đang lớn mạnh, có cả một lịch sử đấu tranh giai cấp oanh liệt, mà ngày 1/5 là



Chủ tịch Hồ Chí Minh dự Lễ kỷ niệm Ngày Quốc tế Lao động 1/5/1955 (Ảnh tư liệu).

một biểu hiện cụ thể. Hội nghị đại biểu toàn quốc của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã chọn ngày 1/5/1929 khai hội ở Hương Cảng.

Ngày 3/2/1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, đã thông qua Cương lĩnh chính trị đầu tiên, trong đó khẳng định “chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”. Đường lối cách mạng đúng đắn của Đảng đáp ứng nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân, vai trò và sức ảnh hưởng của Đảng ngày càng lan rộng trong quần chúng. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, phong trào đấu tranh ở cả ba miền Bắc – Trung – Nam ngày càng phát triển. Cùng với phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân trong các hầm mỏ, nhà máy, xí nghiệp, nhiều cuộc đấu tranh của giai cấp công nông dân cũng diễn ra ở nhiều nơi với các hình thức như đòi chia ruộng đất công của làng xã, đòi lại các khoản bị hào lý tham nhũng... và rầm rộ nhất là vào ngày Quốc tế Lao động 1/5.

Ở Nghệ An, công nhân và nông dân thành phố Vinh biểu tình lớn. Cùng với đó, nông dân các làng Yên Dũng, Lộc Đa, Đức

Thịnh, Tân Hợp... cũng biểu tình kéo vào thành phố phối hợp với công nhân các nhà máy đấu tranh đòi tăng lương, giảm giờ làm, giảm thuế, phản đối chính sách khủng bố của chính quyền thuộc địa. Ở Hà Tĩnh, trong ngày 1/5, cờ đỏ được treo trước Tòa sứ thị xã Hà Tĩnh, trên nóc nhà thờ huyện Nghi Xuân, nhiều truyền đơn của Đảng xuất hiện ở huyện Đức Thọ, Can Lộc, Cẩm Xuyên, và nhiều cuộc mít tinh được tổ chức ở Can Lộc, Thạch Hà.

Tiếng vang của những sự kiện chính trị diễn ra ở Nghệ An và Hà Tĩnh ngày 1/5 không chỉ khẳng định thắng lợi của giai cấp công nhân và nông dân hai tỉnh trong tiến trình đấu tranh cách mạng để giành độc lập, tự do, mà còn cho thấy: “Đứng về cả nước mà xét, ngày 1/5/1930 có ý nghĩa rất quan trọng vì đây là lần đầu tiên vô sản Đông Dương xông pha lửa đạn để biểu dương tinh thần đoàn kết cách mạng quốc tế của mình”. Có thể nói, sự kiện kỷ niệm Ngày Quốc tế Lao động 1/5/1930 là mở đầu cho cao trào cách mạng 1930 - 1931, mà đỉnh cao là sự ra đời của các Xô viết ở Nghệ An và Hà Tĩnh sau đó, và đây cũng

là lần đầu tiên công nhân và nông dân sát cánh bên nhau trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù.

Sau ngày 1/5, phong trào đấu tranh lan rộng và phát triển mạnh trên cả nước, nhất là ở Trung Kỳ và Nam Kỳ (từ tháng 6 đến cuối năm 1930). Làn sóng đấu tranh cách mạng của quần chúng đã buộc chính quyền thuộc địa phải thi hành một số chính sách đối với người lao động như trả tự do cho một số người bị bắt trong các cuộc biểu tình, cải thiện điều kiện làm việc cho công nhân, hoãn thuế cho nông dân... Vì thế, để duy trì và đẩy mạnh phong trào đấu tranh cách mạng ở cả ba miền, nhất là ở Nghệ An, Hà Tĩnh, Đảng kêu gọi công nhân, nông dân và các tầng lớp khác không lơ là, cảnh giác trước một số nhượng bộ của kẻ thù mà phải tiếp tục đoàn kết để đấu tranh và kiên trì ủng hộ giai cấp công nông Nghệ - Tĩnh.

Từ đó, ngày 1/5 đã được ghi vào "lịch công tác" hàng năm của các tổ chức cách mạng Đông Dương. Đến ngày 1/5, hay trước và sau ngày đó, những truyền đơn, cờ đỏ vẽ hình búa liềm xuất hiện ở các xí nghiệp, đồn điền, đường phố... cùng với những sách báo bí mật in bằng thạch nói về lịch sử ngày 1/5. Đặc biệt, tại các nhà tù tập trung chính trị, mặc dù hoàn cảnh khó khăn, kỷ niệm 1/5 vẫn được biểu hiện một cách tài tình trước mắt quân thù, hòa hợp với những cuộc đấu tranh rầm rộ ngoài đường phố. Hàng năm, đến ngày 1/5, hay trước và sau ngày ấy, bọn thống trị Pháp và phong kiến Nam triều huy động mật thám, cảnh sát để khám nhà, bắt người, và đề phòng những cuộc đình công, biểu tình có thể nổ ra. Nếu ngày 1/5 đã trở thành ngày nhắc lại truyền thống anh dũng và biểu dương lực lượng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, thì cũng là ngày mà bọn thống trị nơm nớp lo sợ và tự ghi thêm một tội ác trong việc đàn áp dã man.

Tinh thần đấu tranh của ngày 1/5 ngày càng phát triển và củng cố cùng với lực lượng ngày càng lớn mạnh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Cho đến ngày 1/5/1938, trong phong trào Mặt trận Bình dân đang sôi nổi, công nhân và nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương đã công nhiên kỷ niệm ngày 1/5 với cuộc mít-tinh của hai vạn rưỡi người tại trường Đấu xảo Hà Nội với sự tham gia của 25 ngành, giới: thợ hỏa xa, thợ in, nông dân, phụ nữ, người cao tuổi, nhà văn, nhà báo... và năm nghìn người tại rạp hát Thành Xương (Sài Gòn) với những khẩu hiệu chống phát xít, chống chiến tranh, chống phản động thuộc địa, đòi tự do dân chủ và tự do lập nghiệp đoàn. Cuộc biểu tình diễn ra ở khu Đấu xảo Hà Nội là cuộc mít-tinh lớn nhất trong thời kỳ vận động dân chủ (1936 - 1939), một cuộc biểu dương sức mạnh đoàn kết của nhân dân lao động do Đảng lãnh đạo. Nó đánh dấu một bước trưởng thành vượt bậc về nghệ thuật tổ chức và lãnh đạo của Đảng ta.

Cuộc Đại chiến thế giới thứ hai bùng nổ, cách mạng Việt Nam chuyển sang một giai đoạn mới. Hàng năm, ngày 1/5, trên những số báo đặc biệt của Cờ Giải phóng, cơ quan của Đảng lãnh đạo, và Cứu Quốc, cơ quan của Mặt trận Dân tộc Thống nhất, vẫn nổi bật lên những khẩu hiệu đấu tranh của từng giai đoạn nhất định: đánh Pháp đuổi Nhật; ủng hộ Liên Xô; chống phát xít; chuẩn bị tổng khởi nghĩa...

Ngay sau Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 22c.NV.CC vào ngày 18/2/1946, coi ngày 1/5 là một trong những ngày lễ chính thức của quốc gia. Sắc lệnh số 56 của Chủ tịch Hồ Chí Minh được ký vào ngày 29/4/1946 quy định công nhân được hưởng lương ngày nghỉ lễ Quốc tế Lao động 1/5.

Ngày 1/5/1946, lần đầu tiên người dân Việt Nam kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động trong hòa bình và tự do. Hai trăm nghìn người đã tham gia mít-tinh tại Hà Nội, lắng nghe Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc lời kêu gọi, nhấn mạnh ý nghĩa đoàn kết và xây dựng đất nước: “Cùng đồng bào toàn quốc! Cùng anh chị em lao động! Ngày 1/5 là một ngày Tết chung cho lao động cả các nước trên thế giới. Đó là một ý nghĩa đoàn kết rất sâu xa. Ở nước ta lần này là lần đầu mà đồng bào ta, anh chị em lao động ta, được tự do đón tiếp ngày 1/5. Vậy nên nó có ý nghĩa đặc biệt sâu xa hơn nữa. Đối với chúng ta nó là một ngày để tỏ cho thế giới biết rằng, ngày này chẳng những là ngày Tết lao động, mà nó còn là ngày toàn dân đoàn kết. Đoàn kết để giữ vững tự do dân chủ. Đoàn kết để kiến thiết nước nhà. Đoàn kết để xây dựng một đời sống mới.”

Sau năm 1975, kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động 1/5 ngày càng có ý nghĩa đặc biệt khi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động 1/5 gắn với ngày kỷ niệm chiến thắng lịch sử 30/4/1975, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Kỷ niệm 140 năm ngày Quốc tế Lao động 1/5 (1886 - 2026) trong bối cảnh Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ XIV và cuộc bầu cử Quốc hội khóa XVI và Hội đồng Nhân dân các cấp vừa thành công tốt đẹp, là dịp tôn vinh giá trị lao động và sức mạnh của giai cấp công nhân trong tiến trình phát triển của nhân loại nói chung, Việt Nam nói riêng. Đây cũng là dịp để giai cấp công nhân và nhân dân lao động cả nước ôn lại truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa./.



Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm Xưởng Cơ khí Khu Công nghiệp liên hợp gang thép Thái Nguyên ngày 1/1/1964. (Ảnh tư liệu).

Những nét văn hóa truyền thống của người Mường Thanh Hóa với việc bảo tồn và phát huy trong thời kỳ phát triển của đất nước

Phạm Văn Độ

Phó Chủ tịch

Hội Dân tộc học và Nhân học Thanh Hóa

Người Mường Thanh Hóa là một trong 7 dân tộc chủ yếu của tỉnh Thanh Hóa. Người Mường cư trú ở tất cả các xã, phường trong tỉnh, nhưng sinh sống tập trung thành cộng đồng chủ yếu ở các xã miền núi. Dân số hiện nay gần 400.000 người, chiếm 56% dân tộc thiểu số và chiếm 10,6% dân số cả tỉnh, đứng thứ hai sau dân tộc Kinh. Người Mường Thanh Hóa cùng với người Mường tỉnh Phú Thọ là trung tâm người Mường Việt Nam. Địa bàn cư trú của người Mường có vị trí rất quan trọng về kinh tế - xã hội, tài nguyên và môi trường của tỉnh Thanh Hóa.

Theo sử thi “Đẻ đất, đẻ nước”, người Mường Thanh Hóa đã có từ thời khai thiên lập địa và đã có đất Mường. Do có bề dày lịch sử sống quần tụ với số đông và được thiên nhiên ưu đãi, người Mường có nền văn hóa đồ sộ, đặc sắc, thể hiện qua tiếng nói, văn hóa dân gian: truyện cổ, hát múa, nhạc, lễ hội; các phong tục, tập quán và tín ngưỡng... Tất cả đều góp phần xây dựng và phát triển nền văn hóa của tỉnh Thanh Hóa cũng như nền văn hóa Việt Nam đậm đà bản sắc dân tộc.

Với sự quan tâm sâu sắc của Đảng và Nhà nước, UBND tỉnh Thanh Hóa đã ban

hành Quyết định số 4795/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 phê chuẩn Đề án “Bảo tồn, phát huy và phát triển tiếng nói, chữ viết, trang phục, nghề truyền thống của các dân tộc thiểu số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030”. Đồng thời, UBND tỉnh đã có Kế hoạch số 64/KH ngày 20/3/2023 về triển khai Đề án “Bảo tồn, phát huy và phát triển tiếng nói, chữ viết, trang phục, nghề truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2023 - 2025”. Trong đó, giao cho Hội Dân tộc học và Nhân học tỉnh Thanh Hóa nghiên cứu, sưu tầm và xây dựng “Bộ chữ dân tộc Mường tỉnh Thanh Hóa”. Đây là sự quan tâm lớn của tỉnh, bởi việc xây dựng “Bộ chữ dân tộc Mường Thanh Hóa” là công cụ cơ bản để bảo tồn, phát huy và phát triển những nét văn hóa đặc sắc của người Mường, đặc biệt là tiếng nói.

Chữ viết có vai trò quyết định trong việc ghi lại, lưu giữ cho các thế hệ con cháu người Mường về sử thi Đẻ đất, đẻ nước, truyện tình Nàng Nga - Đạo Hai Mối, mà trước đây được dịch, viết bằng chữ Quốc ngữ. Người Mường truyền dạy cho con cháu đời sau về dân ca, tục ngữ, các bài Xường, Đang (ca ngợi tình yêu



Cô gái M'ông biểu diễn tiết mục cồng chiêng của đồng bào dân tộc M'ông (Ảnh sưu tầm).

đôi lúa, tình M'ông), các điệu múa Pôn Pông (múa tập thể với đạo cụ là cây bông để tạ ơn các thần linh đã cho người M'ông mùa màng bội thu, bản làng yên bình, mọi người khỏe mạnh), Sác bùa (phường bùa, thực hiện từ 7 người trở lên tùy khả năng từng cộng đồng làng, trong các dịp lễ, tết, mừng nhà mới để cầu may và chúc gia chủ mạnh khỏe, làm ăn phát đạt), trò chơi đánh Mảng (trò chơi tập thể từ 5-7 người, chủ yếu người từ 15-50 tuổi) và trò chơi ném còn vào dịp tết, lễ, mang tính cộng đồng cao.

Nghề dệt thổ cẩm của người M'ông trước đây cũng rất phát triển, với nhiều hoa văn tinh tế thể hiện thiên nhiên, muông thú. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển nhịp sống hiện đại, hiện còn rất ít các phường dệt tồn tại; chỉ còn một số

người lớn tuổi giữ lại nghề dệt thổ cẩm và thêu thùa.

Bên cạnh đó, người M'ông cũng có những món ẩm thực rất đặc sắc, được trao truyền qua các nghệ nhân. Do đó, tên gọi và hương vị một số món ăn ở các nơi đã biến đổi khá nhiều. Ví dụ như: món Canh đắng (nguyên liệu bằng lòng trâu, bò kết hợp với vị đắng của cây lá đắng rất đặc trưng), món Cá đồ (nguyên liệu bằng cá và lá đu đủ), món gà nướng bản địa, món cơm lam (cơm lam nấu bằng gạo nếp lam trong ống cây nứa hoặc cây dong bánh tẻ, có mùi thơm và dẻo).

Những nét văn hóa đặc trưng nêu trên của người M'ông xưa chưa được ghi chép hay mô tả lại bằng chữ (viết bằng chữ M'ông Thanh Hóa). Hiện nay, các loại hình văn hóa này đã bị mai một rất nhiều,

KHOA HỌC THANH HÓA

lớp trẻ người Mường gần như không còn biết đến.

Theo chúng tôi, việc bảo tồn, phát huy và phát triển văn hóa của dân tộc Mường cũng như các dân tộc thiểu số khác trong tỉnh như Thái, Mông, Dao, Khơ mú, Thổ rất cần được sự quan tâm mạnh mẽ của Đảng, Nhà nước các cấp và các tổ chức có liên quan. Trong chương trình hoạt động của mình, Hội Dân tộc học và Nhân học tỉnh Thanh Hóa luôn tích cực vận động các nghệ nhân cơ sở, tập hợp các thành viên thành lập các chi hội cơ sở và câu lạc bộ bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số. Loại hình tổ chức này hoạt động rất hiệu quả, là nơi quy tụ các nhà nghiên cứu, nghệ nhân và những người hiểu biết, yêu văn hóa của dân tộc mình để tham gia nghiên cứu, sưu tầm, tổ chức diễn xướng và thu hút đông đảo người tham gia. Điều này khơi dậy niềm tự hào dân tộc, giúp

đồng bào rất tự tin và phấn khởi khi được Đảng và Nhà nước quan tâm chăm lo đời sống tinh thần và vật chất.

Trong giai đoạn phát triển hiện nay, du lịch là một lĩnh vực có nhiều tiềm năng để phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời gắn kết hiệu quả việc bảo tồn, phát huy và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số. Vì vậy, các điểm du lịch sinh thái, tham quan nghỉ dưỡng cần được kết nối với việc giới thiệu những nét văn hóa truyền thống đặc sắc của các dân tộc thiểu số trong tỉnh. Về lĩnh vực này, cần có sự quan tâm, chỉ đạo của chính quyền địa phương và sự hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn một cách thực sự hiệu quả. Chỉ có như vậy, du lịch địa phương mới phát triển, từ đó tạo hiệu ứng tích cực cho việc bảo tồn, phát huy và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số trong tỉnh./.



Pồn Pông - loại hình văn hóa truyền thống độc đáo của dân tộc Mường (Ảnh sưu tầm).

Nét đẹp truyền thống của người phụ nữ Việt Nam

Sông Côn

Phụ nữ thời xưa thường ít có điều kiện làm đẹp như bây giờ, tuy vậy theo cha ông ta xưa kia, những tiêu chuẩn để đánh giá một người phụ nữ đẹp cũng khác rất xa ngày nay. Điều rất lạ là ngày xưa tiêu chuẩn một phụ nữ xinh đẹp không chỉ là người có lớp da mịn màng, trắng trẻo mà còn phải có nụ cười với hàm răng đen bóng và nhiều nét hay khác...

“Trắng da vì bởi phấn nhôi.

Đen da vì bởi em ngồi chợ trưa”;

Hoặc:

*“Lấy chồng cho đáng tầm chồng,
Bỏ công trang điểm má hồng răng em”...*

Lần giờ sách xưa thì tục nhuộm răng đen của người Việt (đàn ông cũng nhuộm) có từ thời cổ đại, nghĩa là trước khi nhà Hán bên Tàu sang xâm lược Việt Nam và phong tục này được duy trì khá lâu, bằng chứng là đến thời Hoàng đế Quang Trung tiến quân ra Bắc đánh đuổi giặc Thanh xâm lược ở đất Thăng Long (Hà Nội) năm 1789 đã có lời hiệu triệu binh sĩ và người dân rằng: *“Đánh cho đứt dài tóc, Đánh cho đứt răng đen...”*.

Vào thời xưa, cứ đến tuổi 13 - 15 là các cô gái Việt Nam đến tuổi nhuộm răng đen, vì đây cũng là tuổi bắt đầu cưới chồng, gã chồng:

“Lấy chồng từ thuở mười ba,

Đến năm mười tám thiệp đà năm con...”

Tục nhuộm răng đen ở phụ nữ xưa là một phong tục làm đẹp phổ biến ở nhiều nền văn hóa, bao gồm Việt Nam và Nhật Bản, không chỉ thể hiện vẻ đẹp thẩm mỹ mà còn mang ý nghĩa dân tộc, hôn nhân và sức khỏe. Phụ nữ nhuộm răng bằng các loại thảo mộc, nhựa cây hoặc hỗn hợp hóa học để hàm răng chuyển sang màu đen bóng, biểu thị sự quý phái, trưởng thành và sự kết hôn.

Xưa, người phụ nữ sở hữu hàm răng đen bóng cũng quan trọng không kém gì có mái tóc dài óng ả. Nhuộm răng thường đánh dấu ngưỡng cửa bước vào tuổi trưởng thành của người phụ nữ. Cô gái nào nhuộm răng đen thì sẽ có nhiều chàng trai để ý. Và một cô gái có hàm răng đen còn thể hiện tính cách chăm chỉ, khéo léo, kiên trì.

Tục nhuộm răng đen của người Việt có thể ra đời từ thời các vua Hùng, gắn liền



Tục nhuộm răng đen của người Việt (Ảnh sưu tầm).

với tục ăn trầu và là một quan niệm thẩm mỹ, sự trưởng thành, lòng tự tôn dân tộc và để phân biệt văn hóa với các dân tộc khác. Vào đầu thế kỷ 20, khi giao tiếp với văn hóa phương Tây, tục nhuộm răng đen ở nước ta từ từ chuyển đổi qua để răng trắng và biến mất, chỉ còn sót lại phong tục nhuộm răng đen ở một vài vùng nông thôn miền Trung Bắc bộ ra phía Bắc.

Nhuộm răng ở phụ nữ trong con mắt người xưa hẳn bắt mắt lắm, bởi lẽ trong mười cái duyên ngầm của một cô gái đẹp người, đẹp nét có đủ công - dung - ngôn - hạnh, là những hình thức được “liệt kê” trong một bài ca dao mà bộ răng đen đứng ở hàng thứ tư:

*“Một thương bỏ tóc đuôi gà,
Hai thương ăn nói mặn mà có duyên,
Ba thương má lúm đồng tiền,
Bốn thương răng lóng hạt huyền”...*

Nhuộm răng đen là một thời thượng hội ấy, nó trên cả chiếc cổ yếm đào, nón

quai thao và đôi mắt lá răm quyen rũ. Nhuộm cho được một hàm răng đen bóng là một công việc mất nhiều thời gian (nghe nói cả tuần mới nhuộm xong cùng với kiêng khem việc ăn uống). Đã thế lại duy trì đều đặn 1 năm phải nhuộm răng trở lại 1 lần. Do vậy, giá trị của hàm răng đen đẹp không thể so sánh được:

*“Mình về mình có nhớ ta,
ta về ta nhớ hàm răng mình cười,
Năm quan mua lấy miệng cười,
Mười quan chẳng tiếc, tiếc người răng đen”...*

Cái đẹp thứ hai của phụ nữ nước ta ngày xưa là mái tóc vấn (đàn ông chỉ búi tóc). Người phụ nữ thời đó khi ra đường không để mái tóc dài thướt tha, hoặc cắt tóc ngắn như ngày nay. Phụ nữ xưa dù trẻ hay đã lớn tuổi thì lúc nào cũng vấn mái tóc rất gọn gàng dưới vành khăn đóng, khăn mỏ quạ, với đường ngôi rẽ ở chính giữa mái tóc.

Trong những hình ảnh thời xưa chụp các bà, các cô vào những năm đầu thế kỷ 20 còn lưu giữ, thơ tự trong nhiều gia đình, dòng tộc ta sẽ thấy rõ điều này. Và “cái đuôi gà” trong bài ca dao Mười thương nói trên chính là biểu hiện cho kiểu tóc vấn của người phụ nữ miền Bắc tính từ phía đèo Ngang trở ra. Ở miền Nam thì chuộng

kiểu tóc vấn thành búi ở sau gáy và quấn thêm chiếc khăn rằn.

Cũng do ảnh hưởng văn hóa phương Tây, các kiểu vấn tóc của phụ nữ nước ta ngày càng thay đổi, các cô gái của những năm 1930 bắt đầu thích vấn tóc trần để dễ đi làm, đi học cho gọn gàng. Còn muốn làm đẹp, làm duyên thì chải tóc rẽ đường ngôi, lệch qua một bên, hay kẹp mái tóc dài rồi thả buông sau lưng (gọi là mái tóc thề và kiểu tóc này một thời đã làm say đắm biết bao chàng trai, trong đó có cả những nam nhà thơ tiền chiến).

Thơ ca Việt Nam thường ví "tóc thề" của người phụ nữ như biểu tượng cho sự trinh nguyên, mượt mà và vẻ đẹp dịu dàng, gắn liền với những rung động đầu đời và sự bối rối, e ấp trước tình yêu. Dưới đây là một bài thơ (người viết không rõ tên tác giả) đã minh họa cho điều thú vị này:

*"Mái tóc con gái dịu dàng,
Thơm mùi hoa bưởi, vương màng
gió lay.*

*Mơ mộng tuổi thiếu nữ ngây,
Bao nhiêu nhung nhớ đọng đầy
trong tim.*

*Rồi ngày anh đến, ngại ngùng,
Run run mái tóc, gió vương mái
đầu.*

*Lời yêu đôi lứa nỉ non,
Tóc dài quyến tóc, bồi hồi biết
trao.*

*Khi thành duyên, tóc búi cao,
Hẹn thề năm tháng, phai màu
thuở xưa."*

Mái tóc thề là những ngây thơ, là tình yêu ấy, say sưa một thời. Sau đó, cùng với những bộ phim châu Âu xuất hiện, từ năm 1945 trở đi, các mốt tóc chải bắt đầu ra

đời qua các kỹ thuật uốn tóc. Từ kiểu tóc bông trước trán, quấn lộn sâu kèn hai bên đến mái tóc uốn xoắn. Tóc "phi dê"...

Cái đẹp thứ ba của phụ nữ nước ta thời xa xưa có lẽ là trang phục. Ngạn ngữ có câu "nhất da, nhì dáng", mà dáng hấp dẫn của người phụ nữ nếu không nhờ trang phục tôn lên mà còn góp phần che bớt phần khiêm khuyết của cơ thể (như mập quá hay gầy quá...).

Bộ trang phục truyền thống đẹp nhất thời nay là chiếc áo dài, nhưng trước đây phụ nữ Việt vẫn thường khoác trên mình những bộ trang phục duyên dáng khác: ở miền Bắc thì có áo tứ thân 4 vạt, xẻ chính giữa ngực để lộ bên trong chiếc yếm đào.



Mái tóc thề của người phụ nữ Việt (Ảnh sưu tầm).

"Dãi yếm đào" (hay còn gọi là "dải yếm đào") là một cách diễn tả hình ảnh chiếc yếm đào, một loại trang phục áo lót truyền thống của phụ nữ Việt Nam, được làm bằng tơ lụa và thường có màu sắc đỏ tươi, toát lên sự quyến rũ, duyên dáng nhưng vẫn kín đáo. Yếm đào được phụ nữ nước ta sử dụng trong các dịp lễ hội và đi vào ca dao, văn học để miêu tả vẻ đẹp của người con gái. Cùng với yếm đào, phụ nữ phía Bắc nước ta còn có khăn mỏ quạ hay chiếc nón quai thao. Còn phụ nữ phía Nam thì thường diện chiếc áo dài 2 tà, cài khuy bên phải theo kiểu Trung Hoa (đội chéch nón thúng rộng vành)...

Ở thế kỷ 19, phụ nữ nước ta còn làm duyên bằng "chiếc quần một ống" (dạng chiếc váy ngày nay) bởi vào thời vua Minh Mạng, sau khi đã ổn định vương triều, muốn thống nhất phong tục hai miền Bắc – Nam nên đã có lệnh cho phụ nữ đàng Ngoài phải mặc chiếc quần ống màu đen dài chấm gót như ở Đàng Trong. Điều này đã được phản ánh qua câu ca dao:

*"Tháng sáu có Chiếu vua ra,
Cắm quần không đậy người ta hãi hùng,
Không đi thì chợ không đông,
Đi thì phải lột quần chông sao đang!"*.

Thế nhưng may mắn thay, sự tồn tại của chiếc "quần không đậy" ấy chỉ kéo dài không lâu. Vào năm 1930, bộ áo dài phụ nữ Việt Nam ra đời, làm cho đôi chân người con gái Việt như cao hơn và các đường cong tuyệt mỹ trên cơ thể người phụ nữ Việt càng trở nên rõ nét, mềm mại, uyển chuyển và hấp dẫn hơn gấp bội.

Đi kèm với trang phục để làm đẹp ấy hẳn ít ai để ý tới vật dụng nâng cái đẹp của người phụ nữ xưa, đó chính là đôi guốc! Đôi guốc đã trở thành biểu tượng của sự

duyên dáng, ngây thơ, nhí nhảnh qua bài thơ "Chùa Hương" của nhà thơ Nguyễn Nhược Pháp. Bài thơ có tên nguyên bản gốc là "Chùa Hương", chứ không phải "Em đi chùa Hương" như các thế hệ đời sau đã đề cập. Bài thơ nổi tiếng này được sáng tác vào năm 1932, sau đó đã được in lại (tái bản) trong tập thơ "Ngày xưa" của ông, xuất bản năm 1935.

Nhà thơ Nguyễn Nhược Pháp miêu tả cảnh cô bé chuẩn bị đi lễ Chùa Hương và vẻ đẹp của cô bé trong trang phục truyền thống. Đó chính là "ký sự" về một thiếu nữ miền Bắc ngày trước kể với bạn rằng:

*"Hôm nay đi Chùa Hương,
Hoa cỏ mờ hơi sương.
Cùng thầy mẹ em dậy,
Em vấn đầu soi gương.
Khăn nhỏ, đuôi gà cao,
Em đeo dải yếm đào;
Quần lĩnh, áo the mới,
tay cầm nón quai thao.
Mẹ cười: 'Thầy nó trông!
Chân đi đôi dép cong,
Con tôi xinh xinh quá!'..."*.

Cũng cần nhắc lại, từ ngàn xưa, đôi guốc mộc đã gắn bó mật thiết trong đời sống của người Việt sau khi bỏ thói quen đi chân trần (đi chân đất). Với đàn ông thì sử dụng đôi guốc gộc, được gọt đẽo bằng gỗ nhẹ theo hình chiếc xuồng, mũi đôi guốc gốc uốn cong, quai tết bằng sợi mây; nhưng với phụ nữ thì thân guốc mộc thường có eo ở chính giữa và đôi guốc ấy được sơn màu (thường màu nâu và đen, hoặc sơn mài). Đôi gót sơn mang guốc mộc được che phủ bởi tà áo dài, và những bước đi nhẹ nhàng, thướt tha chính là vẻ đẹp nên thơ về phụ nữ Việt Nam từ xa xưa./.